

VĂN HỌC TIÊN CHIÊN

Đào Trinh Nhất

Cô Tư Hồng

tiểu thuyết



vh NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Cô Tư Hồng

Tác giả: Đào Trinh nhất

Tuyển chọn và giới thiệu Nguyễn Quang Thắng

Nhà xuất bản tổng hợp TP. Hồ Chí Minh

Nguồn: tve-4u.org

Scan sách: [cailubietdi](http://cailubietdi.com)

OCR, làm ebook: Bọ Cạp

Mục lục

- [1. Phần sơn riêng một sơn hà](#)
- [2. Dòng dõi nhà vua](#)
- [3 Con voi cái.](#)
- [4. Giặc cờ đen và Trần Thị Lan.](#)
- [5. Cô hàng rượu.](#)
- [6. Túy ông chi ý bất tại tửu](#)
- [7. Mưu sâu của cụ Bá.](#)
- [8. Thầy nó ơi! Cái Lan trốn đi mất rồi.](#)
- [9. Con Cosette ở Thành Nam.](#)
- [10. Lưu lạc ra tận Hải Phòng.](#)
- [11. Tại sao có cái tên Hồng?](#)
- [12. Hóa An Nam, lữ khách trú](#)
- [13. Anh đi đặng anh, tôi đi đặng tôi.](#)
- [14. Một đêm dưới tàu Cửu Giang.](#)
- [15. Gặp được cả chồng lẫn cha.](#)
- [16. Lần thứ nhất, bác Phó ăn phó mát.](#)
- [17. Cha con phá thành Hà nội ròn rã ba năm.](#)

18. Bắt được vàng chôn hay chỉ là có đồng đá.
19. Nhà buôn gạo được vua Thành Thái ban khen phong sắc.
20. “Madame cô Tư” khoảng được một mẻ hơn mười vạn bạc.
21. Câu đối mừng của hai nhà danh sĩ
Tam Nguyên Yên Đỗ và Trần Tấn Bình
22. Một vài việc làm tỏ ra người có thủ đoạn chẳng vừa.
23. Nhân duyên giữa cha và con
24. Má hồng đến lúc phôi pha.
25. Vợ chồng dắt nhau đi Cao Miên.
26. Đánh ván bài cuối cùng lại bị thua.
27. Trước khi nhắm mắt ăn năn xin lỗi Chúa trời.

1. Phần son riêng một sơn hà

Vào khoảng trung tuần tháng giêng năm Canh Tuất (1910), hồi 9 giờ sáng, một ông cụ hình dáng cục mịch hom hem, râu tóc đã bạc gần hết, mình mặc áo the sờn vai, chân đi đôi giày da lộn, một tay kẹp chiếc ô vào nách để chống đầu nhọn lên trên, tay kia xách một lồng chim bồ câu độ chục con, xem bộ tịch rõ ra một vị huynh thứ trong làng, lên tỉnh có việc.

Không ai biết cụ từ đâu đến, chỉ biết khi xuống xe hỏa ở ga Hàng Cỏ, cụ lần mò hỏi thăm người ta đường lối về ngõ Hội Vũ.

Ngõ này ở Hà Thành ta ba chục năm trước hẹp nhỏ, đường đi còn rải gạch non phú cát, hai bên cỏ mọc làm bờ, phía trong còn nhiều đất để hoang chưa làm nhà; quang cảnh đó đâu sửa sang vui vẻ và cửa nhà tấp nập được như bây giờ.

Tuy vậy, lúc đó ai mới ở ngoài bước vào đầu ngõ, cũng trông thấy ngay một tòa lâu đài sừng sững, kiến trúc xen lẫn hai kiểu Tây Tàu, nhưng đại thể kiểu mới nhiều hơn: nguy nga, đột ngột, rộng rãi, có vẻ như một chốn phủ đệ thâm nghiêm, đài các. Chỉ cái ngoại quan đủ tỏ cho những người trông vào phải đoán ngay chủ nhân tất là một bậc phong lưu, quý hiển.

Thì xem tết Nguyên đán đã đi qua khỏi hơn nửa tháng rồi mà từ ngoài cổng vào đến trước thềm, hai hàng chậu cúc vàng, cúc trắng vẫn còn khoe hết vẻ đẹp, chưa tàn. Những xác pháo nghinh xuân đỏ ối hãy còn tươi bởi ngổn ngang mặt đất, như dán mình dưới lằn bánh xe chéo chồng lên nhau. Đó chính là dấu vết phô bày cho người ta biết nhà này rất mực hào hoa, trong mấy hôm đón rước xuân về, đã có bao nhiêu khách y quan xa mà lui tới

Tội nghiệp ông cụ thôn lão ban nãy tìm đến ngõ Hội Vũ là cốt vào nhà này, nhưng khi đến nơi, trước cảnh tráng lệ đồ sộ bất ngờ, cụ cứ đứng ngấp nghé thập thò ngoài cửa, không biết tính thế nào, cũng không dám gọi ai.

Trời lạnh tuổi già, mấy tiếng ho húng hắng không thể cầm nổi; ba bốn con chó Tây ketch xù ở trong nhà thính gai nghe động, cùng ồ ra một lúc, vừa sủa vừa chồm lên song sắt, như mắng mỏ và muốn nhai ông lão nhà quê. Ông lão giật mình hoảng sợ, lùi hẳn ra mấy bước. Cũng may cổng đóng then gài không thì tấm áo the cũ kĩ của con nhà nghèo đã bị lũ chó nhà giàu xé rách, cả đến da thịt cũng có thể liên lụy mà chẳng biết thừa kiện ai được.

Một cậu bồi, mặc áo cổ lả, thắt lưng nhiều đở ba múi, ứng theo tiếng chó sủa, vội vàng chạy ra:

-Ông lão đi đâu đấy, không biết kéo chuông gọi cửa, cứ thập thò, thập thọt cho lũ chó cắn rằm lên, muốn nghe bà lớn quở cho mất mặt phải không?

Ông cụ nhỏ nhẹ lễ phép nói:

-Lão xin lỗi cậu, cho lão hỏi thăm điều này kìa không phải, đây có phải là nhà Bà lớn Án, quê dưới Hà Nam không? Bà lớn đã dậy chưa?

-Chính phải đây. Bà lớn dậy từ lúc nãy.

-Phiền cậu làm ơn bấm giùm có Phó cụ ở làng lên hầu Bà lớn có chút việc.

Cụ Phó cụ theo cậu bồi dẫn vào, vừa đến bậc thềm, cụ trật đôi giày da lộn để lại đó với chiếc ô, tay xách lồng chim rón rén bước lên. Cậu bồi nói nhỏ:

Cụ chịu khó đứng đợi đây một lát, tôi sẽ bấm cho, vì hiện giờ Bà lớn còn mắc tiếp chuyện bà Chánh tòa và bà tuần Lạng ở nhà trong.

Chỗ cụ Phó ta khúm núm đứng chờ có thể dòm xiên vào trong khách phòng chính giữa, rộng lớn menh mông. Cụ dòm ngó sừng sốt, không rời. Bên trong, đầy những vàng ngọc ánh lộn, khiến cụ phải ngậy người choáng mắt. Bao nhiêu vật trần thiết lộng lẫy riêng một khu đó, đời cụ mới được

trông thấy là lần thứ nhất. Cụ nhớ có lần được vào trong dinh cụ Tuần bản tỉnh, nhưng sánh lại cảnh sắc hai đang xa nhau một trời, một vực.

Cụ để ý nhất và tấm tắc khen thầm bức hoành phi sơn son thếp vàng, chạy nền gấm, treo chính giữa nhà, bốn chữ vàng “樂捐義婦, Lạc quyên nghĩa phụ” nổi bật lên. Dưới đó một cái hương án cao, chạm lưỡng long triều nguyệt, cũng sơn son thếp vàng bóng lộn; trên mặt bày một cái hộp đồ dài, chân quì. Cụ Phó đoán chắc đây là hòm sắc, vì cụ nhớ hòm sắc Thành hoàng làng mình cũng thế. Trước mặt hương án, kê chiếc sập bằng cẩm lai khảm xà cừ, trên giải nệm gấm xanh. Cách một bộ bàn ghế kiểu Tàu, mặt đá, chùi đánh bóng nhoáng, tới cái giá đề hai chiếc ngà voi to tướng và bộ đỉnh bằng đồng đen nạm vàng. Hai bên kê hai cái tủ lồng kính ba mặt, cao gần đến trần nhà, bên trong bày toàn đồ vật pha lê, ngọc thạch, mã não. Thế rồi cụ Phó ta rồi tíu cả hai mắt với những đôn, những chậu, những đồ cổ, những đoản kiếm, những quạt lông, những câu đối sơn thếp, bày la liệt trong phòng, treo tứ tung trên tường, mà thứ nào cũng là huy hoàng đoạt mục hết thảy.

Này giờ cụ Phó ta mãi nhìn sững đầu đầu, không thấy góc buồng bên trái, ngay cửa chính bước vào, một chú hổ cực to, ngồi phục vị trên một tấm thảm bằng nhung. Nhõn quan của cụ đảo quanh tứ phía, chợt đưa tới đó, thấy rõ ràng chú hổ ngồi ngửa mặt nhe răng, hai mắt tròn xoe, ngó ngay vào mặt cụ một cách lăm liệt, dữ dội, đầy đầy sát khí. Cụ mất cả hồn vía. Chỉ thiếu một li nữa là cụ kêu rú lên, bỏ phăng cả lồng chim mà chạy lấy thân. Nhưng rồi trí thông minh sau chót của một bác nhà quê đã có tuổi, đánh thức cụ sực tỉnh ngay: chắc là con cọp nhồi trấu, chứ cọp thật ai mà dám thả lỏng như thế.

Cái Lan làng ta — cụ Phó nghĩ thầm trong bụng — sang trọng đến thế là cùng, bắt cả ông Ba mươi về nhà bày cảnh mà chơi.

Giữa lúc ấy, cánh cửa buồng sau thông với phòng khách có tiếng kẹt mở, ba người thiếu phụ từ trong đi ra. Cụ Phó vội chỉnh lại dung mạo, chấp

tay sẵn sàng, chờ cho người thiếu phụ đi sau hết, bước gần tới bên mình, bấy giờ cụ cúi đầu vái chào rất cung kính:

-Bẩm Bà lớn ạ!

Bà lớn, chính là chủ nhân dinh cơ tráng lệ này, cụ Phó ta đợi chờ bái yết này giờ.

Tác người vạm vỡ, khỏe mạnh, nét mặt tròn trặn, trông vẻ hào hoa có gương phúc hậu, miệng nói cười rất có duyên, nhất là cặp mắt ngó sắc sảo, tinh anh, ai mới trông thấy, không cần phải tài năng thầy tướng, cũng biết ngay là con người thông minh, khôn khéo, lại có cái dáng trầm mặc, hiên ngang. Khác hẳn với hai bà khách trang điểm ngọc vàng vóc nhiều từ đầu đến chân, chủ nhân lúc ấy mới bốn mươi tuổi, không phải là không có nhan sắc, nhưng y phục rất nhã nhặn, như hạng đàn bà buôn bán, chứ không ưa trang sức, khoe của.

Tiền chân hai bà khách tỉnh ra tận ngoài cổng, chủ nhân mới trở vào tiếp vị khách quê:

-À, bác Phó lên chơi. Đi vào nhà trong uống nước.

Cụ Phó xách lồng chim theo gót Bà lớn vào nhà trong, đặt xuống và chấp tay nói:

-Gọi là có chút vi thiềng đem lên biếu Bà lớn.

-Bác khéo bày vẽ làm gì cho tốn tiền.

-Bẩm, chim nhà chúng tôi nuôi ạ.

Bà lớn gọi bồi đem ngay lồng chim xuống bếp, vì sợ để lâu, nó bậy lên trên những viên gạch hoa đánh bóng, có thể soi gương. Rồi quay lại hỏi bác Phó:

Làng ta có chuyện gì lạ không? Cụ cố nhà tôi có nhận gì không? Tôi mới gửi về biếu cụ mấy trăm đồng bạc cao nhưng, chẳng biết cụ đã bắt đầu

dùng chưa? Còn bác, lên có công chuyện gì đó?

-Bấm chúng tôi lên hầu Bà lớn vì việc ruộng.

-Ruộng ở đâu?

-Bấm, khu ruộng ba chục mẫu Bà lớn tậu năm xưa ở giáp hạt Kim Bảng, chia ra năm bảy người lĩnh canh, nghe nói họ làm lụng không tận lực, thành ra vụ nào đong lúa cũng không đủ. Vậy để hết vụ chiêm này, Bà lớn cho một mình chúng tôi lĩnh canh, lệ luật đối với người ta ra sao thì chúng tôi cũng xin chịu như thế.

-Việc ấy, sao bác không bấm ngay Cụ cố có tiện không? Tôi ở Hà Nội mắc lo những việc buôn bán lớn lao, giao thiệp với các quan khách tới lui tấp nập suốt ngày, không còn thời giờ nào để tâm đến chuyện ruộng đất ở nhà quê. Chuyện ấy đã có Cụ cố. Bác cứ về bấm với Cụ. Hễ cụ cho là được. Chỗ làng xóm bà con với nhau, tôi không nề hà gì. Để tôi viết thư nói giùm bác với Cụ, cho bác lĩnh canh nhớ!...

Bà lớn bấm chuông bảo bồi đi gọi thầy thư kí riêng vào. Cụ Phó tướng là vì việc ruộng cho cụ, nhưng lại nghe Bà lớn nói:

-À, thầy thư kí, thầy đánh máy lập tức một bức thư cho nhà hàng Métôbon, bảo họ tối mai nhà mình có tiệc 50 quan khách, mình chỉ đặt họ cho người vào nấu và bồi hầu hạ, còn các vật liệu và đồ dùng, nhà mình có đủ hết rồi, không cần gì của họ.

Thầy thư kí dạ một tiếng, vừa lui trở ra, Bà lớn gọi giật lại:

-Thầy đã gửi thiệp mời đủ hết mọi nơi chưa?

-Dạ, đã gửi hết từ ngày hôm qua.

-Cả vợ chồng quan tư Choeffet, quan năm Bonifacy, ông Thông Thu, ông Bạch Thái Bưởi, cụ đốc Trần Tấn Bình?

-Vâng.

-Thế còn một việc này nữa. Chiều nay thầy xuống Thái Hà — chỗ thầy đi khuya về sớm mãi, chắc không lạ đường - tìm anh quản ca hiếng mắt dòm trời đó, dặn anh ta lựa chọn 12 cô đào thật xinh, tối mai lên đây hát và múa bài bông cho các quan khách xem nhớ. Còn việc gửi mấy toa gạo vào Nghệ, thôi để ngày mai sẽ tính.

Bà lớn quay lại ông khách nhà quê:

-Đấy bác xem một tay đàn bà như tôi, mỗi ngày biết bao công việc; một người đàn ông, chưa chắc đã kham nổi. Giờ, bác xuống nhà dưới nhà nghỉ ngơi, sẵn dịp ở chơi đến tối mai, xem bữa tiệc trọng thể nhà này, cho biết cảnh phồn hoa bực nhất Hà thành, kéo ở nhà quê đến chết cũng không được thấy.

Cụ Phó trở ra ngoài thêm, lấy đôi giày da lộn và chiếc ô, rồi lủi thủi đi xuống nhà dưới, trong óc lại suy nghĩ thăm vụng vãn vợ:

Ai ngờ cái Lan làng mình mà tây đến thế; chẳng bù lúc xắn váy quai cồng, vớt bèo nấu cám cho lợn ăn, cả mấy bố con nghèo cực khổ sở, có hơn gì mình đâu chứ!

Nếu quả có cái máy đo tâm lí như bên Hoa Kỳ đã phát minh, mà nhà này có mua một chiếc về làm cảnh chơi, thì chắc nó đã chụp được những tư tưởng thăm vụng kín đáo ở trong tâm não cụ Phó:

- Chú đã hai lần nghĩ thăm về bà chủ ta.

Thật thế, cụ đã suy thăm nghĩ vụng đến cái Lan hai lần.

Cái Lan là ai?

Chính là Bà lớn, mà cụ Phó đánh đường từ Hà Nam lên để cầu lụy về việc lĩnh canh, thừa bẫm một cách cung kính, và được thấy tận mắt bao nhiêu lớp sơn vinh hoa phú quý đã che lấp mất cái dĩ vãng của con bé nhà nghèo mấy chục năm về trước.

Bà lớn là ai?

Chính là người thiếu phụ, làm chủ cái dinh cơ đồ sộ ở ngõ Hội Vũ và bao nhiêu ruộng đất, bạc tiền, nhà cửa khác nữa, má hồng nổi tiếng, tay trắng làm nên, đã có nhất thời oanh liệt vang động xứ Bắc: cô Tư Hồng.

Ngày nay, người đã lên xe thiên cổ, nhà còn trơ dấu tang thương; những ai sẵn lòng hoài cảm, đi qua trước tòa lâu đài ở ngõ Hội Vũ, không khỏi ngậm ngùi chạnh nhớ đến hai câu cổ thi:

Trước sau nào thấy bóng người,

Hoa đào năm nọ còn cười gió đông.

2. Dòng dõi nhà vua

Có đời phi thường mới sinh ra người phi thường.

Có người phi thường mới làm được việc phi thường.

Các ngài cứ xem những câu chuyện lần lượt kể ra sau đây, sẽ nghiệm thấy hai câu của Trần Lâm mở đầu bài hịch đánh Tào là đúng.

Thiết tưởng không phải nói quá đáng: Con người đóng vai chính ở trong những trang giấy này tức là một kẻ phi thường, sinh ra đời phi thường, đã làm được việc phi thường.

Truy tầm gốc tích tổ tiên 800 năm trước, đã thấy có sự phi thường rồi.

Hồi đó, chắc là vận số nhà Lý đến lúc suy vi, thiên mạng đến lúc cần phải đời đổi, cho nên xui khiến ngôi báu không truyền cho một người Tôn thất nào lớn khôn, lại đặt vào trong tay Chiêu Hoàng, một cô bé mới có tám tuổi. Cô bé hỉ mũi chưa sạch, không chừng đêm nằm còn đái dầm mê mê, biết quái gì là ngôi vua việc nước mà người ta vội đặt lên ghế chí tôn và trao cho cái gánh trách nhiệm quá lớn. Nhất là bên mình không có những bậc lão thần, tận trung phò tá. Một đời phi thường.

Trần Thủ Độ, người làng Tức Mặc tỉnh Nam Định, lúc bấy giờ làm Thái sư trong triều, tức là một vị trọng thần phụ chánh của Lý Chiêu Hoàng. Vốn người cơ mưu, giáo quyết, lại đang ở địa vị trọng yếu nhất nước, oai quyền hiển hách giữa chốn miếu đường, nếu Thủ Độ muốn thừa thời cướp ngôi nhà Lý cho mình, chắc là được ngay. Nhưng có lẽ còn sợ nhân tâm bất phục hay hậu thế chê cười sao đó, Thủ Độ khôn ngoan, tính đi nước cờ cao tay hơn: bắt chước cái cố chí của Tào Tháo để ngôi nhà Hán lại cho con là Tào Phi, vừa không mất cái danh vị tôn vinh mà bản thân lại tránh được miệng tiếng thoán đoạt đối với thiên hạ hậu thế.

Song, lúc ấy hoặc giả Thủ Độ chưa có con trai, hay là có rồi, mà cậu ấm ta xấu xí ngu đần, không đủ tư cách đóng nổi vai tuồng mình sẽ đặt cho. Không con thì cháu, cũng là lọt sàng xuống nia, có mất mát đi đâu mà sợ. Sẵn có cậu cháu Trần Cảnh, mới chín mười tuổi, tính nết lạnh lẽ, khôn khéo, lại được cái bộ mặt khô ngô, Thủ Độ lợi dụng oai quyền của mình, tiến dẫn ngay cậu cháu Cảnh vào ở trong cung cấm, phục dịch chung quanh ngài ngự; tiếng phổ thông ta gọi là thằng nhỏ hầu cận, nhưng vua chúa đặt cho cái tên sang trọng là nội thị.

Nước ta thuở ấy, hẳn chưa có lệ bắt buộc mấy chú đàn ông con trai vào hầu nội cung tất phải là hoạn quan, cho nên Thủ Độ mới đem cậu cháu Trần Cảnh nguyên lính vào ở bên Chiêu Hoàng được như thế. Hay người ta nghĩ hai đảng còn là tí nhau cả, chưa có gì phải lo.

Trần Cảnh tinh ranh, khéo hầu hạ vừa lòng nhà vua ra sao không biết; một sáng kia, theo như lệ thường, cậu bưng thau nước dâng lên ngài ngự rửa mặt, lần này Chiêu Hoàng lại nô đùa trẻ con - vì còn đang tuổi bé bỏng chơi nghịch, mặc dầu làm vua - lấy tay múc nước, tạt vào mình cậu.

Trò chơi vô tình của Chiêu Hoàng trúng ngay vào chỗ đợi chờ hữu ý của Thủ Độ.

Chỉ có thế thôi, mà Thủ Độ được dịp trình trọng tuyên bố giữa triều đình rằng hoàng thượng đã kén chồng, và cái cử chỉ tạt nước tức là có ý giao cả nước non lại cho Trần Cảnh.

Thế là ngôi vua trải qua một cuộc đổi triều, thay họ rất êm thấm, dễ dàng, nhờ một đám cưới.

Từ đó cận thị Trần Cảnh trở nên Thái tôn hoàng đế, vua sáng tạo nhà Trần.

Đoạn lịch sử dị thường và thú vị ấy hẳn các ngài đều nhớ.

Tự nhiên Thủ Độ có công gây dựng đế nghiệp, trong lúc vua cháu còn nhỏ, quốc gia quyền bính, thao túng trong tay. Sau, Thủ Độ già yếu về hưu,

nhà vua ghi nhớ công ơn to tát ấy, phong cho ông làng ở gần bên Tức Mặc quý hương để làm thực ấp.

Tương truyền làng này là nơi văn vật tối cổ, nhà địa lí nói có nhiều kiểu đất tuyệt đẹp. Thủ Độ về dựng hữu đình ở trên một khu vỹ rộng rãi, ngó ra trước mặt có những hình đất giống như vông lọng, cờ quạt, voi ngựa trống chiêng, như nghi vệ thiên nhiên của một vị tể tướng vậy.

Thực ấp ngày xưa của Thủ Độ chính là làng Thành Thị thuộc về tỉnh Hà Nam ngày nay. Tại đây, hiện còn dấu tích và lăng mộ Thủ Độ; con cháu trải mấy chục đời sinh tụ, biệt lập một chi họ Trần.

Đến lúc cha con Hồ Quý Ly đoạt ngôi nhà Trần con cháu ở làng Tức Mặc sợ họa, nhiều người chạy sang thực ấp Thủ Độ nương náu rồi cũng sinh cơ lập nghiệp luôn ở đó, truyền đời hết đời nọ sang đời kia. Thành ra làng Thành Thị ở Hà Nam bây giờ tuy có hai chi họ Trần, nhưng kì thật là cùng một gốc ở làng Tức Mặc bên Nam Định.

Cô Tư Hồng - nhiều người gọi là bà Ân Hồng — chính danh Trần Thị Lan, người làng Thành Thị, tỉnh Hà Nam, dòng dõi của chi họ Trần ở Tức Mặc, cô là dòng dõi vua chúa nhà Trần nước ta vậy.

Đứng về gia tộc mà nói, từ Thủ Độ đến cô, ra cô cũng là một người phi thường, gặp đời phi thường, làm việc phi thường nữa; cố nhiên, mỗi người có một phương diện khác nhau.

3 Con voi cái.

Tôi đổ ai muốn kiếm tìm nguyên lai phát đạt của một gia tộc, một nhân vật nào trong xã hội ta, mà trước không thấy đất.

Đời có thiếu gì khách tài hoa. Nhưng không phải cứ tài hoa đều được thanh nhân, phú quý. Chẳng thấy những hạng như Manon hay Dupleissis, kẻ thì chết vì nghèo khổ, người thì chết vì ho lao. Cô Tư Hồng “tay trắng làm nên cơ nghiệp lớn, má hồng trang điểm phấn son vua” hình như có một số phận đặc biệt. Nhất là nhà cô, luôn bao nhiêu đời tổ phụ nghèo khó, bùng phát ra một người đàn bà “có tàn, có tán, có hương án thờ vua, được sắc phong cho cụ”, nếu quá nhờ hòn đất, thì hòn đất ấy cũng kì.

Chắc độc giả không ngại gì câu chuyện dông dài.

Vùng Thành Thị còn có ông già, bà cả nhớ chuyện hơn trăm năm nay, ông tổ tứ đại của cô Tư Hồng làm chánh tổng, có tiếng hiền lành, phúc đức được dân cả vùng mến yêu, gọi là cụ tổng Bụt.

Lúc đó về đời Lê mạt, hai triều Tây, Nguyễn đang tranh nhau thiên hạ nhuộm máu giang sơn suốt cả nam bắc.

Sau khi thân phục được cả Gia Định, Phú Xuân rồi, đức Cao Hoàng đem quân ra bình định Bắc Hà, nơi còn có dư đảng Tây Sơn nhiều nhưng cát cứ.

Tương truyền một hôm về chiều, long thuyền ngự đến khúc sông làng Thành Thị thì nghẽn mất lối đi. Tình thế của đức Cao Hoàng lúc ấy rất nguy, bởi tứ phía hình như đều có quân Tây Sơn truy tung khẩn cấp, thành ra xa giá không dám đổ bộ, chỉ còn một nước làm sao thông ra sông cái mới thoát được.

Ông tổng Bụt lập tức chiêu tập những dân phu đình tráng trong tổng được hơn ba ngàn người, ai nấy đều dự bị cuộc xéng, tức tốc đào một con

sông nhỏ. Nhờ lúc bình tĩnh được lòng dân kính phục, thành ra khi hữu sự, ai cũng tận lực. Chỉ có một đêm, mấy ngàn cánh tay lực điền ấy đào xong một con sông nhỏ từ làng Thành Thị qua ba làng nữa thông ra đến sông Bồ Đề. Giữa canh năm, cả đạo ngự thuyền và quan quân hộ giá đã có lối chảy ra sông Vị Hoàng.

Đến lúc Cao Hoàng định xong việc Bắc Hà, trở về Phú Xuân, thì ông tổng Bụt đã qua đời rồi. Ngài không quên cái công lao đào sông cứu giá, truy phong tước Triều nghiêm bá cho ông.

Tuy ông làm chánh tổng 35 năm và có danh vọng như thế, nhưng cảnh nhà rất là thanh bạch; có thể nói là nghèo đói, còn ít nhiều chữ nghĩa, giờ cảnh nhà ông bắt buộc phải xếp lại để đi tìm ăn nuôi mẹ.

Sẵn có viên chánh tổng mới ở làng Ngô Xá đang cần dùng một anh nho thay mình lo liệu giấy tờ việc quan, cậu con ông tổng Bụt sang xin làm chức ấy. Con chánh tổng cũ trở nên bác nho, tức là thủ hạ của chánh tổng mới.

Mặc dầu mưa nắng đường xa, ngày nào bác nho cũng sáng đi tối về, cho được phụng sự mẹ già, không hề sơ sót. Chánh tổng Ngô Xá trông thấy thế, sinh lòng cảm động, ngoài ra sự tư giúp càng ngày càng tin cậy mến yêu, coi như một người thủ hạ thân tín.

Nhà viên chánh tổng này vốn giàu có nhất vùng. Lại có tính hay cầu phúc hiếu danh, tin sự mờ mả, cho nên thường nuôi thầy địa lí Tàu cao tay ở trong nhà hàng tháng hàng năm, không ngại tốn kém. Mỗi ngày thầy địa lí Tàu tha hồ chè chén no say, chỉ có việc xách túi la kính địa bàn đi tróc long tâm hồ, rồi lại cất ngôi mộ này, để ngôi mộ kia cho nhà cụ tổng.

Khi có thầy Tàu đến ở, làm việc đất đai mờ mả nhà mình như thế, chánh tổng Ngô Xá đều phú thác cho tên thủ hạ thân tín là bác nho, giao tiếp thù tạc và hướng dẫn đường lối.

Người quanh vùng ấy, ngày nào cũng thấy hai người, một khách một ta, theo nhau như hình với bóng, lững thững đi hết gò này sang bãi kia, nay lần mò ở làng này mai lặn lội vào xóm khác.

Cặp kè với nhau lâu ngày, tự nhiên quen hơi bén tiếng. Bước đường khập khểnh buồn tình, thế nào cho khỏi thốt ra một hai câu chuyện tâm sự. Chú khách rõ biết anh chàng đồng hành với mình, vốn là con nhà gia thế, nhưng giờ sa sút khó khăn, một nách mẹ già, hai bàn tay trắng, tình cảnh rất là khốn đốn. Bác nho ta than thân buồn phận thì có, nhưng chắc trong chí không có cái mộng tưởng thay đổi mồ má đất đai. Muốn được đất trước hết phải có tiền. Bác tự biết thân kiệt xác như vậy lấy gì mà mua đất!

Một hôm về mùa hè, giữa lúc chính ngọ, ngọn lửa của mặt trời rọi xuống như thiêu như nấu, hai người phải vào ngõ nghỉ mát trước thềm một tòa cổ miếu thờ bà chúa Liễu ở bên cạnh đường. Trong khi bác nho ngồi trầm ngâm suy nghĩ đầu đầu, thầy địa lí Tàu cũng lẳng lặng ngó nhìn ra phía trước giây lâu, rồi lại ngăm ngía tướng mạo bác nho một cách chăm chú. Bác chỉ thấy tay ông cầm quạt phành phạch, miệng nói những tiếng lú lo lú lường gì mà bác nghe không hiểu. Một lát, ông tươi cười vỗ vai bác và nói với bác bằng tiếng An Nam rõ ràng, không chút ngượng nghịu, đủ tỏ ra ông đã lấy nghề địa lí ăn cơm Ó nàm, khoét hồ bao ó nàm, không phải là ít:

-Tôi trông diện mạo anh cũng có phúc tướng lắm đấy, không lẽ nghèo khổ mãi; chỉ vì còn thiếu âm chất đó thôi. Bởi vậy tôi đã lưu tâm tìm kiếm, để dành cho anh một kiểu đất rất hay...

Như được nghe chiếu chỉ thiên tử, mặt bác bỗng dưng đổi sắc, nét mừng nổi bật lên.

Thầy địa lí Tàu bảo bác đưa mắt đi theo ngón tay ông chỉ ra đám bãi tha ma ở trước mặt và nói:

-Kìa! Chính là kiểu đất tôi để phần cho nhà anh đó. Nhưng tất phải đến đời cháu chắt của anh thì mới thấy đất ấy phát. Tính ra cũng phải một trăm

năm sau. Thế, anh có ưng ý không?

-Thưa cụ, trời cho con cháu được hiển dương phát phúc thì ông bà cũng được thơm lây. Ai sống ở đời chẳng muốn lo xa cho con cháu hơn là bản thân.

Bác nho cảm động quá chỉ nói được mấy câu như thế rồi sụp xuống đất lạy ông thầy địa lí hai lạy gọi là tạ trước cái thâm ân cho đất. Nhưng rồi chợt nhớ đến cảnh nghèo mà ngao ngán, bác vừa nói vừa sụt sùi khóc lóc.

-Khốn nhưng cảnh nhà tôi nghèo khổ quá biết làm thế nào?

Thầy địa lí ôn tồn an ủi:

-Tôi há không biết cảnh nhà anh nghèo ra thế nào? Nhưng anh đừng lo, đếm mặc tôi toan liệu cách sao cho ông cụ nhà anh được có mồ yên mả đẹp thì thôi mà.

Tối hôm ấy, thầy Tào ngồi đánh chén với cụ chánh Ngô Xá. Trước bầu rượu, đĩa nem, không ai biết thầy đã khéo điều đình tán tỉnh ra sao, mà lúc bôi bàn còn đang lang tạ, cụ chánh gọi bác nho kiết lên, nói một cách trịnh trọng:

-Ta cho phép anh ngày mai đem đi hài ông cụ nhà anh tới cải táng ở miếng đất non Ngô mà ông thầy địa lí đây đã có hảo tâm làm phúc cho anh. Công việc di táng ấy phí tổn bao nhiêu ta sẽ chu cấp cho anh đủ hết, miễn được êm đẹp là quý; không cần gì phải cỗ lớn ma to mới là có hiếu, nghe chưa?

Thế là, một mặt nhờ thầy Tào cho đất, một mặt chánh tổng Ngô Xá giúp tiền, bộ xương khô của ông tổng Bụt qua ngày hôm sau được cải táng ở kiểu đất mới một cách chu đáo.

Cả đất ấy, mộ ấy, ngày nay vẫn còn di tích y nhiên.

Nó là một bãi rộng chừng bốn năm mẫu, cao hơn bình địa xấp xỉ một thước ta, hình tượng trông rõ ra con voi đưa vòi vợ lấy đám cỏ ở trước mặt.

Thầy địa lí Tàu điếm huyết cho mộ ông tổng Bụt táng ngay vào giữa ức con voi ấy.

Người ta thuật lại rằng giữa hồi bấy giờ, ở trên đám cỏ nằm trước mặt voi, đã có ngôi tổ mộ của nhà Bộ Định táng ở đó, con cháu đang phát giàu có thịnh vượng nhất nhì trong vùng. Nhưng quái thay! Từ khi có bộ xương ông tổng Bụt đem về kí tại ức voi, thì con cháu nhà kia bỗng hóa suy vì, sa sút, đến nỗi họ tức mình phải dời tổ mộ đi nơi khác.

Tuy vậy, nhà họ Trần cũng chưa thấy phát gì truyền nhau ba đời, vẫn nghèo xơ, nghèo xác. Họ trông mong mãi, chẳng thấy sinh được một chú đàn ông nào tài năng, có máu mặt, hầu được ứng nghiệm với kiểu đất.

Thì ra ông thầy Tàu tiên đoán một trăm năm sau kiểu đất con voi ấy mới phát.

Mà chắc con voi này là con voi cái, cho nên về sau mới phát ra một thị mệc có đủ cả “tàn, tán, hương án, hàn độc, tử sắt, nhà lâu”.

4. Giặc cờ đen và Trần Thị Lan.

Một thầy tử vi ở miền Nam, ngày nay đã già nói chuyện với tôi rằng bốn chục năm trước ông đã có xem số tử vi của Trần Thị Lan, còn nhớ rõ nàng sinh ra giờ ngọ, mùng 7 tháng 2 năm Kỉ Tị, dương lịch 1869. Giữa lúc ấy xứ Bắc đang bị giặc Cờ đen, Cờ vàng quấy nhiễu và bắt đầu đa sự.

Thân phụ nàng - nhờ hơi con mà trở nên Cự cố với hàm Hàn lâm thị độc sau này - lúc đó đang làm một bác phó lí kết cấu trong làng, mới ngoài ba mươi tuổi. Tuy vậy trước nhà cũng có vườn cảnh; trong vườn cảnh có một vài chậu lan. Ấy là cái mốt đương thời của những nhà khoa hoạn nho y và mấy nhà hào lí đàn anh chốn hương thôn, thường khi cốt thóc trong buồng không dính một hạt, nhưng thế nào ngoài sân cũng có chiếc bể cạn với hòn non bộ mốc rêu.

Chính ngày hôm cô ả vừa cất tiếng oe oe chào đời phi thường, hai chậu lan bạch ngọc trở được mấy giò hoa, ông Phó lí đặt ngay tên nàng là Lan, gọi thế là để kỉ niệm mùi hương vương giả.

Đời nàng được nếm những mùi đắng cay lưu lạc ngay từ lúc còn bé bỏng trở đi.

Hồi mới ba tuổi đã mồ cô mẹ. Bà này chỉ sinh hạ hai con gái: một chị đầu lòng, tới nàng là thứ hai. Cả hai đang còn thơ bé cần có hơi mẹ, thì bà trút gánh lại cho anh chồng nghèo để đi tìm cực lạc thế giới. Bác Phó đóng vai gà sống nuôi con được ít lâu, tình thế buộc phải tục huyền. Cái cảnh “bánh đúc không xương” ở xã hội ta chẳng phải nói thì ai đoán ra cũng biết. Còn may đôi chút, người vợ kế là cháu gọi bằng cô của đời vợ trước; sợi dây huyết thống ấy tuy mỏng manh, nhưng nó cũng không nỡ đánh chặt thòng lọng vào cổ hai con bé mồ cô mẹ kia, thành ra chúng nó cũng bớt khổ nhiều ít.

Song, đến cảnh khổ vật chất thì bao trùm cả chúng nó lẫn cha ruột, dì ghè. Trước khi mãn lệ, bác Phó đành phái từ dịch. Bởi việc dân, việc làng chiếm mất nhiều thời giờ nên bác cần phải làm mướn làm thuê để nuôi con thơ, vợ dại. Một gia đình như thế, có vài ba sào ruộng thì ăn muối cũng không đủ. Lại thêm mấy năm mất mùa thông luôn; suốt cả vùng Nam giặc cướp như ong, đói khát đầy nội. Bác Phó cựa ta liệu bề quyền luyến gia hương mãi thì phải chết đói; ở nhà chịu chết, thà đánh liều đi cầu sống tha phương còn hơn.

Thế là vợ chồng con cái phải dắt díu nhau bỏ làng ra đi.

Trên con đường gồ ghề, khắp khểnh, từ Nam sang Đông, một anh đàn ông lực lưỡng, quần áo tả tơi, đầu đội nón rách, gánh đôi quang gánh hăng hái đi trước, trong mỗi chiếc thúng có một đứa bé con ngồi chễm chệ, lơ láo; còn chị đàn bà hai vai đeo khăn gói tay nải, lếch thếch đi sau. Đó là cả gia đình giang sơn của bác Phó cựa lang Thành Thị đưa nhau sang tỉnh Đông để tìm sinh kế.

Lúc ấy Trần Thị Lan lên năm tuổi.

Thời buổi đó chưa có nhà Đoan, dân được nấu rượu tự do. Vợ chồng bác Phó cựa có nghề nấu rượu rất khéo. Với nghề sở trường ấy, bác đem ra đổi lấy cơm áo ở chốn giang hồ.

Nhưng trời còn bắt phong trần phải phong trần, khiến gia đình bác Phó tới đâu cũng không thể lạc nghiệp an cư, cơm no áo ấm, mặc dầu rượu bác nấu ngon! Thành ra đến vùng này chỉ ở được ít lâu, lại phải dắt vợ gánh con kịu kịt hai vai, tìm đi xứ khác. Bước lưu lạc bê tha nay đông mai bắc, có khi vào mãi trong Thanh, trong Nghệ, tha phương cầu thực luôn một hơi đến hai mươi hai năm trường, mà con ma nghèo đói vẫn theo riết bên mình không buông.

Hình như thuở nhỏ bác có được học nhiều ít; có người nói lúc bác 21 tuổi đã thi đỗ khóa sinh, rồi sau vì cha mẹ mất sớm, nhà nghèo, không được học thêm nữa. Bấy giờ phong trần lưu lạc, đến nỗi xúc cảm mạnh quá, bác

mở cái túi còn con đựng được một mớ chữ nghĩa góp nhặt hồi trước, chấp chĩnh nên thơ, gọi là tiêu sầu khiễn hứng. Người ta nhận ra mỗi khi trong rá hết gạo, hay là lúc nổi buồn chan chứa tâm can là mỗi khi bác ngâm nga bốn câu thơ tự tác như vầy:

"Nước chảy hoa trôi sóng rập rềnh,

Ba chìm bảy nổi, chín lênh đênh.

Lòng gười có biết thương hoa nữa,

Cứu vớt cho hoa lại bén cành.

Trần Thị Lan lần lần trưởng thành giữa cái cảnh huống cha khó, nhà nghèo, gia đình lưu lạc ấy.

Từ lúc 15 đến 18 tuổi, nàng trở nên người phụ tá lớn khôn trong nhà, vì người chị đã bị giặc Khánh bắt đem đi đâu mất tích. Trong khi cha mẹ đi bán rượu, nàng ở nhà phải xách nước, thổi cơm, hái rau, kiếm củi, vớt bèo, nấu cám cho lợn ăn, suốt ngày vất vả.

Thật thế, giặc Cờ đen lúc ấy ngang tàng những nhiều xứ Bắc ta lắm. Ngoài sự bắt buộc dân làng cung đốn lương thực và phục dịch khổ sở, chúng thấy nhà nào có vợ đẹp, con xinh cứ tự do dâm hãm, bắt hiếp, hay là đem đi bán cho tụi buôn người mua về bên Tàu. Thì nhà bác Phó đã mất đứa con gái lớn vì giặc Khách. Còn Thị Lan, bác sợ để thò mặt ra cho lũ giặc kia trông thấy, đổ khỏi chúng không bắt đi mất.

Thành ra bác phải giấu nàng rất kín ở trong một gian phòng, nằm trên cọt thóc. Nào phải là tiểu thư đài các cấm cung, nhưng tình thế bắt buộc, Thị Lan phải làm thân tù giam lỏng trong nhà hơn một năm giờ, về sau nàng giàu có tiếng tăm, chú khách Mịch Văn Điền xem số tử vi, có câu quyết đoán:

- Hồi bà 18, 19 tuổi, nhà có sự gì lo sợ nguy hiểm mà thân bà phải bị giam hãm một nơi, thế là thân bà mới toàn, nhà bà có phúc lắm. Nếu không

thì đã bị trầm hà lạc thúy từ năm ấy rồi, đâu còn đến ngày nay.

Thì ra vận số con người về sau được thoa phấn trắng, lĩnh sắc vàng, mấy chú Cờ đen không làm quái gì được.

5. Cô hàng rượu.

Hai huyện Kim Sơn, Tiền Hải do tay một nhà nho kinh tế là cụ Nguyễn Công Trứ đã khai thác dưới triều Minh Mạng, như đá nam châm, đã hút bao nhiêu gia đình ở những miền dân cư đông đặc kéo nhau cả bầu đoàn thể từ đến đất mới ấy để sinh cơ lập nghiệp.

Cuộc di dân tự động ấy, lần hồi nhưng liên tiếp, bồi đắp cho hai huyện mới lập không đầy ba bốn chục năm đã trở nên một địa phương phồn thịnh, số người càng ngày càng đông đảo, ruộng mở càng ngày càng nhiều thêm.

Đến sau quốc gia đa sự, khắp xứ loạn ly đói kém, người ở giữa chỗ chiến trường cơ cực, còn đâu dung thân cho họ tốt hơn là Kim Sơn, Tiền Hải; một là có mưu sống yên thân, hai là xa tránh được cái họa Cờ đen và bọn thổ phi, cường hào thừa cơ quấy nhiễu.

Trong đám lưu dân lúc ấy, gia đình bác Phó cụ Thành Thị làm một.

Sau mười mấy năm kiếm chác đủ nghề, lưu lạc nhiều xứ, mà nghèo khổ vẫn hoàn nghèo khổ, bác Phó nghe người ta mách bảo, dắt vợ gánh con đến ở Kim Sơn.

Lúc này đứa con gái lớn bị giặc bắt đi mất rồi, nhưng có Thị Lan đã khôn lớn. Bà kể thất lại cho ra đời một cái đĩ, một thằng cu nữa. Gia đình lớn bé cả thầy năm miệng ăn.

Bác Phó khéo xoay sở, thuê được vài miếng đất, dựng lên ngôi nhà cột tre lợp rạ, một gian hai chái, bên này làm buồng, bên kia nấu bếp. Đằng trước không có cổng ngõ; phía sau ba bước sân, đến chuồng lợn nhỏ, vài khóm chuối lơ thơ bên cạnh, thế là hết đất. Giang sơn, sự nghiệp chỉ có thể thôi. Đồ vật trong nhà chỉ có nồi, chõ, ống rấm là khí cụ nấu rượu, thêm một vài cái hũ, một đôi quang gánh là quý hóa nhất. Những món ấy đối với bác, như mấy bộ máy của nhà đại công nghệ, chứ không phải vừa. Bởi nhờ nó mà cả nhà bác sống.

Thị Lan mỗi ngày một lớn, tuy có duyên, có sắc ít nhiều, mặc dầu áo xồng váy đụp, nhưng cũng bị bao nhiêu phong trần của cái nghèo nó che lấp mà làm cho tối đi. Nếu phải là con nhà giàu ăn trắng, mặc trơn, thì đã thiếu gì kẻ muốn đào cả người lẫn của. Khốn nhưng nàng là con nhà có địa vị dở dang - chẳng gì cũng là một ông phó lí cự, còn thêm dòng dõi tiền triều — lại không có lấy tắc đất cắm dùi, thành ra cao không tới, thấp không thông.

Vợ chồng bác phó mong mỗi bữa khoản mãi về việc nhân duyên của Thị Lan. Ước gì có ai rước nó đi cho để kiếm dăm ba chục quan tiền làm vốn cũng phúc. Chẳng những bớt được một miệng ăn cho gia đình bác lại còn lấy được một số tiền về.

Nhưng cô ả có tính hợm đời và đỏng đảnh làm kiêu đáo để. Nghèo khổ mặc kệ, trong túi cũng có chiếc gương Tư mã, ngày đôi ba dạo mở ra soi hình ngăm dáng, hình như có ý tự phụ:

Ta thế này lại đi lấy chồng quê mùa cục mịch sao?

Quả thật, có mấy đám trong làng, trong xóm mỗi manh giặm hỏi, bác Phó khấp khểnh mừng thầm nhưng cô ả cứ khăng khăng từ chối.

Một đám, con một bác nông phu trong làng, bị nàng chê là bé bỏng (kém nàng tới năm tuổi) lại còn vêu răng, lấy về đề đêm hôm nó khóc, mình đỡ không được, nó còn cắn mình đau chết. Một đám khác là anh khóa con một ông nhị trường, đang tập văn ở trường Huấn bản huyện, nàng cũng chê “học trò dài lưng tốn vải ăn no lại nằm” không chịu.

Bác phó ta cúi:

-Con gái đã lớn, bốn phận cha mẹ phải kén nơi định chỗ cho mà nhờ tấm thân. Ai mà cũng chê búng chê hôi cả, dễ thường mà định ở vậy già đời chẳng?

-Thưa thầy, con muốn lấy chồng để nhẹ bớt gánh lo cho thầy và có thể giúp đỡ cho nhà ta; nhưng...

Bác phó nói mát:

-Thế bực người thế nào thì cô mới chịu lấy cơ? Cô muốn làm thứ phi hay mệnh phụ chắc?

-Chẳng gì thì hãy thông thả, nào đã vội gì. Thầy cứ để con theo đòi chị em đi buôn thúng bán mủng, để kiếm thêm đồng cà, đồng muối đỡ dần cho thầy với dì con, xin thầy đừng lo.

-Mày tưởng thời buổi này buôn bán dễ lắm hay sao? Nhất là con gái mới chùng ấy tuổi...

-Thưa thầy, con vẫn biết không dễ đâu. Nhưng công việc nhà ta chẳng có bao lâu, bây giờ chẳng lẽ con cứ ăn không ngồi rồi mãi. Việc đời trước lạ sau quen, người ta cứ chịu khó để ý, rồi cũng buôn bán được, thầy ạ.

Dầu sao, trong gia đình bác phó, Thị Lan vẫn đứng một địa vị quan hệ. Trước, nàng đã đóng những mấy vai: con trưởng trong nhà, chị vú giữ em, đứa ở không công; giờ nàng lại sắp đóng thêm một vai nữa: cô hàng bán rượu.

Hôm sau, gà mới gáy một dạo, Thị Lan vội vàng thức dậy, sửa soạn quang gánh; mỗi bên thúng để một hũ rượu, đút nút bằng lá chuối khô, chung quanh chèn rơm cho chắc, phễu thiếc, giuộc tre thì treo lủng lẳng trên đầu gióng. Hàng hóa nàng sắp đi chợ bán chỉ có thế. Lần này, nàng mới xuất thân đi bán rượu là lần thứ nhất. Bác phó thương con, cũng thức dậy xem lại gồng gánh tử tế, rồi nói một cách nửa đùa nửa bỡn, nửa âu yếm:

-Tôi chúc cô đi buôn may bán đắt nhé!

Bà dì nghe tiếng tỉnh giấc, nói giọng the thé:

-Trong chạn còn bát cơm nguội với ít tép rang lấy mà ăn rồi hãy đi, con ạ.

Tưởng là việc gì chứ việc ấy thì Lan nhớ từ lúc nãy kia rồi. Lại còn nhờ thối một nồi cơm, nắm một nắm tương, gói vào mo nang đem theo nữa.

Chưa tờ mờ đất, Lan đã cất gánh khởi hành nhập bọn với năm sáu chị em quen biết trong xóm, cùng nhau đi chợ, chỉ độ ba bốn cây số, nào có phải xa; nhưng ai còn lạ gì thửa xưa đường sá nhà quê còn quá hẹp hòi, khuất khúc, phần nhiều đường đi chỉ là bờ ruộng. Lại gặp tiết trời vào hồi một chập, gió rét mưa dầm, các cô thiếu nữ gánh nặng đường trơn, hết sức vất vả. Mỗi bước chân, phải bám ghì năm đầu ngón xuống đất thật chặt, sợ ngã thì đổ vỡ hết cả sự nghiệp giang sơn. Thành ra đường gần hóa xa, trời sáng rõ một lúc, các cô mới dẫn xác đến chợ.

Các ngài chớ tưởng tượng chợ búa thôn quê hồi cuối thế kỉ 19, cũng chỉnh đốn sạch sẽ được như bây giờ. Chợ búa thuở ấy chỉ là nơi tụ họp tự nhiên của những người cần dùng mua bán, hoặc trên miếng ruộng, hoặc trước sân đình mà không có ai ước thúc, cũng chẳng ai sắp đặt trông nom. Quán lều chẳng thành hàng ngũ và cái nào cái nấy lụp xụp, dơ dáy, chỉ một cơn gió to đủ bay hết cả chợ. Vì nó là một tấm phen đặt trên bốn cái cọc bằng nửa bé nhỏ, phần nhiều đến ngày phiên chợ người ta mới dựng lên, gặp đâu cắm đó, rồi tan chợ lại dỡ đi. Những người không có lều quán thì ngồi lộ thiên. Phiên chợ nào cũng thấy bùn lầy ướt át, trừ ra mùa thật nắng ráo. Ngay đến sở tại phủ huyện, ví dụ như Kim Sơn, tình cảnh chợ búa cũng lôi thôi như thế, họa chăng có khác là khu vực họp rộng và người mua kẻ bán có phần đông hơn.

Nhưng có một mối tệ chung cả, là chợ nào cũng có bọn hủi quấy nhiễu. Đời ấy, hủi chưa bị nhốt riêng một nơi, còn được tự do thông hành khắp cả thành thị hương thôn. Đời ấy, chợ chưa có thuế quan, nhưng phải có thuế hủi. Người ta mới dọn hàng quán xong hay là vừa đặt quang gánh xuống đất, khách mua chưa thấy đâu, đã thấy một tên hủi lù lù tiến đến, đưa cái bàn tay năm ngón quặp vào, ghê lở nhầy nhựa, miệng tuy nói là xin tiền, nhưng kì thực là nó đánh thuế. Cái bàn tay ghê lở ấy là khí giới đe dọa dữ tợn. Người bán hàng biết điều, mau mau thí bỏ một vài đồng kẽm, như cách tống ôn, để nó xéo đi nơi khác. Không thế thì nó cứ đứng ngoẹo đầu, ngửa tay mà nói lải nhải mãi, hoặc không kiêng nể, thò tay rờ rẫm vào hàng hóa của mình, thử hỏi khách nào trông thấy mà còn dám mua?

Có đứa ghê chốc qua loa, dám cào sát thân thể cho ghê chốc nhiều và bôi dơ trát bẩn, càng lắm ruồi nhặng đậu vào chùng nào càng tốt. Làm thế để thêm phần hôi tanh bẩn thỉu mà dọa người ta. Nào phải có ít, cả chợ đến năm mười đứa không chùng, vừa hủi thật, vừa hủi giả. Người bán hàng thường phải bố thí khắp lượt mới được yên thân. Có người không cho, chúng dám nói hỡn, đến nước kéo bè quấy nhiễu tan hoang cả chợ. Theo lời các bậc phụ lão, thì “hủi phá chợ” là một tấn hoạt kịch thường diễn ra luôn.

Thị Lan, buổi đầu làm cô hàng bán rượu ở chợ Kim Sơn, gặp ngay một sự bực tức vì hủi.

Nàng mới đến chợ, đặt quang gánh xuống, ngồi né mình dựa sau lều gianh một hàng xén cho đỡ gió, rồi mở gói trầu cau ra lấy một miếng ăn để bồi lại sức nóng trong mình, chống với giá rét. Trong óc đang vẫn vờ lo ngại chiều trời thế này, chẳng biết buổi chợ có bán chác gì được không; nhất là buổi chợ ban đầu của mình cần phải lấy may. Chưa nhai dập bã trầu, đã thấy cái bàn tay cụt ghê lở hôi tanh của một mụ hủi, đang như giúi vào gần sát mặt nàng để thúc thuế:

-Làm phúc làm đức, cô!

Tởm quá, nàng tránh mặt sang một bên và nói một cách gắt gỏng:

-Cái bác này mới hay chứ, bàn tay hôi tanh bỏ mẹ thế mà xia xói vào tận mũi người ta. Muốn xin thì để chốc nữa, cho người ta bán mở hàng đã, bây giờ nửa đồng kẽm cũng không có. Thôi đi đi, gớm chết!

Mắt chọi mắt, răng chọi răng, con mụ hủi không chịu nhịn:

-Chưa cho thì thôi, làm gì mà quai cái mỏ ra, sỉ mắng ai đấy?

-Sỉ mắng bác không biết điều chứ còn sỉ mắng ai!

-Ừ, có giỏi sỉ mắng nữa đi xem, đây cho biết tay. Con hé mới nứt mắt ra đã lên mặt gớm chưa kìa...

Lũ hủi kia ăn chợ búa ngày xưa, ý mình không ai dám động đến - vì động đến thì chúng nằm ăn vạ hay tìm cách phá thối — cho nên hay có những ngôn ngữ hỗn láo với người ta như thế.

Tấn kịch này giờ có một người chứng kiến rồi can thiệp.

Người ấy, trạc ngoài bốn mươi tuổi, đội nón lông quai lụa bạch, mặc áo bông nhiều tam giang, móng tay để dài, sau lưng lại có một tên gia đình theo hầu, ngó ra phết một bức trường giả hay thầy đề, thầy thông gì đó. Câu chuyện cãi vã xảy ra ở giữa cô hàng rượu và con mẹ hủi ra sao, người ấy vừa đi đến nơi, đứng chằm chỉ nghe rõ, thấy hết đầu đuôi. Có lẽ phải nói chằm chỉ nhìn vào mặt Thị Lan thì đúng hơn. Tới khi con mẹ hủi nói câu hỗn láo sau chót, khiến cho Thị Lan nóng tiết, vừa sừng sộ đứng dậy, chưa kịp trả lời, thì ông trường giả kia cất tiếng khuyên can:

-Thôi, cô ơi! Đừng thềm cãi nhau với thứ người phế khí ấy làm gì cho uổng nhời.

Rồi trừng mắt lên, chỉ tay vào người hủi ra nói cách oai nghiêm, đồng dạc:

-Con mẹ kia xéo đi lập tức, nghe không?

Như đã nhận biết là ai, mẹ mày có vẻ sợ hãi, nói một câu rất lễ phép, phục tòng, rồi lủi thủi đi mất:

-Bấm cụ, con không dám ạ.

Hai thầy trò vị trường giả cũng bỏ đi ngay.

Thị Lan tươi cười hí hửng với mấy chị em ngồi cạnh mình:

-Ông nào tử tế đấy nhỉ?

Một cô trong bọn nói:

-Chị không biết à? Ấy là cụ Bá tổng ta, hôm qua xuống làng dưới ăn mừng đám lên lão, rồi chắc cụ ở lại nghe hát nhà tơ cả đêm, bây giờ về sớm

đấy.

6. Túy ông chi ý bất tại tửu

Trời vẫn còn mưa lâm râm, cảnh vẫn u ám, chưa thấy có vẻ gì tạnh ráo hứng nắng lên được. Những bước chân, nghe tiếng lép nháp, càng như cày bùn lên bần thiêu lầy lội thêm. Tuy vậy, số người đi chợ cũng đông. Các bà nhiều, thím lí mua sắm đồ ăn thức dùng rồi, phần nhiều không quên tìm đến mấy gánh bán rượu để mua năm ba tiền một quan về cho bố dĩ nó ở nhà. Nhưng họ tìm mua ở mấy gánh rượu quen biết xưa nay; không ai để ý tới một cô hàng rượu mới nhập tịch mà có lẽ rượu còn ngon hơn không chừng.

Thành ra Thị Lan chỉ ngồi sông; cặp mắt đầy vẻ lo nghĩ, lúc thì trông lên thấy thiên hạ qua lại mua bán tấp nập, lúc thì trông xuống để phòng bị kẻ cắp và thấy hai hũ rượu của mình vẫn còn đầy nguyên. Một quán bán thịt chó cách chỗ nàng ngồi mấy bước, vài cụ lí già với một cậu nho trong huyện đang ngồi khè khà đánh chén và bàn bạc về lá đơn sắp sửa vào hầu quan buổi chiều. Trong lúc gật gù chén chú chén anh, họ đảo nhân trông thấy con bé bán rượu có dáng hay hay bèn gọi mua nếm vài nậm để họ đưa cay cho hết đĩa dôi chó. Ấy, từ sáng sớm đến giờ, nàng mới bán được có thể thôi, trong khi các gánh rượu kia đã sắp lật đật hũ chõng lên quấy gánh ra về.

Nàng lo quá, không khéo đến phải nguyên gánh trở về, làm sao có tiền để đong gạo và mua mớ rau, mớ tép đem về, theo lời ông bố cặn đạn lúc ra đi. Nhất là buổi đầu buôn bán chẳng may, nàng nghe như tinh thần không được khoan khoái.

Bỗng, tên gia đình theo hầu vị trưởng giả ban nãy mà nàng còn phảng phất nhớ mặt, đội nón lá, khoác áo tươi, như có vẻ tất tả vội vàng đến trước mặt nàng, vừa thở vừa nói:

-Cụ... cụ Bá bảo... bảo tôi ra chợ gọi cô gánh rượu vào trong nhà mà bán. Tôi sợ cô về đâu mất rồi, tôi chạy bán sống bán chết.

-Nhà cụ Bá ở tận đâu kia, bác?

-Ở ngay trong làng này. Đứng đây trông thấy cổng gạch ở đầu làng kia kìa.

-Thế bác dẫn đường giùm tôi nhé.

Nói xong, nàng đứng phắt dậy, đặt gánh lên vai, đi theo tên người nhà ấy. Chưa biết vào đây sẽ bán được bao nhiêu, nhưng nàng nghĩ ngồi suông ngoài chợ vô ích, chẳng thà gánh vào trong làng bán rong may ra được nhẹ bớt gánh mà về sớm cũng tốt.

Nàng đi ra khỏi chợ rồi, không được nghe thấy mấy chị em bạn trong chợ ngồi nói chuyện gẫu và cười khúc khích với nhau:

-Tôi đố chị biết đấy, chị Cong.

-Biết cái gì? O, cái Tý sao hôm nay hí hửng tẹt; mà ngồi phải cọc rồi đấy, phải không?

-Cụ Bá gọi cái Lan đem rượu vào tận trong nhà bán chẳng phải là sự vô tâm đâu. Ban nãy tôi thấy lão ta đứng mà mắt nhìn vào mặt cái Lan tròn trọc không chớp. Giờ lại sai chú trưởng tuần ra gọi. Lại đây xem lại cho gần, phỏng tin được một vài phần hay không? Ý hẳn thế đấy, chị ạ.

-Gớm! Cô lại Kiều lấy nữa. Rõ thấy người ta gọi cái Lan chứ không gọi mình, thì lồng ngay lên.

-Thôi, chị ơi! Em chả có phúc làm vợ bé Chánh tổng đâu.

-Hai cô cùng cười và trông theo Thị Lan thì nàng đi khuất đã xa rồi.

Phải, người trưởng giả đã can thiệp vào việc con mẹ hủi nói hỗn với cô hàng rượu và bây giờ gọi cô vào tận nhà để mua rượu, chính là ông Chánh tổng bá hộ ở tổng sở tại Kim Sơn. Ông góa vợ vài ba năm nay, con cái đã phượng trưởng, nhà giàu có nhất nhì trong vùng, nhưng được cái tính khí hiền lành, khiêm tốn, nguyên là nhà nho mấy khoa đạp phải vỏ chuối rồi

phá ngang, thành ra không có cử chỉ hống hách như các bác cường hào chính hiệu.

Thị Lan theo chú trưởng tuần dẫn vào tới trước cửa nhà ngang; ông chánh đang ngồi trên góc bộ ngựa giải chiếu cặp đỏ, điều tráp để bên cạnh; một tên người nhà vừa bưng mâm cơm lên đặt vào chính giữa. Thấy cô hàng rượu vừa đặt gánh xuống, ông vui vẻ hỏi ngay:

-Nào, rượu của nhà cô nấu có ngon không? Cam đoan nguyên chất chưa pha tí nào đấy chứ?

Ý chừng ông thầm nghĩ câu hỏi “nguyên chất” của mình có ý vị hóm hỉnh, ranh mãnh và lấy làm thích chí cho nên thấy ông vượt mấy sợi râu mép rồi nghiêng cặp mắt cá ngỗng vừa nhìn cô hàng rượu vừa cười một cách có hơi khả ố.

Nàng quê mùa chất phác, vừa mới nhón lên đầu đã hiểu nổi những tiếng ngân ở ngoài sợi dây đàn là gì; mặc ai bóng gió, nàng cứ thật thà có sao nói thế:

-Bấm cụ, rượu nhà cháu bao giờ cũng nguyên chất, cụ thử xơi một chén thì biết ngay.

-Thế cô cho tôi “thử” tí xem nào!

Nàng múc rượu đổ đầy trong một chiếc nậm long ám do tên người nhà đem ra; ông chánh rót vào một chén hột mít, cong môi uống cạn một hơi rồi gật gù nói:

-À, rượu cô ngon thật.

-Đấy, cụ xem cháu có dám nói sai đâu. Các cụ ở tổng dưới, hôm nào cũng cho người nhà lên tận nhà cháu để mua.

-Tôi mua cả gánh, cô có bán không?

-Cả gánh là thế nào cơ?

-Nghĩa là rượu trong hai hũ kia còn lại bao nhiêu, tôi mua hết cho

-Vâng, cháu xin để hầu cụ hết.

-Thế bao nhiêu tiền cả thầy?

-Nãy ở ngoài chợ, cháu mới bán có một ít thì cụ sai gọi; đây còn đến tám quan sáu tiền, bầm cụ lấy hết cho nhà cháu hay thế nào?

-Phải, đến mấy chùng ấy nữa cũng được.

Tức khắc ông báo người nhà đếm đủ tám quan sáu tiền trả cho nàng rồi nói ân cần:

-Rượu ngon thế này tôi thích lắm, lại được người bán rượu là cô, thành ra lưỡng toàn cả người lẫn rượu. Từ nay, mỗi bận ở nhà bắc nồi rượu lên, cô phải nhớ đến phần tôi nhớ. À, mà nhà cô ở đâu ta nhỉ?

-Bầm cụ, nhà cháu ở xa lắm.

-Tôi dặn cô từ sau trở đi, mỗi lần có gánh rượu đi chợ Kim Sơn thế nào cũng phải rẽ vào nhà tôi cho tôi mua trước đã nghe.

-Vâng ạ.

Thị Lan trở ra vừa tới ngã ba đầu làng thì gặp cái Tý và ba bốn chị em nữa ở chợ ra về. Chị em lại nhập bọn đi về cùng đường với nhau.

Tý vồn vã hỏi Lan:

-Cụ Bá mời mày ở lại ăn cơm hay làm trò trống gì mà lâu quá thế. Tao có ý đợi mãi ngoài chợ không thấy mày ra nên tao đành quay gánh về đây.

Lan đáp:

-Người ta mua cả gánh, còn rượu đâu mà trở ra chợ.

-Úi chà! Rồi họ mua cả người nữa kia đấy. Lão Bá này đa tình có tiếng, đã cưới hai ba cô vợ lẽ mà chẳng thấy cô nào ở được lâu. Mỗi cô chỉ ở được

dăm ba tháng lại bước. À mà tao hỏi câu này mà nói thật nhá; lão có dò la hỏi thăm nhà cửa mà ở đâu không?

-Điều ấy thì có, nhưng tao chỉ nói tao ở xa.

-Thế thì tao đoán giỏi thật. Lão trông thấy mà xinh xinh, lại định tòm tèm cưới mà về làm nàng hầu cho mà xem.

-Lan nhón miệng cười, toan nói gì đó nhưng chưa kịp nói thì một người trong bọn đã xen vào câu chuyện:

Nhân tiện nói đến nàng hầu vợ lẽ, tao nhớ chị cả con bà cô ruột tao, hồi đó có một ông Lý cự ở tổng trên, nhà cấy hàng trăm mẫu, chịu dẫn hai trăm quan tiền, một đôi lợn, mười gánh gạo nếp để cưới chị về làm hầu nhưng chị nhất quyết không chịu. Chị ta bảo thà lấy thằng cu, bố đi mà chồng một vợ một còn sướng hơn làm nàng hầu vợ lẽ nhà giàu, chỉ như đứa ở không công, mà lũ cô chiêu, cậu ấm bên chồng hành hạ cũng đủ khổ. Thế rồi chị ta nói dối ở nhà gánh vải lên tỉnh bán, đi tuốt ra ngoài Phòng, loay hoay thế nào vợ được chú Khách chủ hiệu, sung sướng đáo để. Độ nọ mới về thăm nhà, tao thấy mặc áo nhiễu đi dép cong, vấn tóc đuôi gà, trẻ đẹp khác hẳn lúc trước. Tao nghĩ hay là ở chốn tỉnh thành để làm ăn và để kiếm chồng hay sao không biết?

Cái Tý chặt lưỡi:

-Điều đó chắc phải nhờ phúc đức và sự khôn ngoan của từng người. Các cô trẻ ở vùng ta xuôi Nam, ra Phòng thiếu gì, hỏi ra phần nhiều đi ở nhà thổ hay là vú bõ, nhiều ả lúc về chẳng có lấy hai manh áo. Tao tưởng cứ ở đâu quen đấy, buôn bán tần tảo mà sống vô tai, vô tiếng còn hơn.

Mặc kệ chị em bạn cãi vã với nhau hết chuyện này sang chuyện kia, Thị Lan cứ lủi thủi đi từ đấy cho về đến nhà không xen vào nửa lời nào hết. Nhưng biết đâu câu chuyện phát phơ của chị em chẳng là những cái móng sắc đã in vào trong khối óc nàng còn đang non và mềm như miếng sáp ong;

biết đâu nó chẳng lừng lay đánh thức một ý nghĩ gì bấy lâu nằm ngủ ở trong đáy lòng mà sau này sẽ có ảnh hưởng nhiều đến đời sống của nàng?

Phiên chợ mở hàng, bố chúc cho con buôn may bán đắt, thì ra được buôn may bán đắt thật. Cô ả mừng quá, quên cả việc phải rẽ vào chợ đong gạo mua đồ ăn theo lời bố dặn. Nhưng ông bố cũng mừng, vì thấy con ở chợ về với đôi hũ đựng rượu chống đít lên trời, thành cũng quên cả việc mình đã dặn mà con không làm theo. Bấy giờ cha con, dì cháu mới tíu tít, kẻ đi kiểm quanh lấy cái ăn, người vào trong xóm đong gạo để thổi nấu bữa cơm trưa; thế mới biết gia đình này thật là túng bấn, ngày nào chạy ăn ngày ấy. Có lúc vợ quá lo nghĩ thở than, bác Phó khéo tìm cách an ủi:

-Bu nó đừng lo, đất có tuần, nhân có vận, ai giàu ba họ, ai khó ba đời? Giờ nhà ta có cái Lan đã lớn khôn, buôn bán đỡ dần, thế là cái vốn to của nhà ta đấy; đã có vốn tất phải có lãi, việc quái gì mà lo.

Thật thế, giờ Lan bắt đầu đứng làm trụ cột cho sự sống một nhà bác Phó ỷ thác vào một cách trọng yếu.

Qua phiên chợ sau, nàng lại gánh rượu từ nhà đi cùng một bọn chị em quanh xóm, nhưng đến chỗ ngã ba gần chợ thì nàng từ biệt họ:

-Vô phép các chị, để tôi rẽ vào nhà ông chánh một tí nhá.

Cả bọn nháy nhau cười ồ lên:

Thôi, đích thị cô ả ăn phải bùa của lão Bá Kim Sơn rồi. Coi chừng bộ râu lão ta nhọn như chổi xể đâm vào cái má phình phình kia chắc dễ chịu lắm đấy nhé!

Tuy nghe rõ nhưng Lan cứ giả điếc đi thẳng. Vào tới nơi, ông chánh vừa mới ngủ dậy, khoác chiếc áo bông, đang ngồi gật gù với ấm nước trà tàu, khói tỏa lên cao trước mặt. Thấy cô hàng rượu đặt gánh ngoài thềm, nét mặt ông tươi tỉnh ngay, nói cười ròn rã:

Cô hàng quý hóa thật, biết nhớ lời ước hẹn đấy. Hôm nay cũng rượu nguyên đấy chứ? Cả gánh bao nhiêu tiền, lại bán hết cho tôi.

-Bấm cụ, kì này rượu nhà cháu ngon lắm, hai hũ còn nguyên, cụ dùng hết thì xin cụ cho nhà cháu mời quan ạ.

-Ồ! Bao nhiêu thì bao nhiêu cô muốn điều gì dầu có khó khăn đến đâu chẳng nữa, tôi cũng không ngại, nữa là mời quan tiền.

Thế rồi ông gọi người nhà đem chiếc vò ra trút rượu và đếm đủ số tiền trả cho Thị Lan, chẳng kèo nài gì cả. Ông lại gọi trẻ lấy trầu ra mời nàng ăn và ân cần dặn với nàng khi nàng quảy gánh ra gần đến ngoài cổng:

-Cô nhớ lần sau lại rẽ vào đây trước nhá.

Đến phiên chợ sau cũng thế, nàng gánh rượu vào nhà ông chánh, lại được bán trút cả gánh rồi về sớm, khỏi phải ra chợ bán từng gáo từng giuộc, lật vạt mất công. Và lại mỗi lần nàng nói bao nhiêu tiền, ông đếm trả ngay bấy nhiêu chẳng hề chê đắt rẻ hay bớt đi một đồng kẽm nào. Nếu như nàng tham lam nói nhiều gấp đôi gấp ba đi nữa chắc ông cũng vui lòng trả tiền không chút ngại ngùng.

Thành ra mấy lần tiếng thì đi chợ, nhưng nàng chỉ gánh rượu đến nhà ông chánh bán hết rồi lại về ngay. Đến nỗi bọn chị em nghe nàng bán được món hời như thế, họ phải đâm ghen, đâm tức, lại càng thì thầm bàn tán thị phi:

-Này, chị thử nghĩ mà xem, ý hẳn là có thể nào, chứ đời thuở nhà ai cứ mấy ngày lại mua một gánh rượu, có họa tắm gội bằng rượu cũng chẳng hết.

-Ồi chà! Cô à thấy người ta có tường hoa sân gạch, lúa đụn trâu đàn, lại làm ông này ông kia mà đang góa vợ nữa thì cô à thích mê đi chứ gì.

-Tao bảo là nó bán trút cả xác nó nữa chứ không phải gánh rượu mà thôi đâu. Sao không ai thử nhìn kĩ xem bộ tịch nó mấy hôm nay đối hẳn, có

hơi giai vào có khác.

Chỉ là một sự buôn bán gặp may của nàng, mà bọn chị em ghen ghét miếng ăn, nỡ gia cho những tiếng bắc chì gớm ghiếc đến thế. Tuy nàng được nghe lọt vào tai, nhưng chỉ ầm ức riêng trong lòng, không dám nói ra, vì nói ra e rầm rĩ xóm giềng hay chị em đến nổi chửi nhau đánh nhau, là một việc mà bản tính hiền lành của nàng lấy làm kiêng sợ nhất.

Đến sau, vì trông thấy có gia đình ông Chánh lai vãng nhà bác Phó, lại một hôm thấy đích thân ông Chánh cười ngửa nhong nhong đến, bọn thị phi dài lưỡi kia càng thêm đắc ý, như vợ được chứng cứ hẳn hoi để nói:

-Đấy, chúng mình nói có sai đâu.

Cứ nói cho ngay, những cử chỉ hữu tâm và ích kỉ của ông chánh Kim Sơn, khiến cho Thị Lan trong chỗ vô tình đã làm cái đích cho sự châm chích, bình phẩm của chị em cũng phải.

7. Mơu sâu của cụ Bá.

Một hôm, vào khoảng 23 hay 24 tháng chạp, bác phó ta đang loay hoay trong bếp, bắc lên chiếc nồi to trét lại ống rấm để nấu thêm một nồi rượu bán Tết bỗng có tiếng người gọi cửa. Bác vội vàng chạy ra thấy một người ra dáng gia tộc nhà ai đầu đội thùng gạo, tay xách cặp gà, nhanh nhẩu nói rằng cụ Bá Kim Sơn sai lại biểu.

Bác phó kinh hoảng, ngỡ ngẩn hồi tưởng những lúc mình còn làm phò lí ở làng mình cũng chưa hề có cái hân hạnh được ai lễ tết phong hậu như thế, huống chi bây giờ mang thân nghèo khổ, kíp ngụ tha hương. Hay là người ta đi lầm nhà chẳng? Nhất là đôi bên không có bà con, không hề quen biết, cũng không có ân tình gì với nhau, mà chánh tổng đương thứ một tổng tự nhiên biểu tết một lão hàng rượu như bác càng khiến bác hoảng hốt và một hai lần cầm chắc là tên gia tộc đã đi sai đường lầm ngõ.

Nhưng tên gia tộc cứ bình tĩnh đặt thúng gạo lồng gà xuống tử tế rồi móc túi lấy ra một tờ giấy hồng điều có viết sẵn ba chữ tên trao tay cho bác phó và thưa bẩm lễ phép:

Cụ Bá tôi dạy nhân dịp Tết sắp đến nơi, gọi là có cặp gà thúng gạo làm quà, sai tôi đem đến biểu hai ông bà xin ông bà nhận cho.

Trong khi bác phó còn đang ngỡ ngẩn, tần ngần thì tên gia tộc đã vái chào và rảo bước đi ra thật mau rồi hút bóng đặng nào mất rồi, bác phó không kịp nói gì cũng không kịp gọi lại để phân trần hắc bạch gì cả.

Nhà sản túng nghèo, năm hết Tết đến, được cặp gà thúng gạo tự nhiên cho gia đình mình ăn Tết phong vận kể ra như một sự may mắn trời cho, ngoài hẳn sự tưởng tượng của bác. Nhưng bác lo ngay ngáy, vì không duyên cớ, có thể tưởng là người ta đánh bẫy gì mình đây thì khốn. Chiều lại, trước mặt vợ con đông đủ, bác đem việc lạ ấy ra bàn tính mãi, rồi lấy hột cơm dán tờ danh thiệp lên trên vách, còn gà với gạo vẫn để y nguyên,

tuy trông nhà thềm cũng đành, không dám động đến. Trong ý bác tính để đấy sáng mai, chiều hôm gì chính bác thân hành đem giả lại người ta. Việc này chẳng lẽ nào sai vợ sai con đi, bất tiện. Nhưng bác còn bận hàng Tết, không thể đi ngay được. Thị Lan chắc hiểu sự tình ẩn khúc đó ra sao, song phải làm lơ như không biết, mà kể sự thực cũng khó nói ra. Nàng chỉ bảo cha:

Người ta đã biếu nhà mình thì nhà mình ăn, việc quái gì phải đem giả lại, hở thầy. Có đi có lại mới toại lòng nhau, thì mình đem biếu họ một hũ rượu cho ngon cũng thế.

Bác Phó lắc đầu:

-Mày còn trẻ con biết gì mà nói. Thế ngộ người ta lập tâm đánh bầy gì đấy với cặp gà thúng gạo này thì có khổ không.

Lan không nói gì nữa, lúi thúi vào bắc nồi cám ra quấy cho lợn ăn. Nàng thâm biết lão chánh Kim Sơn quỷ quái dụng tâm, chắc hẳn một lần nàng vào nhà ông bán rượu ra về, ông đã cho người đi theo hút đèn sau đến tận nhà nàng mà nàng không ngờ. Vì đó gà, gạo mới biết nơi mà đến.

Tuy ban đầu bác Phó định bụng đem gà gạo ấy trả về nguyên chủ, nhưng sau có lẽ bác nghĩ thầm rằng con gái mình nói cũng phải, họ giàu mình nghèo, họ cho thì cứ việc ăn, cũng đỡ tốn được một món tiền Tết cho nhà mình, việc quái gì phải khách khí chối từ. Thành ra luôn mấy hôm sau, thúng gạo để trong góc nhà mỗi bữa khuyết đi một vài đấu, bác Phó chẳng nói gì. Đến cặp gà, tối hôm ba mươi, hai dì cháu Lan cắt tiết vặt lông một con để cúng giao thừa, còn lại một con, qua ngày mừng một xử tử nốt. Thêm với mấy quan tiền thịt lợn và dăm bảy chiếc bánh chưng, thế là cái Tết của gia đình bác Phó cũng tưng tiệng phong lưu mà lại đỡ tốn tiền nhà được đến quá nửa.

Hôm mừng một, cúng ông bà ông vải rồi, bác lấy cặp chân giò gà ngồi xem tần mẩn - vì bác cũng thạo về môn dị đoán này ít nhiều - thấy móng

giò co quắp không đều, vả lại những tia đen lộ ra nhiều quá, bác chắt lười và nói nhỏ một mình:

Quái! Điềm gì thế này?

Rồi lát nữa, bác ngồi gật gù nhăm rượu của nhà với cặp chân giò ấy luôn cả đầu gà cánh gà, nhai nghe rau rầu, dòn tan; con cún ngồi hếch mõm trông lên chẳng thấy ông chủ năm mới mừng tuổi cho nó cái xương nào.

Sang ngày mừng ba, xương cặp chân giò đã tiêu hóa tám đời rồi nhưng mà những tia đen của nó thì vẫn còn bản khoản ghi chép ở trong tư tưởng bác Phó chưa phai. Ngồi khoanh tay bó gối, suy nghĩ vẩn vơ, rồi sự thực tế đánh thức bác phải nhớ lại hôm nay còn có mấy giờ nữa là xong tết nhất, ai nấy đều trở lại cuộc lo sinh sống hằng ngày. Bác vội vàng xuống bếp, cặm cùi sửa soạn cái nồi, cái hũ để cất một nồi rượu năm mới cho cái Lan ngày mai đi chợ mở hàng. Giữa lúc ấy có tiếngnhạc ngựa nhong nhong dừng lại trước cửa nhà bác Phó. Bác từ trong bếp hấp tấp chạy ra xem ai không ngờ là khách vào nhà mình.

Khách ra vẻ hào hoa chững chạc, đầu đội nón lông dãi lụa bông thò dưới ngực, mình mặc áo bông nhiều, khuy hồ phách, chân đi giày Tàu, bi tất trắng. Sau lưng có người đội nón dứa, ôm điếu tráp theo hầu. Hai thầy trò ung dung bước vào trong nhà. Trước khi chủ nhân chưa kịp chào mời câu nào, khách đã tươi cười nhanh nhẩu nói:

Nhân dịp tân xuân tôi xin đến mừng tuổi ông và chúc ông năm nay đắc tài sai lộc, vạn sự như ý.

Thuở nay chỉ quen tiếp những khách khứa bình thường với lối xã giao giản dị, giờ đột nhiên có một quý khách như thế đến nhà, nhất là một vị khách lạ chưa từng biết tên gặp mặt bao giờ, khiến cho bác phó ngờ ngàng, lính quỳnh. Đến nỗi bác chạy vào trong buồng, tí nữa vấp ngã, vớ lấy khăn đen áo dài vừa mặc vừa run ra chiều lúng túng. Bác cung kính mời khách tạm ngồi trên bộ phản thấp, giải chiếc chiếu đã cũ sờn cả bốn góc. Sa-lông tiếp khách của nhà bác đấy.

Nhà lại chẳng có tôi tớ con trai nào mà sai bảo, chính bác phải rửa qua bộ chén sứ mẻ và cái ghét chè tươi lâu đời để pha một ấm trà ô long thết khách. Khách uống một hớp rồi đứng dậy sửa khăn áo như người sắp từ biệt ra về; bác phó ân cần nói:

-Mời ngài hãy ngồi chơi thư thả xơi cạn chén nước đã. Mấy khi nhà chúng tôi có phúc may được thừa tiếp quý nhân.

Bác lằm. Khách chưa từ biệt. Khách sửa lại chữ nhân ở nếp khăn cho ngay ngắn, vừa đi ra trước bàn thờ vừa nói:

-Xin ông cho phép tôi làm lễ gia tiên.

-Sự ấy thực chúng tôi không dám nhận, xin ngài thứ đi cho.

-Theo lễ phép tiền nhân phải thế, ông cứ để tôi tự tiện.

Thế rồi khách lễ bốn lễ rất kính cẩn. Bác phó đứng bên vái ba vái để tạ ân. Cử chỉ tử tế của khách càng làm cho bác lúng túng thêm.

-Thế này thì không phải, xin lỗi ngài cho chúng tôi được biết quý tính cao danh và tôn phủ ở đâu để chúng tôi đến đáp lễ mới được.

Khách cười:

-Xin ông miễn thứ cho tôi thật quá đường đột. Tên tôi đã viết trên vách kia kìa.

Khách chỉ vào tờ danh thiệp bằng giấy hồng điều mà bác phó đã trân trọng dán trên vách hôm nọ.

Bác phó giật mình:

-Chết nỗi! Thế ra ngài chính là cụ Bá Kim Sơn mà không chịu nói ngay cho biết, để chúng tôi sơ suất trong việc nghinh tiếp, thật là đắc tội với ngài nhiều lắm. Bấy lâu vẫn nghe danh ngài, nào ngờ hôm nay được ngài hạ cố rồng đến nhà tằm...

Quả thế, khách chính là ông chánh tổng đương thứ Kim Sơn mà chúng ta đã biết.

Ông cười và ngắt lời bác phó:

Xin ông chớ dạy quá lời. Quân tử kết giao với nhau có phân biệt gì giàu nghèo, quý tiện. Giờ ông mới biết tôi nhưng tôi đã từng hỏi thăm người ta mà biết ông cũng là con nhà hàn nho, danh giáo, trong lòng chứa chan ngưỡng mộ, vẫn muốn làm quen đã lâu.

-Đa tạ ân ngài chiếu cố.

-Vả lại tôi là một khách hàng rất chuộng mùi rượu của ông mà ông chưa biết đấy thôi.

-Chẳng qua nghề nghiệp quen tay có gì mà được ngài quá khen đến thế.

Hôm nay tôi cốt đến làm quen với ông, thế cũng là chúng ta nhất kiến như cữu rồi. Để mấy hôm nữa tết nhất cho qua, tôi sẽ đến xin ông một người sang bên nhà tôi truyền nghề nấu rượu thì quý hóa biết mấy.

Bác phó ta thật thà, vô tình không hiểu câu nói có nghĩa bóng bẩy chỉ liên thanh đáp:

-Xin vâng! Xin vâng!

Sau khi quý khách lên ngựa đi rồi, Thị Lan mới thò mặt lên nhàtrên:

-Chính ông ta mấy phiên chợ Kim Sơn gọi con vào trong nhà mua trút cả gánh rượu đấy, thầy ạ!

Bà kể mẫu nàng cười ha hả:

-Thôi thế thì phải rồi, ông ấy muốn cưới cô đấy! Hèn nào trong năm tết gà với gạo, hôm nay đến lễ giường thờ và mừng tuổi... ông bố vợ.

8. Thầy nó ơi! Cái Lan trốn đi mất rồi.

Thì ra bao nhiêu sự hào phóng, sự tử tế, sự lễ nghĩa của lão chánh tổng Kim Sơn, chỉ động bởi một nguyên nhân và chỉ dồn vào một mục đích: Cái Lan.

Cái Lan trẻ măng, xinh xắn, sắc sảo, dễ yêu.

Mà nguyên nhân ấy là nguyên nhân đa tình; mục đích ấy là mục đích ích kỉ.

Quả nhiên vừa mới qua ngày khai hạ, ông chánh Kim Sơn cậy tay mỗi lái sang nhà bác phó để giạm hỏi Thị Lan về làm kế thất. Bấy giờ bác phó mới tỉnh ngộ về những cử chỉ dụng tâm của ông chánh từ trong năm đến nay, bác nhớ lại mừng thầm về cặp chân giò đã xem hôm mừng một, tưởng đầu tia đen là báo hiệu điềm dữ mà lo ngay ngáy chẳng hóa ra lại là điềm lành.

Một ông chánh tổng giàu có nhất tổng muốn lấy con gái một bác phó cừu nghèo kiệt, mà lại cưới về làm bà kế, còn gì vẻ vang, sung sướng cho bác phó hơn nữa? Bác chưa bao giờ dám mơ ước đến sự ấy.

Phúc đâu đem lại như từ trên trời sa xuống.

Bác phó ta ừ ngay, làm như dang thẳng cánh tay ra chộp lấy, vồ lấy mỗi hạnh phúc kia cho mau kéo sợ chậm trễ, nó vượt đi mất.

Chắc hẳn các ngài không lạ gì luân lí và phong tục cổ truyền của xứ mình, đối với cuộc nhân duyên, hôn phối của con cái, ngày nay có tùy thời đổi thay dễ dàng đi nhiều, chứ ba bốn chục năm về trước thì cha mẹ nắm quyền tuyệt đối. Lựa chọn, ưng chịu, gả bán, nhất thiết ở trong ý muốn của cha mẹ “đặt đâu con phải ngồi đấy”, không cần gì phải hỏi con:

Tao định gả mày cho thằng đó, hay là tao định cưới con bé kia về làm vợ mày, mày có bằng lòng hay không?

Người làm cha mẹ ỷ có quyền hành, lại thêm tấm lòng tha thiết thương con và sự lịch lãm kinh nghiệm của mình, hễ đã lựa chọn đám nào phối hợp cho con tức thì đám ấy xứng đáng thích hợp tự nhiên khỏi phải hỏi ý con hay là bảo nó biết trước làm quái gì.

Tức như bác phó, bác định gả con gái cho một chánh tổng đương thứ, vậy là xứng đáng đủ mặt, bác đã chịu thì tất cái Lan cũng phải chịu.

Bảo rằng thằng chồng ấy xấu?

Mặc kệ! Nhưng nó đang làm chánh tổng hách dịch nhất vùng lại có thóc gạo chứa mấy mươi gian nhà, ruộng đất cò bay thẳng cánh.

Bảo rằng nó hơi già cho cái Lan?

Phải. Nhưng nó cưới về làm bà kế, trông nom tất cả cửa nhà ruộng nương, sung sướng biết bao. Cái Lan mới hai mươi tuổi đầu sẽ đường đường làm một bà chánh mà bác phó sẽ được dựa hơi nhờ thế trở nên danh giá, nổi tiếng quanh miền.

Thành ra mỗi lái vừa mới đánh tiếng ngỏ lời, bác phó gật đầu tức khắc và tự cho mình là phải lẽ, chẳng thèm hỏi con. Chẳng những bác nghĩ mình có quyền như thế mà đến sự phải lẽ chắc con cũng đồng ý với bác, không thể không được.

Đến nỗi cách sau mấy hôm, bên nhà ông chánh đem sang mấy mâm trà rượu bạc tiền làm lễ vấn danh và định ngày mồng bốn tháng hai xin cưới, bác phó cũng nhận lễ và ưng ý một mình chẳng cần hỏi xem ý Lan thế nào?

Một lát sau, người ta về rồi bác mới nghĩ rằng đến lúc cho con biết về việc chung thân của nó:

Đấy, lễ vật của ông Bá Kim Sơn ăn hỏi con và xin chọn ngày lành tháng tốt là mùng bốn tháng hai sau, thầy đã ưng chịu đâu vào đấy rồi. Con

muốn sắm sửa gì thì lo sắm sửa dần đi. Gả được chỗ này, thầy cũng yên lòng và mừng cho con.

Thị Lan sững sốt:

-Vâng, thầy để cho con suy nghĩ xem đã.

Con suy nghĩ cái gì? Mọi việc thầy đã bàn định thỏa thuận với người ta rồi. Thầy để ra con, muốn cho con nên hay, nên khá mới chọn lựa và ưng chịu gả cho con đám này thật là xứng đôi phải lứa, cả của lẫn danh không còn phải cân đo suy nghĩ gì nữa. Đến mai con dậy sớm đi với dì con sang Nam đánh một đôi khuyen vàng và sắm sửa các thứ, có mấy chục nén bạc người ta dẫn lễ kia con muốn may mặc gì cứ việc. Thầy bảo phải nghe.

Cả đêm nàng trần trọc không ngủ, lại còn khóc thầm nữa. Sáng dậy, thấy hai mắt sưng húp, gân máu nổi lên đỏ hoe. Nàng xuống ao rửa mặt xong và rồi lên đứng trước mặt cha, thu góp tất cả tinh thần, quả quyết, mạnh bạo vào lời nói:

-Thưa thầy, đêm con đã suy nghĩ kỹ rồi, con nhất định không lấy lão Bá Kim Sơn đâu. Thầy giả lễ lại cho người ta.

Nếu lúc ấy sét đánh bên mình hay là đất động dưới chân, chắc không làm cho bác phó ta choáng váng cả người hơn là nghe câu nói của con gái bác.

-Mày hóa điên rồi à, Lan?

Con chả điên tí nào. Mới từng này tuổi, chẳng phải lỡ thì quá lứa gì, con còn muốn ở nhà giúp đỡ thầy chứ chưa muốn lấy chồng. Hay thầy muốn gả con cho bố cu, bố dĩ nào cũng được nhưng lão Bá Kim Sơn thì con nhất định không lấy.

-Mày giết ông đi cho xong! Mày xuống bếp vớ con dao rựa lên đâm chết thằng cha mày đi! Mày định bêu rếu không cho ông ở đây làm ăn và

dám thấy mặt ai ở đất này nữa phải không? Con tôi nó báo hiếu cho tôi thế đấy, giời đất!

Bác quay cuồng gằm thét như điên, như khùng. Và rút lấy cây đòn gài cánh cửa liếp để định phang con một mẻ. Thị Lan sợ quá, vọt chạy sang nhà hàng xóm để trốn. Bác chỉ làm oai, làm bộ thế thôi, không nỡ nào đánh con; nhưng không khỏi lấy làm lạ sao lần này con dám cãi bác, nhất là cãi bác về một việc rất quan hệ. Qua cơn giận chốc lát rồi, bác nói nhỏ với vợ bảo vợ lấy lễ thiệt hơn, phải trái khuyên bảo cái Lan. Đàn bà với nhau, họ tỉ tê khuyên bảo nhau dễ hơn.

Bác phó nghĩ nhăm rồi...

Đến mạng lệnh cưỡng bách của cha nàng còn không chịu khuất phục, huống chi những lời khuyên nhủ của bà dì ghẻ.

Còn phải bé bỏng gì, Lan hai mươi tuổi đầu đã biết đắn đo suy nghĩ nhiều ít. Mình đang son trẻ thế này đi lấy một người đã ngoại tứ tuần, sao gọi là xứng đôi vừa lứa được. Tóc bạc, má hồng, chẳng khác gì nước với lửa không thể tương dung và phối hiệp nhau. Lan lại sức nhớ đến cái vẻ hom hem không có gì đáng yêu của lão Bá làm Lan đã được nhìn rõ nhiều lần khi vào bán rượu: Lan tưởng tượng đến đôi má đã hơi hóp, bộ râu dài ba chòm, mái tóc đã bạc quá nửa của ông Bá mà Lan nghĩ đến số phận mình sau này đâu có được ngồi trên đồng bạc cũng không thể gọi là hạnh phúc được. Lúc nào, lũ chị em xấu bụng đã thì thầm thị phi đủ điều, giờ họ thấy mình về làm vợ lão Kim Sơn, đổ khỏi họ chê cười mình tham lam vàng bạc, bán rẻ xuân xanh. Lại thêm câu chuyện chị em bàn tán về tính cách ăn ở của lão Bá Kim sơn, nay vợ nợ mai hầu kia, chẳng ai được bền; biết đâu rồi cái thân phận ấy không đến lượt nàng. Đời có thiếu gì kẻ giàu có nông cuồng, hoặc vì lòng hiếu sắc ích kỉ dám quăng ra một số tiền để mua lấy bông hoa đầu mùa mà chơi ít lúc, khi chán ngán, đỡ thềm rồi họ chà đạp dưới chân?

Lan không phải là người không ham giàu, ham danh nhưng chỉ sợ những nông nổi nói trên, khiến nàng có cái quyết tâm không lấy lão chánh

tổng Kim Sơn, mặc dầu nàng phải trái ý cha muốn.

Không biết đêm hôm ấy dì đem lời hơn lẽ thiệt ra nhỏ to khuyên bảo cháu ra thế nào, đến lúc trời lờ mờ sáng dì gọi cháu thức dậy thối cơm như mọi ngày, chẳng nghe tiếng cháu thưa; chạy ra phản ngoài xem thấy bỏ không, sờ lên cây sào mắc xống áo thấy sạch trơn, bấy giờ bà mới hoảng hốt, kêu réo ông chồng:

- Thày nó ơi! Dậy mà xem mau lên, cái Lan đã bỏ nhà trốn đi mất.

9. Con Cosette ở Thành Nam.

Lúc bấy giờ cuộc bảo hộ Trung Bắc hai kì đã bắt đầu thiết lập và chinh đốn được mấy năm.

Trong triều, vua Đồng Khánh vừa mới thăng hà, sau ba năm ở ngôi cửu ngũ. Các cụ triều thần bàn tính và được chính phủ Bảo hộ đồng ý, tìm rước đức ông Bửu Lân, con vua Dục Đức về nối ngôi.

Ấy là vua Thành Thái. Cụ Kim Giang Nguyễn Trọng Hợp làm phụ chính đại thần.

Ngoài Bắc ta, dân tâm bắt đầu được hưởng yên vui, nhờ cuộc Bảo hộ lần lần đem lại cho họ cái cảnh an cư lạc nghiệp sau bao nhiêu năm điên đảo, lưu li vì nạn giặc khách và binh hỏa, cơ hoang. Tuy là tỉnh này, huyện khác còn lác đác những chòm nhóm cần vương, nhưng không thể ngăn trở gì được công việc kiến thiết, Bảo hộ một mặt tiếp tục dẹp yên Văn thân, một mặt cứ việc ra tay mở mang, sắp đặt, ban bố học thuật mới và bắt đầu xây dựng các cơ sở văn minh tân thời cho dân.

Năm ấy vừa trúng năm Mão, có khoa thi hương.

Thuở trước, xứ Bắc có hai trường thi là trường Hà và trường Nam, nhưng giờ đã dồn chung lại một trường thi ở tỉnh Nam Định vì trường Hà Nội bãi rồi.

Sĩ tử các nơi ôm lều vách chiếu tụ tập về tỉnh Nam, ai nấy đều có cái cảm giác gần bước vào một thế giới nào lạ. Các phố phường buôn bán đông đúc vui vẻ, có nhiều tòa nhà kiểu mới dựng lên nguy nga, tốt đẹp; đường sá đã mở rộng và rải đá: cho tới bến sông, chợ búa đâu đó đều đã cải quan và mọi việc sửa đổi mở mang vẫn đang rầm rộ tiến hành thêm to, thêm đẹp hơn nữa. Những thầy khóa ở vùng đông nam, còn nhớ mười mấy năm về trước mình cũng về thi cử ở chỗ này chỉ thấy một vài phố phường có nhà

ngói kiểu xưa, còn thì toàn nhà tranh phố lá âm thấp; nói gì đường đi chật hẹp bùn lầy và bốn phía còn đặc những ao tù đất trũng

Chung quanh vẫn nước non nhà,

Nhìn xem phong cảnh nay đà khác xưa.

Hồi xứ Bắc ta hán học chưa tàn, khoa cử còn thịnh, mỗi khi đến khoa thi trường Nam tức là một dịp tô thêm cảnh tượng phồn hoa náo nhiệt cho tỉnh thành này, một dịp phát tài cho các quán rượu hàng cơm, cho chị em hàng Thao, cho những dân cư ở mấy phường Năng Tĩnh, Mỹ Trọng có nhà để chứa trọ sĩ tử và nấu cơm cho họ ăn. Những mối lợi ấy, thành Nam có thể hưởng thụ trong một tháng rưỡi, hai tháng.

Nhất là hai làng Mỹ Trọng, Năng Tĩnh thường ngày vắng vẻ buồn tênh, nhưng đến khoa thi thì quang cánh tấp nập đông vui bằng mấy đám hội. Vì được địa lợi gần với trường thi, cho nên sĩ tử trọ đông hơn các phường xóm khác. Các bậc phụ lão nói chuyện có lắm chủ nhà ở đây cứ thối cơm chứa trọ xong một khoa thi có thể về làng mua nhiều, tậu ruộng là sự thường.

Giữa phố Năng Tĩnh có hàng cơm bác Khán Tèo, tuy cửa hàng chỉ có một gian nhà ngói thấp nhỏ, nhưng đi vào bên trong, cách một cái sân rộng độ năm sáu thước ta, còn chiếc nhà gỗ ba gian hai chái, cao ráo sạch sẽ. Phía sau lại có ao riêng để giặt giũ tắm rửa. Được mọi sự tiện lợi như thế, cho nên khoa thi năm ấy, một nhà bác chứa trọ được ba chục thầy khóa. Bác khéo thu vén xếp đặt, kê bảy tám bộ phản gỗ giường tre liền nhau ở ba gian giữa để các thầy vừa làm nơi ăn chốn nằm, quanh trong khu vực ấy. Bên chái tây, nhà bác dùng để chứa gạo củi nước mắm một phần, còn một phần thì chất đầy sắp lớp những yên, những chõng, những lều, những chiếu của ba chục ông khách trọ. Có ông lại khiêng cả hai tủ sách cổ văn, bắc sử đi theo để nghiên ngẫm nữa.

Còn nguyên cái chái bên đông thì bác cho một cậu ấm tử, ấm tôn nào đó thuê 15 quan tiền một tháng, ở riêng một mình. Hình như cậu là con một cụ quan ở miền bắc, tuổi trẻ nhà giàu ra dáng phong lưu công tử cho nên

cậu ở trọ đi thi một cách đường bệ khác hẳn người thường. Cậu đem theo hai gia nhân và hòm xiểng đầy đủ các thứ vật dụng thực phẩm, cả điều tráp và ấm chén trà tàu, hỏa lò nấu nước cũng không quên. Thầy trò thuê nguyên cái chái đông của nhà bác Khán Tèo, ở biệt tịch một mình và tự nấu ăn lấy. Trừ ra khi cần mua sắm thức gì mà gia nhân cậu không biết thì phải phiền đến bác Khán.

Một nhà có bấy nhiêu người khách trọ hằng ngày phải chợ búa, nấu nướng, cơm nước, hầu hạ thử lượng xem công việc bận rộn đến thế nào, tất là trong nhà phải đông người nhà, đây tớ mới phục dịch nổi. Còn thêm cửa hàng cơm bên ngoài, có những khách bất thường tới ăn năm bảy xu cũng phải tiếp rước nữa là gì? Thế mà chừng ấy công việc phục dịch, nhà bác Khán chỉ quanh quẩn có hai vợ chồng, một đứa con gái mười sáu, mười bảy tuổi, một u già, thêm một con cháu gái đã lớn, nói rằng gọi mình bằng chú thím họ, mới ở nhà quê ra phải đội thúng đi chợ mua cái ăn rồi về chui vào bếp giúp hai vợ chồng bác để thổi cơm và làm đồ ăn, buổi sáng cũng như buổi chiều; đứa con gái bác thì ngồi đuổi ruồi coi hàng bán cơm bên ngoài, thỉnh thoảng có thầy quyền vào đùa bỡn chọc ghẹo, nó lính quỳnh không biết làm sao thì nó réo gọi “U hời! u ơi!”, còn vú già đã chất nặng hơn sáu chục tuổi trên đầu, mắt lò, tai nghễnh ngãng, mỗi bước chậm như con sên, thì đóng vai bưng cơm rót nước và cho các thầy khóa sai vặt.

Các ngài thấy đó chắc hẳn dư biết: người sương thân khỏe xác nhất là cô ả con ruột; kẻ đầu tắt mặt tối nhất là con bé cháu ở nhà quê mới ra.

Có lẽ so sánh chẳng sai bao nhiêu, nếu các ngài nhớ đến vợ chồng Thénardier, chủ quán cơm ở Montfermeuil trong truyện "Những kẻ khốn nạn". Vậy thì Cosette tức là con bé cháu ở nhà quê mới ra, chỉ khác lớn tuổi hơn, còn sự được nghe mắng chửi và ngồi đầu khóc thầm thì cũng thế.

Anh chồng còn khá, đến暮 vợ thì mồm loa, mếp giải, ăn có nói không, hơi một tí là sừng sĩa nhiếc móc con bé cháu tàn tệ.

Lạ gì lúc có khoa thi, tự nhiên chợ búa đồ ăn phải đắt đỏ hơn ngày thường. Ngay bác Khán còn biết lợi dụng thời cơ, thổi cơm hàng và cho ở trọ tính tiền đắt gấp đôi nữa là những người bán hàng ngoài chợ. Mỗi buổi sáng, trước khi con bé cháu đội thúng đi chợ mua cái ăn, mẹ Khán dặn dò phải mua những thức gì và giá bao nhiêu. Luôn luôn mẹ đánh giá mỗi thứ vào mực rẻ nhất, đến ngày thường mua cũng chẳng được, nói gì những ngày đặc biệt như dạo này. Con bé cháu phải chịu mua đắt mới có đồ ăn, tức là trái ý của bà thím. Sáng nào, các thầy Khóa thấy bóng cô bé cháu đi chợ về thì một lát sau tất được nghe tiếng hạch lặc gặt gồng của bà chủ nhà trọ, hoặc ở phía cửa hàng, hoặc ở trong bếp:

Con đi! Chắc mày lại ăn bớt của bà, mớ cá thế này mà năm tiền ư?

Hay là:

Mày ra chợ ngồi nói chuyện với giai, rồi thì bạ cái gì mua cái nấy, vợ cào vợ cấu, chẳng mặc cả gì hết. Đồ hư! Đồ tồi!

Chốc nữa vào trong bếp, mẹ lại tế lên cho một hồi nữa, bất cứ vì một nguyên nhân gì. Mặc dầu con bé cháu làm việc tui bụi, chẳng hở tay lúc nào, mặc dầu mẹ thấy nó giúp đỡ mình nhiều việc, nó nhanh nhẹn giỏi giang nhưng mẹ cũng cứ mắng chửi. Con cá đánh vảy lâu, miếng đậu rán kỹ, cũng đủ là một vấn đề cho mẹ quai mồm ra. Với hạng đàn bà nổ miệng lắm điều, mắng chửi người ta hình như là một chứng bệnh, có lẽ cũng có vì trùng như con trùng lao bắt phải ho vậy.

Người ta để ý nghe mỗi lần người thím hành hạ mắng nhiếc là mỗi lần con bé cháu khóc lóc. Hai mắt nàng lúc nào cũng vận tia máu lên đỏ như gấc, phần vì khói bếp hun gần suốt ngày, phần vì sớm chiều hai ba bận khóc. Nàng tủi thân. Tưởng mình nương nhờ chú thím được yên ổn, sung sướng; ai ngờ đã nai lưng cật sức như làm tôi tớ không công, mà cũng bị đối đãi tàn nhẫn. Đến con ranh con, con gái chú mình cũng lên mặt coi mình chẳng ra gì. Thím chỉ biết kể miếng cơm cho ăn, nên muốn dẫn vật lại cho bồ, chớ không kể công việc mình đền lại đáng gấp đôi. Nàng càng

ngẫm nghĩ càng ảm ức mà không biết nói sao, thành ra chỉ có nước khóc cho hả bớt hơi tức.

Rõ ràng cái thân con Cosette lớn tuổi ở dưới bàn tay sắt của mẹ quán Thénardier.

Những lời chua ngoa của mẹ chủ nhà và tiếng khóc thầm của con bé cháu, đã làm động tâm cậu Ấm, người khách trọ ở chái đông.

Phải nói cho rõ, cậu chỉ động tâm vì tiếng khóc của con bé cháu nhà chủ, mà nhất là động tâm vì chính mình con bé cháu thì đúng hơn.

Chắc cậu sẵn tiền, ham chơi. Vào kì đệ nhất, mấy bài kinh nghĩa cậu làm có ra hồn gì không chẳng biết, chỉ thấy suốt ngày cậu chè chén, tối lại đi gõ trống hàng Thao. Mùi đời hưởng mãi một thứ có lẽ cũng chán, ý cậu muốn được thay đổi hoa đồng cỏ nội chơi, sẵn trong nhà trọ, thấy cảnh ngộ nàng khổ sở, cậu thương. Cậu thường nói với hai tên tùy bộc:

Con bé trông kháu tệ!

Có lần, hai tên tùy bộc đi vắng, nàng đun hộ ấm nước sôi và xách lên chái đông, cậu vồn vã cảm ơn và hỏi nhỏ nhỏ đủ nghe:

-Cô em là cháu của ông bà chủ đây?

-Thưa vâng ạ.

-Cô gọi ông bà chủ nhà bằng gì cơ?

-Thưa, là chú thím tôi.

-Cô nay xuân xanh chừng mười tám, mười chín thôi chứ gì?

-Ô, cậu trông lầm đấy, em ngót ba mươi rồi, có con đã nhón...

Nàng tự biết mình nói láo, nên chỉ nói rồi nhoèn miệng cười, làm cho cậu Ấm đã tình càng thêm chết mệt. Cậu thở dài, làm bộ thương hoa tiếc ngọc:

Ai cũng thấy cô làm việc giỏi giang, thế mà bà thím tàn nhẫn, mắng chửi suốt ngày, tôi nghe cũng phải... sốt ruột đau lòng.

Nàng vừa cười tới đó bỗng sầm nét mặt lại, không nói gì, nước mắt chạy quanh, vội vàng bỏ đi ra.

Ngoài ra tấm lòng ao ước thêm muốn, cậu Ấm còn tính hiếu kì muốn dò biết tung tích và tâm sự nàng trước khi định thả mồi bắt cá.

Cậu dặn bảo mưu mô miệng lưỡi cho hai tên tùy bợc để chúng lân la dò hỏi u già và cả bác Khán gái. Việc gì dụng tâm mà chẳng có kết quả.

Thì ra nàng là con gái của một người dòng dõi. Từ tế, buôn bán ở vùng Kim Sơn. Bố đẻ nàng với bác Khán Tèo là anh em chú bác họ nhưng mười mấy năm nay, mỗi người đi lưu lạc sinh nhai một phương chỉ có người khác đi lại đem tin tức thế thôi chứ hai anh em không gặp nhau. Một buổi sáng kia bác Khán thấy một người gái quê xách khăn gói đến chào vợ chồng bác là chú thím và xưng là con ông nọ ông kia. Thế là chú cháu nhìn nhận nhau, rồi nàng ở lại từ hôm đó đến nay. Chú gạn hỏi cháu mới biết nguyên do là cháu chê chồng mới bỏ nhà đi hay là không chịu lấy người mà ông bố định gả.

Hắn các ngài đoán biết người cháu gái của bác Khán chẳng phải ai lạ: chính là Trần Thị Lan, cô hàng rượu không chịu lấy ông chánh Kim Sơn.

Phải, chính là nàng.

Đêm hôm đó nàng thao thức suy nghĩ đến cùng đường hết kế, biết không còn cách gì đánh đố được cái đầu óc tham giàu, sợ thế của cha mình. Chỉ còn một nước gọn nhất, là bỏ nhà đi trốn mặc kệ gia sự ra sao thì ra, mặc kệ tương lai đến đâu thì đến.

Quá nửa đêm nàng lén chỗi dậy, đánh cắp của cha được một quan tiền kềm gói ghém vội mấy chiếc áo xống làm một cuộn, quơ lấy cái nón rồi rón rén mở cửa ra đi. Cuối tháng giêng, trời mưa phùn và tối đen như mực mà

nàng thấy trước mắt mình như có hào quang nhấp nháy dẫn đường. Nàng đã đặt bước chân thứ nhất trên con đường giang hồ lưu lạc.

Tảng sáng, vợ bác Phó mới biết và gọi chồng dậy: “Thầy nó ơi! Cái Lan đi mất rồi!”, bác Phó choàng dậy kinh hoảng hồn vía, sau khi xem xét sự thực rồi bác vò đầu giậm cẳng:

-Giời ơi là giời! Cái Lan nó giết tao phen này. Rồi bảo tao ăn nói làm sao với người ta. Thật là nó đấp mo, trát cứt vào mặt thẳng bố nó, nó báo hiếu cho bố nó thế đấy, giời đất ơi!

Trong lúc hai vợ chồng bác, mỗi người một ngã, lùng vào các nhà quen ở đầu làng cuối xóm rồi tót lên đến chợ Kim Sơn tìm tòi dò hỏi những chị em bạn hàng xem ai có biết cái Lan đi đâu thì lúc ấy cái Lan đang nằm trong một chiếc đò dọc xuôi Nam.

Tiếng đồn cái Lan bỏ nhà đi theo giai, ngay trong hôm đó, vang dậy cả vùng.

Bác Phó thân hành đem đồ lễ trả lại tận nhà ông chánh Kim Sơn, thiếu nước súp xuống lạy ông mà ông chưa thềm nhận cho:

Anh nhận lễ đám này lại mưu mô gá con cho đám khác, để tôi vào trình quan cho công cổ anh lại xem...

Con căn cớ lạy ông, quả thật con gái con nó hư, bỏ nhà trốn mất, xin ông làm phúc đánh chữ đại xá đi cho.

Tội nghiệp! Những hôm bác Phó van lạy người ta ở đây và mang tai mang tiếng xấu hổ thì con gái bác đang bị vất vả mắng chửi ở tỉnh Nam mà bác không ngờ.

10. Lưu lạc ra tận Hải Phòng.

Sáng sớm hôm sau, Thị Lan - các ngài đã biết con bé cháu nhà quê của bác Khán chính là nàng - xách cái thúng đi lững thững từ phố Năng Tĩnh lên chợ Rồng, như thường lệ mỗi ngày.

Nàng vừa đi vừa suy nghĩ thăm thìa. Càng thăm thìa càng âm ức.

Bao nhiêu chuyện đụng chạm quay cuồng ở trong đầu óc nàng nhưng rút lại chỉ qui tụ vào hai việc cốt yếu: ở và đi.

Hai việc, hai đầu hồi rất lớn.

Tình cảnh nàng thế mà khó khăn. Đã bỏ nhà đến đây nương nhờ chú thím, tuy là họ xa nhưng cũng còn dính dấp rễ má dây mơ hơn là hàng xóm, trong ý nàng chỉ cầu được ở yên thân. Cứ ở yên đây ít lâu, gặp được anh chàng nào xứng lứa bằng đôi, phải duyên phải số thì ta lấy rồi cùng nhau chịu khó làm ăn, sinh cơ lập nghiệp, thế là có thể tạ tội với cha mẹ. Sở nguyện của một cô ả nhà quê mới ra tỉnh lần đầu, chưa có gì là cao kì, xa xôi; đũa mốc đầu dằm chòi mâm sơn, váy đụp trông gì ngồi võng tía, nàng chỉ ước mong ngày kia vợ được anh chồng trẻ trung, hiền lành có nghề nghiệp tử tế để có thể đưa nhau về Kim Sơn nói với bác Phó: “Thưa thầy nhà con đây”, thế cũng đủ rửa tiếng bỏ nhà ra đi.

Nhưng nào phải con người ta muốn gì cũng được. Thế ra quên đứt ông Tạo hóa và bảo người ta không có vận mạng. Thì xem cảnh Thị Lan đấy. Những ước mong yên ổn, mơ màng tương lai mà vợ ngay được một mụ thím cay nghiệt và xấu bụng hết chỗ nói. Cho con bé cháu nhà quê mới ra được một chỗ ở đậu, hai bữa cơm dư mà ra điều tiếc rẻ suốt ngày nỏ miệng chửi mắng trừ chứ không chịu bắc đồng cân, đồng lượng mà cân giùm công việc vất vả nó làm cho nhà mình còn nặng bằng ba cái mình nuôi nó.

Thím gì mà xử với cháu tệ hơn là đầy tớ. Mới ở chừng nửa tháng hai mươi ngày nàng đã thấy rõ mụ thím là một con yêu tinh, nghiệt phụ. Đang

lúc đông khách ở trọ ăn cơm, mình làm tối mắt suốt ngày, mụ còn nở lòng xử tệ như vậy, nay mai hết mùa khoa thi, tự nhiên vắng khách ế hàng không biết mụ sẽ tiếc mấy hột cơm bố thí mà dẫn vật mình đến đâu.

Thế tất phải đi.

Nhưng mà đi đâu bây giờ?

Nàng đến tuổi đã biết nghĩ, biết lo. Đi có lẽ là bước chân vào con đường hạnh phúc, mà cũng có lẽ nhảy xuống vực sâu. Sẽ bơ vơ khổ sở, sẽ làm tội tứ người ta để mà sống, sẽ bán rẻ cả xác thịt không chừng để cho con tì con vị khỏi liệt máy, hay sẽ chết đói chết rét một xó xinh nào, như thân con chuột thối nằm trên vỉa đường, người ta hất căng đá một cái xuống lỗ cống là xong chuyện. Nhưng cứ phải đi, đi liều vì tình thế không ở được. Cứ đi, nhất nên nhị hư, một sống hai chết, chỉ có thể thôi.

Tới đây, nàng nghĩ nhớ lại câu chuyện chị em hàng gánh nói với nhau hôm cùng đi chợ Kim Sơn về. Nhiều cô con gái quê phần chí, bỏ nhà ra đi xuôi Nam ra Phòng ít lâu trở về thấy nghênh ngang áo the quần lĩnh, nón thao dép cong, thì ra họ đã vớ được chồng là thầy kí thầy thông hay chú khách chủ hiệu. Truyện ấy như có móng nhọn in vào óc nàng, giờ gặp được lúc nổi bật lên. Nàng ngẫm nghĩ những cái may mắn người ta chẳng có nước da cặp mắt như mình còn có thể gặp được huống chi mình đây chẳng thua kém ai. Ông trời đã ban cho họ lắm sự may mắn, không lẽ nào lại hẹp lượng với mình. Thôi mình đã xuôi Nam gặp bước không tốt rồi, cũng chưa phải là cùng đường bí lối, vẫn còn một cửa mở nữa: ra Phòng.

Nàng vừa đánh xong cái dấu nhất định ấy trong trí thì chân cũng vừa bước đến chợ Ròng.

Tội nghiệp nàng mua chác mớ rau mớ tép cũng phải mặc cả từ đồng kềm chỉ sợ về nhà bị mụ thím ác nghiệt nghi là ăn bớt.

Tay xách một xâu cá mè, đầu đội cái thúng nặng trĩu, nàng ở trong chợ đi ra được một quãng thì gặp cậu ấm trọ ở chái đông nhà mình đang từ đằng

kia thất tha thất thêu đi lại, chắc cậu ở phố hàng Thao về. Xem bộ tịch mỗi mệ không muốn bước và cặp mắt thức suốt đêm nó đờ ra thì biết. Nhưng khi trông thấy cô bé cháu nhà trọ thì cậu lại tỉnh táo ngay. Sự gặp không ngờ, làm cậu mừng quá, tươi hẳn nét mặt. Cậu kiếm có xin một miếng trầu để nàng phải đặt thúng xuống đất và mở gói lấy trầu cho cậu được dịp tán chuyện. Cậu nhoèn miệng cười, cái thứ cười chót nhả, ranh mãnh của kẻ tán gái, cười cả mắt lẫn răng:

-Cô mời miếng trầu này để mừng tôi được vào “kì phú” đây.

-Kì phú là thế nào cơ?

-Con gái quê mùa có hiểu chuyện thi cử, chữ nghĩa là gì đâu.

-Vào kì phú nghĩa là vào nhị trường, thì làm thơ phú.

-Thế là cậu đỗ ông cử hay ông tú rồi?

-Chưa, còn phải thi hai kì nữa kia, nếu như được lọt nhị trường. May ra tôi còn được trọ nhà ông Khán cả tháng nữa để hàng ngày được giáp mặt hoa đào...

-Không, nhà chú thím em có cây đào nào đâu mà có hoa?

Nàng cãi ra vẻ thật thà, ngơ ngẩn.

-Tôi nói hoa đào tức là định nói cô đó.

Giữa lúc ấy có tiếng còi tàu tu tu ở ngoài bến đưa vào, nàng làm bộ hỏi như không biết:

-Có cướp đánh ở đâu gần đây, cậu nhí mà lại có tiếng tù và họ thổi đó?

-Tiếng còi tàu Phòng lên đấy.

-Thế nó đi bao giờ mà bây giờ đã lên.

-Cô sao thật thà quá. Bao giờ ở bên Nam này cũng có mấy chiếc xuôi, mấy chiếc đẽn. Ví dụ chiếc Trường Châu xuôi Phòng chiều hôm qua, nay

có chiếc Trấn An về.

-Bến tàu chắc vui lắm, cậu nhỉ. Mình đi xem, lính họ có bắt không?

-Việc gì mà bắt.

-Em vẫn ao ước xem tàu chạy một hôm. Tàu Phòng chạy vào giờ nào hờ cậu?

-Vào khoảng một giờ chiều.

-Thế thì giờ ấy em đi xem được. Hôm nào cậu đưa em đi xemnhớ.

Cậu ấm thích mê:

-Được. Mai tôi bận vào trường thi, ngày kia tôi dẫn cô đi xem cho biết. Hôm ấy, ta cứ hẹn nhau ra đây rồi cùng đi, nhớ.

-Vâng, chào cậu, bây giờ em vội về nấu cơm kẻo trưa mất rồi.

Cậu ấm tấp tễnh mừng thầm tưởng mình lợi dụng được chị gái quê chẳng dè chị gái quê đã lợi dụng cậu để dò thăm một tin tức cần biết là giờ tàu Phòng chạy.

Nàng định cao bay xa chạy ngay vì sợ để lâu bại lộ cơ mưu, hay là bác Phó ở Kim Sơn lần mò đến nơi bắt về thì hỏng.

Quả nhiên, ngay sáng sớm hôm sau, nàng thu sẵn gói xống áo để trong chiếc thúng đập vi buồm lên trên, một lát mẹ Khán đưa cho đồng bạc hoa xòe sai đi chợ như mọi ngày nàng vội vã cắp thúng ra đi. Lần này đến đầu phố Khách, nàng không rẽ vào chợ Rồng đi thẳng tuột xuống bến tàu.

Lần lút trong xóm Vị Hoàng đến trưa, nàng vào quán ăn cơm với mấy con tép rang lại mua một nắm cơm gói theo rồi mới xuống tàu Trường Châu để xuôi Hải Phòng.

Từ lúc này mãi cho đến khi có Bạch Thái Bưởi nổi lên, tàu thủy chạy trên các ngã sông xứ Bắc, trừ ra mấy chiếc tàu của Tây còn thì người Khách

chuyên lợi. Tàu còn chạy bằng guồng bánh xe ở sau đít. Từng trên từng dưới giải những hàng chiếu dài cho hành khách nằm chen chúc nhau như cá mèi sắp lớp. Lúc nào chiếc tàu cũng nghiêng, cũng tránh, người đi không quen tất phải xanh mặt, chỉ sợ lật đổ. Thế mà tối đến, một chú tài công hay chú mại bản còn dồn khách lấy một chỗ rộng độ vài chiếc chiếu để bày xóc đĩa hay phán thán bóc lột bà con mình. Đàn bà con gái thường bị nạn chòng ghẹo, lãn mò, nghịch ngợm. Họ thừa đêm tối, rờ rẫm, cấu véo các cô phải kêu lên oai oái. Bọn vô lại ấy xảo quyệt, làm bộ chọc ghẹo mấy bà già, để mấy bà phát giận, phải nói:

-Mấy bác đùa nghịch các cô còn xuân kia kìa, chứ đùa nghịch bà già là nghĩa lí gì?

Thế rồi chúng xoay lại nghịch ngợm các cô, các cô nào chua ngoa cự lại thì chúng được điều nói:

Các cụ vừa mới truyền lệnh, cô không nghe thấy sao?

Trong khi mũi tàu và sau lái có những tấn kịch khả ố như thế thì ở giữa tàu rền những tiếng kêu của bốn đồng tiền và bán chẵn bán lẻ làm cho nhiều bà con ta máu mê cờ bạc, phải trút túi cạn lưng rồi bán mẹ cả ô và khăn gói, tay nải đi. Tàu thủy bốn chục năm trước thật không có trật tự chút nào, những nhiễu đủ thứ, kẻ cắp cũng nhanh như chớp.

Thị Lan một thân, một mình, vừa nhát sợ, vừa lo ngại, đâu có dám nằm, cả đêm nàng phải ngồi xồm, khoác chiếc nón sau lưng, đứng đứng chiếc thúng bên mình để giữ lấy gói áo, rồi khoanh tay gác đầu trên vành thúng, khi chợp khi tỉnh. Chốc chốc nghe có bàn tay nào mò vào trước ngực, nàng lại giật mình ngẩng mặt lên:

-Cái tay bác khi gió này làm cái gì thế?

Không biết bàn tay ấy chỉ tình nghịch, hay định móc lấy đồng bạc hoa xòe của cô gái quê. Có khi cả hai mục đích cũng nên. Tự dấy, Thị Lan không dám chợp mắt nữa. Nàng mở cơm nắm ra bẻ ăn và tán chuyện mưa

nặng với mấy bà cụ ngồi gần để thức đến sáng. Phần tui thân phận, phần lo sợ tương lai mịt mù, nàng ngồi khóc âm thầm, rấm rứt. Ai bảo bỏ nhà trốn đi? Thế mà chánh tổng muốn rước về ở ngôi bà kế, tha hồ sung sướng lại còn làm bộ làm cao không lấy? Có lẽ trời bắt đặng cay vất vả như thế để phạt cái thói lên mặt đỏng đảnh kia chăng? Hay là con người có số nay mai giàu có tiếng tăm tất phải trước hết đi qua cái cầu phong trần luân lạc như thế mới được chăng?

Lúc bước chân từ dưới tàu lên bến Hải Phòng, cô ả càng ngỡ ngàng lo âu, tự hỏi không biết mình đến đây làm gì và tìm con đường sống ở đâu bây giờ?

Chúng ta nên biết nguyên xưa Hải Phòng tiếng là một trấn vua ta đặt ra để trông coi việc phòng bị giao thông ngoài biển, nhưng chỉ có danh nghĩa thế thôi. Toàn cảnh chẳng qua chỉ gồm có một dinh thự con con cho viên trấn hải sứ, một vài xóm nhà lá, một vài vạ chà, đại khái cũng như cửa Hàn trong kia trước lúc có thúy sư đề đốc Rigault de Genouilly tới, chứ không phải đã có châu thành và thương cảng gì hết. Sau việc Hà Nội thất thủ lần đầu năm 1873, triều đình cắt nhường khu đất Hải Phòng cho nước Pháp làm thương phụ. Người Pháp ra tay mở mang ngay: mở đường sá, cất phố buôn bán, đặt tòa lãnh sự để giao thiệp với quan ta, dọn đến cho tàu thuyền ra vào. Ấy là viên đá thứ nhất của thương cảng Hải Phòng. Đến khi cả xứ Bắc hoàn toàn thuộc quyền bảo hộ thì Hải Phòng đã có cái cơ sở, cái quang cảnh một thành phố tân thời sớm hơn được mười năm rồi. Công cuộc kinh doanh tạo lập cho nên một thương cảng to và mới, những cánh tay khoa học mỗi ngày làm mãi, mở mãi không lúc nào ngừng.

Hôm cô gái quê họ Trần ở dưới tàu Nam bước ngó ngán lên bờ. Hải Phòng đã bày ra quang cảnh một thành phố mới mẻ, đông đúc, thịnh vượng. Phố tây, phố khách đã có, đường cầu Đất đã vui, bến tàu Sáu Kho đã mở; châu thành giống như con tằm ăn lá dâu, đang vùng to lan rộng ra tứ phía. Dân các tỉnh dồn nhau và kéo xuống buôn bán tìm việc hồ khẩu, tụ tập rất đông. Trước những cảnh tượng to tát mới mẻ ấy, Thị Lan ta bỡ ngỡ lo âu

cũng phải. Vì Hải Phòng hoàn toàn mới, đẹp, nàng thấy lạ hẳn mắt mình, không như tỉnh Nam còn pha vẻ mới vào những nếp cũ vết xưa dính lại.

Nhưng gái quê mặc kệ, đã bị số phận ném lên trên đường bơ vơ lưu lạc, tấm lòng muốn sống của họ bắt họ phải trở nên khôn ngoan, bạo dạn, có khi đâm liều. Bởi vậy, Thị Lan chỉ bàng hoàng lúc vừa đặt chân lên đất mới thôi, một lát nàng định thần lại, tắc lưỡi một cái rồi mạnh bạo cất bước đi rất tự nhiên. Cái tắc lưỡi ấy có thể diễn nghĩa ra thế này:

- Trăm sự phó mặc ông giời! Mình đã liều đem thân xô đẩy đến chốn này thì cứ nhắm mắt đưa chân tìm lấy đường sống. Giời sinh giời dưng, việc quái gì mà sợ. Ta cứ việc đi, đi tìm lấy việc làm mà sống; nhất là được chỗ may thuê vá mướn, không thì đi ở gánh nước nấu ăn cho người ta; hay có số kiếp vất vả lắm thì đến vào nhà thổ chứa là cùng chứ gì?

Đồng bạc đổi ra lấy vé và tiêu pha, giàu cau lặt vặt dưới tàu, còn lại mấy hào, nàng vào một quán cơm che liếp ở ngay đầu bến, cốt mượn có ăn cơm để hỏi thăm mục chủ quán ít nhiều đường đi nước bước cần dùng cho mình.

Sau khi đã ních một bụng cơm cho cứng hai bắp vế rồi, cô gái quê ta đội nón cặp thúng, mạnh mẽ, ung dung đi lên trên phố.

Nàng đi tìm việc làm.

Hình như nàng muốn việc làm ở nhà nào giàu có thì hơn, cho nên đi qua cửa hàng cửa hiệu nào trông vẻ hơi khá nàng cũng đứng tần ngần một lát rồi vào hỏi:

Thưa ông bà có công việc gì cho cháu làm.

Nhà nào cũng lắc đầu. Có bà chủ hiệu thấy cô ả quê kệch ra ý khinh khi, hất hủi đến nỗi nàng chưa nói hết câu xin bà đã gạt ngay:

Ai thừa cơm mà nuôi thứ mày.

Suốt cả buổi sáng đi mất công mỗi căng, nàng đã hơi nán, tìm một bóng cây ngồi phệt xuống nghỉ ngơi. Một con mẹ lân la đến hỏi chuyện, nàng nghi là quân mẹ mình dỗ người đem bán, nên chỉ ậm à vài câu rồi xách nón đứng dậy đi nữa.

Lang thang mãi đến chiều, sang mạn cầu Đất, thấy một cửa hàng bán rượu khá to, nàng đứng lại dòm xem lâu lắm. Trạnh nhớ cái nghề nấu rượu, bán rượu vốn là nghề quen của mình, có lẽ vào xin việc ở nhà này may được, nàng đánh bạo bước vào.

Bà chủ hiệu đã già, nét mặt răn rỏi, danh đá, nghe nàng hỏi xin việc, bà nhìn kĩ từ đầu xuống chân rồi hỏi một cách nhẹ nhõm:

-Quê quán chị ở đâu?

-Thưa cụ, cháu người tỉnh Nam ạ.

-Mới ra Phòng lần này là một?

-Vâng.

-Thế là chị ở nhà quê mới ra biết quái gì công việc tỉnh thành mà đòi làm.

-Thưa cụ, thầy cháu ở nhà quê chuyên nghề nấu rượu cho nên cháu quen nghề này lắm.

-Thế à?

Bà cụ tươi cười ngay vì đang cần một người biết xem rượu tốt xấu và bán hàng phụ mình, kéo nhiều lúc đông khách quá bà bận tíu tít.

-Mà chị định xin tiền công mỗi tháng bao nhiêu?

-Tùy lòng tốt của cụ, cháu không dám nề hà, để cháu vào làm ít ngày, cụ xét việc định công, sao cho khỏi thiệt thòi cháu thì thôi.

-Quý hóa nhỉ! Thôi, vào trong nhà cất thúng mủng đi.

Thế là nàng đã có việc làm.

Cũng trong một giờ nàng xin được việc làm ở Phòng thì bác phó ở Kim Sơn ra Nam đến nhà Khán Tèo ở Năng Tĩnh hít hơi hít hã:

-Cái Lan nhà tôi có ra đây ở với chú thím không?

Vợ Khán Tèo như có chuyện tức giận sẵn, giờ nghe hỏi càng sừng mặt lên:

-Có! Nó ra đây ở mười mấy ngày, sáng hôm qua nó lấy đồng bạc tiền chợ của tôi trốn đi theo thằng cu li, cu leo nào mất rồi không biết. Đồ con gái hư.

Bác Phó bận lo thu xếp việc nhà mãi, ra Nam chậm trễ vài ngày, thành ra con đã đi đàng con, không được gặp mặt.

11. Tại sao có cái tên Hồng?

Bà chủ hiệu Phát Lộc nhận cho Thị Lan vào làm ngay là một việc cả hai người cùng có lợi.

Lan được lợi hiện tại.

Bà trông lợi tương lai.

Phần nhiều gái quê rất sợ lên tỉnh, không ai thân thích, không chỗ dựa nương mà không tìm ra chỗ ở việc làm ngay thế tất phải bơ vơ đầu đường, xó chợ rồi bị quân đàng điếm lợi dụng hay bọn mẹ mìn thổ chứa cám dỗ là sự thường thấy. Lan mới ra Phòng từ sáng đến chiều đã có việc làm chỗ ở ngay thế là có phúc hơn nhiều chị em lắm đấy.

Nhưng bà chủ hiệu chí tâm làm phúc cho người thì ít, vụ lợi cho mình thì nhiều.

Bà nguyên là một thím tài về già được nghỉ, cũng như người đi làm việc đến tuổi hưu trí vậy. Không biết rõ quê quán và gốc tích của thím ra thế nào. Người ta đồn chừng thửa mười lăm, mười tám bà trôi dạt đến miền này còn là một xóm vạ chài biệt tịch hoang vu, hình như bà cao số lắm thay đổi năm sáu đời chồng mà đời nào cũng là một chú khách đuôi chuột. Có lúc trong vòng một năm, hai lần bà giới thiệu ông chồng cho bà con hàng xóm biết:

- Chú tài nhà tôi đây.

Người ta nhận ra mỗi lần giới thiệu lại là một chú khách khác lạ hẳn. Thì ra bà đã thay đổi chú tài nhanh chóng như ta thay áo, dễ thường chú nọ xuống thuyền chưa về đến Đông Hưng hay là hòn đất đập mồ chưa ráo thì bà đã nên chồng nên vợ với một “sếnh sáng” khác rồi. Chẳng ai được biết chồng bà làm nghề nghiệp gì, chỉ thấy bà giới thiệu chồng là chú tài thì người ta gọi bà là thím tài và xem ý bà thích cái vinh hiệu ấy lắm.

Tuy vậy bà hiếm hoi về đường từ tức, mỗi đời chồng kết thúc là một sợi dây đứt hẳn không lưu lại một chút ki niệm gì về huyết nhục hay tinh thần. Chỉ có điều khác là bây giờ bà đã có một tòa nhà gạch hai tầng ở đầu phố Cầu Đất, dọn cửa hàng bán rượu và các thứ tạp hóa, ấy là cơ nghiệp của đời chồng thứ sáu để lại cho khi phải cuốn gói vĩnh biệt đất nước “Ổ nằm” vì anh ta bị nghi là một tên dư đảng của giặc Cờ đen Lưu Vĩnh Phúc.

Trừ ra chiếc nhà gạch, lưng vốn bà cũng có dăm sáu nghìn quan tiền. Cái thời đại 18 đồng tiền kẽm một bát chiết yêu cơm đầy lên có ngọn, số vốn của bà được vậy đã kể vào hạng giàu, cũng như đời nay có bạc vạn. Thiếu gì chú tài khác trông thấy mà thèm muốn ra tay đào mỏ nhưng bà không dại, bà vẫn tự khoe một tay mình mấy chục năm khoét tiền của khách, giờ họ định khoét lại thì bà không chơi.

Vả lại, lúc này bà đã 59 tuổi đầu rồi, không còn xuân sắc gì mà đa mang chồng con cho thêm bận. Thím tài đến lúc hưu trí rồi: “Thương thì tiền của đưa đây, lấy chồng thì gái già này xin van”, thím tài bây giờ chỉ lo hốt của làm giàu. Trong đời thường có nhiều người lạ lùng như thế: họ không có con cái, tự phụng một cách rất kham khổ mà bo bo giữ từng đồng kẽm, chặt bóp từng đồng xu định hót của làm giàu để lại cho ai không biết?

Nhờ bao nhiêu năm lấy khách bà thạo cả đường lối buôn bán của họ. Vì thế mà bà mở cửa hàng rượu, đặt tiền trước cho dân quê nấu rượu rồi đem ra đong hết cho bà, bà bán lại cho khách thành ra những kẻ có nồi nấu mất công mà lãi ít, còn bà chỉ đưa đẩy nước bọt thì được lãi nhiều.

Ngoài ra những hũ rượu, thím tài — từ sau ta nên dùng tiếng xưng hô này đúng hơn - còn buôn một món hàng khác, kiếm một mối lợi khác nữa: buôn người.

Ta nên biết thím tài buôn người là một công phu trau chuốt, hầu như là một nghệ thuật khó khăn, người nào khác tay thím chưa chắc muốn làm mà đã làm nổi. Thím vẫn tự phụ rằng mình từng “đi guốc” vào trong tâm lí của các ông khách vì đã lâu năm cùng họ đầu gối tay ấp. Có những hạng chủ

hiệu giàu đầy, béo quay, dù trong nhà mấy thiệp, mấy phòng ra ngoài cũng vẫn còn thềm của lạ, hay mấy chú mại bản, tài phú quen thói bốc rời vớ được miếng mồi hiếm hoi dù phải tiêu một vài trăm quan tiền họ cũng không ngại tốn kém.....

..... Vì thế mà họ dám trả sự may mắn ấy với một giá đắt. Còn một hạng chủ tâm sinh cơ lập nghiệp ở đây lâu dài muốn lấy con gái bản xứ làm nội trợ để giúp việc trông nom tiệm đường giao thiệp hoặc để gá tiếng mượn tên trong việc buôn bán cho được tiện lợi dễ dàng hơn. Hạng này thường tinh khôn kén chọn mấy cô nào có căn cơ bề thế để họ tin cậy phú thác mai sau chứ không phải bạ ai cũng vớ, xong việc thì thôi.

Đón biết tâm lí và sự nhu yếu của họ như thế cho nên thím tài dụng công tìm kiếm gái quê để nuôi nấng trau chuốt rồi gả cho khách lấy lãi. Thím làm việc nuôi người thế này, cũng chịu khó cho những kẻ đi mua gà con, lợn giống về nuôi, ban đầu vốn liếng bạc đồng bạc hào, chi mất công chăn nuôi trong ít tháng là có thể đem bán được bạc trăm, bạc chục.

Ai hiểu công khó của kẻ nuôi gà con, lợn giống sẽ hiểu công khó của thím tài nuôi người.

Những người ở thôn quê xa gần thường đem sản vật ra cửa hiệu thím bán, thím ân cần nhắc bảo họ về làng xem có con gái nhà nào nghèo khó mà sạch sẽ - phải biết nghĩa hai tiếng sạch sẽ là có chút nhan sắc, thì đưa chúng nó ra làm việc với thím, thím nuôi nấng cho, may mặc cho, dạy bảo buôn bán cho rồi sau gả chồng lập nghiệp cho cũng nên. Không thiếu gì nhà có con chỉ cầu ước như thế.

Quả nhiên thím khéo tùy theo vẻ người và óc khôn của mỗi chị gái quê mà biến hóa trở nên một cô gái tinh vào giai cấp nào, giá trị nào. Trước hết, thím cho chải chuốt ăn mặc rồi dạy bảo cặn kẽ từ những cách đứng, cách đi, cách gói, cách mở và ít nhiều tiếng khách cần dùng để giao thiệp đối đáp. Bấy giờ mới cho ra ngồi phát phối ở cửa hàng hoặc cho đem hàng hóa đến giao các hiệu khách. Từ lúc tô lức, chuốt hồng cho đến lúc xuất đầu lộ diện

được, các cô gái quê đôi sắc tướng bao nhiêu tức là thím tài đã tốn công phu bấy nhiêu. Ngộ nhất là cô nào đối với thím, không cháu gọi bằng dì thì cũng em gọi bằng chị, toàn người thân thích ruột già, nào phải ai đâu xa lạ. Một ít danh hiệu xưng hô ấy có ý nghĩa quan hệ khôn ngoan của nó, không phải thường đâu!

Lúc này, một sinh sảng nào để vào mắt xanh một cô em hay cô cháu của bà chủ hàng rượu ở đầu phố cầu Đất mà muốn cưới xin tự nhiên phải tốn cho thím tài năm bảy chục nén bạc hay một hai nghìn quan tiền đen cũng có. Họ tin ở thím là người đã từng làm vợ khách và họ yên trí rằng em, cháu của thím bao giờ cũng căn cơ bề thế hơn.

Thành ra các cô nào đã qua tay tạo hóa của thím cũng được nên duyên hay đặt mối, phi cách nợ thời cách kia, món nào khá thì thím gả chồng, món nào tầm thường thì thím “bán lẽ”. Người ta nói trong khoảng mười năm, thím phát tài về cuộc buôn này cũng nhiều mà những cô nhờ tay thím gả bán được làm vợ khách vào hạng khá cũng không ít.

Cô em, cô cháu thứ mấy chục của thím không biết vừa mới vu qui với một chú mại bản được mấy hôm, trong nhà đang vắng vẻ chưa có người kế chân thì vừa có Thị Lan ở đâu tới xin vào làm việc, thím tài nhận lời ngay.

Thím liếc cặp mắt tinh ranh nhìn cô gái quê từ đầu đến chân thấy mặt mũi tươi tắn có duyên lại ra vẻ người lanh lẹ, chắc không mất công tô điểm bao nhiêu sẽ thành ra một vật có giá trị cho nên thím đón ngay lấy không ngần ngại chút nào. Nhất là cô gái quê này sẽ được việc cho thím cả hai phương diện: vừa biết nghề nấu rượu vừa có ít nhiều nhan sắc.

Nhập gia chưa đầy một tháng, cô gái quê đã thay hình biến tướng.

Con người đã có trí sáng, lại như có vận thời sắp đến giúp thêm vào, sự thay đổi nào có mấy chốc.

Bây giờ Thị Lan nghiêm nhiên là một cô thiếu nữ tỉnh thành luôn luôn quần lĩnh áo the, ra giày vào dép, cái lối gái quê hôm nào đã trút đi mất rồi.

Ban đầu nàng tưởng mình được vào ở nhà này già con hầu, non đầy tớ, không dè bà chủ lại cho ăn mặc tử tế sang trọng và đãi như con cháu: sự đó hẳn ở ngoài hi vọng và trí tưởng tượng của nàng. Hình như nàng cảm động mỗi khi nghe ai hỏi về nàng, thì bà chủ cũng nhận là cháu:

- Ấy nó là cháu gọi tôi bằng cô ruột. Vì cửa hàng, cửa hiệu lúc này bận lắm tôi phải nhắc cậu nó cho cháu ra ngoài này trông nom giùm tôi ít lâu.

Sự thật, lâu ngày ở với nhau thành ra tâm đầu ý hiệp, tính nết nàng thùy mị đáng yêu lại được cử chỉ nhanh nhẩu và có trí sáng bảo một biết mười khiến cho thím tài phải vì nể, chiều chuộng. Trước chỉ đóng vai tuồng cháu vờ, sau hóa ra thật như con ruột. Thím tài càng cố trang điểm cho nàng đến nổi tháo cả hoa hột cửa mình ra cho mà diện những khi sai đi ra ngoài có việc. Ví dụ lúc này bác phó Thành Thị có gặp con, không chùng chấp tay vái chào sát đất, coi con nghĩ là một tiểu thư nào, dõ dám nhận là cái Lan.

Nhưng bù lại cư xử tử tế của thím tài, Lan tỏ ra mình cần dùng đặc lực và đỡ dần thím được nhiều trong công việc buôn bán. Nào là đi thu tiền chỗ này, đòi nợ chỗ kia, nào là cầm sổ đến các hiệu khách giao hàng hay lấy hàng, mỗi ngày năm bảy bận. Những lúc ngồi nhà trông hàng, cô ả lại chào mời khách khứa với giọng nói ân cần khôn khéo và nét mặt tươi cười. Thím tài phải khen nàng có khiếu buôn bán đảm đang.

Trên kia đã nói thím tài chuyên nghề cất rượu của dân quê để bán lại cho khách vận tải về bên Tàu. Có lẽ tại bên Tàu nhiều miền ít cấy lúa nếp mà rượu nếp ta ngày xưa nấu rất ngon cho nên dân quê nấu bao nhiêu đem bán cho khách cũng hết. Họ xuất cảng về miền nam xứ họ một phần còn một phần thì lại bán lại cho bà con mình, đựng trong hũ sành ngoài dán tờ giấy đỏ gọi là rượu Nhu Mễ.

Lúc dân quê gánh rượu ra bán cho hiệu thím tài thì Thị Lan làm việc một nhà hóa học kỹ sư và đóng vai một nhà giám định. Con nhà nghề nghiệp thừa nay có khác, nàng không cần gì phải nếm chỉ ngửi qua mùi rượu xem nhạt hay nồng và trông qua nước rượu trong đục là phân biệt tốt

xấu ngay. Từ khi có nàng thím tài không mua làm phải những thứ rượu có pha lẫn nước lã như trước.

Chùng nào cất rượu được nhiều thì cũng tay nàng đem giao cho các hiệu khách. Nhờ giao thiệp lui tới thường ngày, nàng học được ít nhiều tiếng khách cần dùng trong việc giao dịch. Lạ hơn nữa, nàng đổi hẳn tính khí nhút nhát ngày xưa mà trở nên mạnh bạo, từ lời nói cho đến cử chỉ. Nhiều chú khách thấy nàng hồng hào, chắc nịch trong ý thòm thèm nhỏ rãi. Nhưng chú nào chòng ghẹo nói năng hơi sỗ sàng thường bị nàng nắm kéo đuôi sam giật ngược lại cho mất cựa hay nàng cướp lấy chiếc quạt Tàu của chú đang phe phẩy trong tay:

-Từ rày *nị* đã chừa chưa?

-Thôi, *ngộ* sợ cô hai rồi lờ.

Vì nàng đã bạo mà lại khỏe hơn.

Tấn kịch khôi hài ấy làm ngõ ngác lũ trẻ đứng núp xem ở ngoài cửa hiệu. Các bạn nên nhớ lúc bấy giờ Trung Quốc còn ở dưới triều Mãn Thanh, người Tàu mặc áo dài, kết bím và đội thứ mũ có núm ở trên đỉnh đầu, trong tay luôn luôn cầm chiếc quạt tàu vừa đi vừa phe phẩy. Thuở xưa, lũ trẻ mình thấy bóng người khách là sợ run rủ nhau chạy mất. Cái cảnh tượng của cô con gái mình dám kéo đuôi sam chú khách như thế bắt mấy đứa trẻ đứng xem phái lấy làm lạ.

Nàng ở với thím tài thế mà thắm thoát đã được ba năm. Càng ngày thím càng tin cẩn thương yêu, định bụng tìm kiếm cho nàng một đám chồng khách nào rõ giàu, để nàng nhờ cậy chung thân và thím gỡ lấy một món tiền đền công mấy năm dưỡng dục luôn thể.

Tuy có mấy đám mỗi manh đạm hỏi nhưng đều không xong: hoặc nàng không ưng, hoặc thím không chịu.

Có đám là một chú tài cậy trẻ tuổi nhưng mang phải tội nghèo, thím không chịu gả. Thím kị nhất là cái nghèo vì chú rể khách nghèo thì bảo

thím cậy gỡ vào đầu. Còn một đám là chủ hiệu giàu có nhưng mặt như lợn ỹ, bụng phệ bằng chiếc thúng cái, mỗi bữa ăn hơn một cân thịt, đám này thì Lan chê là Đồng Trác tái thế và không ưng. Nàng nói đùa với thím:

- Lấy nó để mùa hè rục lên những mỡ là mỡ, ai mà chịu được.

Sau lại có một đám được cả hai người cùng hợp ý, hoan nghênh chỉ sợ sến tay rơi mất: ấy là chú khách Hồng, chủ hiệu Bình An.

Chú này vốn là một bạn hàng quen của thím tài vì hiệu Bình An cũng chuyên mua rượu An Nam chở về Tàu. Thường ngày, nàng hay lui tới giao hàng đã quen người nhẵn mặt. Năm ấy chú Hồng mới độ ba mươi tuổi chưa có vợ con gì, một mình chủ trương cửa hiệu của ông bố để lại cho kẻ đáng bạc vạ. Với đám này, thím tài mới chắc kiếm được món “lì xì” khá bở.

Thím khéo mỗi lái tán tỉnh thế nào không biết chỉ cách sau mười ngày hàng phố bỗng thấy nhà thím có đám cưới linh đình.

Thị Lan, hai mươi ba tuổi, trở nên thím Hồng tức là bà chủ hiệu Bình An.

Cuộc nhân duyên này, theo như thiên hạ đồn, thím tài đã ăn không năm sáu chục nén bạc của khách Hồng. Vì thím này vẽ ra nào là tiền cheo cưới ở nhà quê nặng và phải đãi đặng bà con họ hàng đông.

Thế là Lan đã có chồng mà thím tài đã vớ được một mẻ buôn người phát tài vậy.

12. Hóa An Nam, lữ khách trú

Giữa phố khách buổi sáng hôm đó, trước cửa một hiệu buôn bán đồ ăn đồ hộp tây, thấy tấp nập đến mười lăm hai chục người lao động với những xe bò và xe cút kít để một hàng dài, dựa theo vỉa hè. Người nào, trong tay cũng cầm một cuộn dây thừng thò đầu chỗ miệng vào trong cửa hiệu cùng nói lổ nhố một lúc nghe như cùng xin một việc:

-Hôm nay có hàng xin ông chủ cho tôi chở mấy chuyến để kiếm mề gạo về cho cháu.

-Có tàu Tây sang rồi, *xì thẩu* cho anh em tôi lĩnh bốc hàng lên nhà.

Bên trong có tiếng nói ra đồng dặc:

-Kiện to hai hào, kiện nhỏ một hào, có chịu giá ấy thì hai giờ chiều lại đây lĩnh vé ra kho mà chở. Buổi chiều mới được bốc hàng lên.

Trong lúc ấy, ông chủ hiệu và bà chủ hiệu ngồi đối diện nhau ở phía sau quầy đang mãi nói chuyện tiền bạc buôn bán.

-À quên! Hôm kia hỏa đà bỏ thầu được hai vạn năm nghìn cái chổi cho nhà binh dùng. Chiều nay *hóa* phải ra kho trông coi bọn cu li bốc hàng bên Tây mới sang, còn *lữ* thì chịu khó đi đặt người ta làm chổi đi chở.

-Kì hạn bao lâu mới phải nộp.

-Ba tháng.

-Thế thì biết có làm kịp không?

-Phải đặt nhiều nhà cho họ làm kịp thầu đồ của nhà nước nếu trễ thì bị phạt, lần sau người ta không cho mình thầu nữa.

-*Lữ* bỏ thầu mấy hào một chiếc?

-Tính ra hơn một hào tư.

-Sao rẻ thế hử?

-Thế mà rẻ à! Mình đặt họ làm, cả chổi với cây nữa làm cán thương số hơn hai đồng xu, mình lãi hào mấy, còn gì!

-Người ta mua chổi làm gì nhiều thế nhỉ?

-Để phân phát cho các trại binh, đồn lính dùng để quét tước chứ làm gì.

-Thế còn món thầu mấy nghìn tạ gạo cho nhà thương, bao giờ mới cần giao nạp để *hóa* còn lo liệu trước mới kịp.

-Việc ấy thì chưa gấp mấy. Đợi mùa gặt hái này xong rồi dân quê cần bán thóc lúa để nộp sưu thuế, lúc bấy giờ *hóa* sẽ bảo cách thức cho *lú* đi mấy vùng Sặt, Cẩm Giàng, Thanh Miện mà cân sẽ được giá hời. Mình làm nghề bao thầu này phải biết xem thời, chờ dịp, mua rẻ bán đắt thì mới có lãi nhiều.

-Tới đây có một bà lão xách chai vào mua rượu đủ số rồi bà lão còn vạt nài đắt rẻ đòi thêm cho được nửa giuộc mới chịu đi cho. Ông chủ hiệu như có ý bực mình, nói lẩm rầm trong miệng:

-Ố Nàm dẫn mại quán xồi mậu thêm.

Câu này tiếng Quảng Đông, nói là: *người An Nam chỉ có đi mua quan tài là mới không đòi thêm, còn mua thứ gì cũng nài thêm cho được một tí mới nghe.*

Bà chủ hiệu nghe hiểu vỗ nhẹ trên vai ông chồng ra cách yêu dấu, vừa cười vừa nói:

-Xì thẩu (ông chủ) vừa nói vụng gì An Nam chúng tôi đây. Này tôi bảo: vị thần phải nể cây đa mới được chứ.

Rồi cả hai vợ chồng cùng cười.

Hiệu khách này chính là hiệu Bình An ở Hải Phòng. Ông chủ, bà chủ cũng không phải ai đâu xa lạ: chính là chú Hồng với Thị Lan.

Hai người kết hôn thắm thoát đã được vài năm. Con cái tuy chưa có mống nào nhưng tiền bạc thì đẻ thêm ra mãi. Cửa hàng, cửa hiệu ngày càng phát đạt; công việc bao thầu mua bán ngày càng lời lãi. Thím Hồng bây giờ nghiêm nhiên là một bà chủ hiệu to, bạc trăm bạc nghìn đi qua mười đầu ngón tay là sự thường không còn phải là cái Lan nhạt từng đồng kẽm lúc trước nữa.

Cuộc nhân duyên với chú Hồng có ảnh hưởng quan hệ đến thân thế tương lai của Thị Lan một cách đặc biệt.

Chú Khách này chẳng những cho nàng một cái tên mà sau này vua biết mặt, đời biết danh, cha được mở mày, em được nhờ của, ta có thể nói ngay như thế này, hẳn cũng không sai sự thật: trong mười lăm năm nữa, nàng trở nên một người giỏi buôn giỏi bán, làm giàu làm có là nhờ khách Hồng khai quang điểm nhỡn cho từ hôm nay vậy.

Lấy chú Hồng, chẳng phải Thị Lan bước một bước từ cô gái quê nghèo khổ lên ngay địa vị một thím khách phong lưu hay một bà chủ hiệu mà thôi vì sự ấy cũng thường, có nhiều người khác từng gặp. Người ta vẫn nói đàn bà có thể làm quan tể, làm giàu tể, chẳng có lạ gì. Duy có chỗ khác người ta là Thị Lan đã bước chân vào đầu mối con đường nó đưa một cô ả nhà quê đi lần tới những thú đoạn kinh doanh vừa khôn ngoan vừa quý quyết đến nỗi: *“từ tay trắng làm nên cơ nghiệp lớn, má hồng trang điểm phấn son vua”*, có lẽ có một không hai ở trong lịch sử phụ nữ cận đại xứ ta.

Chỗ hay dở thế nào khoan nói, nhưng sự thật thì quả như thế.

Có người nói chơi câu này, ngẫm lại mà đúng:

- Từ khi xứ ta bước vào kỉ nguyên mới, nếu bảo có cuộc phụ nữ hô hào những là kinh tế tự chủ với nữ tử chức nghiệp thì ta phải công bằng mà nhận cho Thị Lan là viên tướng tiên phong, là nhà thực hành *“nữ tử kinh tế, chức nghiệp tự chủ”* trước nhất ở đây.

Thật chú khách Hồng là tạo hóa của cô Tư Hồng mai sau.

Nghe hai vợ chồng nọ nói chuyện buôn bán với nhau lúc này, các bạn hẳn đã đoán biết khách Hồng là người Phúc Kiến do ở hai tiếng xưng hô *hóa, lữ*. Tiếng thông tục của người Phúc Kiến và Triều Châu xưng mình là *hóa* gọi người là *lữ* cũng như *nị, ngô* của tiếng Quảng Đông vậy.

Không biết khách Hồng có phải lai căng hay là đẻ bên ta và học bao giờ mà tiếng An Nam nói rất thông thạo, liến thoang, cả đến tục ngữ phong dao và những tiếng lấu tôm lấu cá, chú ta cũng rành. Hèn nào bà vợ dọn những món ăn bản xứ trăm phần trăm như giả cây, riêu cua hay lòng lợn mỡ tôm, chú cũng xơi được tuốt.

Tuy khách Phúc Kiến nhưng chú Hồng thạo cả tiếng Quảng Đông, tiếng Quan Thoại và biết nhiều ít tiếng Pháp cần dùng những lúc giao thiệp bao thầu buôn bán. Nhất là nghề buôn bán cực thực phẩm tây phương, người Phúc Kiến sở trường hơn hết gần như độc quyền ở xứ ta, cho đến bây giờ cũng thế, các người đi suốt bắc nam, thấy những hiệu nào gọi là *Épicerie* hay *Alimentation* thì hiệu ấy của khách Phúc Kiến.

Thân phụ chú Hồng lập ra hiệu Bình An từ lúc Hải Phòng mới xây nền, đắp móng sau truyền lại cho con, lưng vốn có vạn bạc và bạn hàng rất đông. Ban đầu mỗi việc bao thầu lĩnh trưng gì người Pháp giao hết cho khách đứng làm trung gian vì An Nam ta chưa có ai biết việc làm mỗi lợi ấy. Thành ra một tay khách Hồng, chủ hiệu Bình An, kinh doanh trực lợi nhiều món: nào là nhập cảng những rượu tây và đồ ăn đồ hộp để bán cho bạn hàng tây, nào là xuất cảng rượu ta và nhiều thổ sản khác về bên Tàu; lại còn bao thầu mua bán cho nhà binh và nhà nước nữa.

Từ ngày có thím Hồng về trông nom giúp đỡ, chú Hồng như chim đủ lông cánh, rết mọc thêm chân, chú càng dễ bay nhảy trong thương trường vì bên mình không có cái gì lo nội cố. Thím Hồng lại đảm đang, tinh quái, thấy một biết mười, khéo tính toán lợi hại giúp chồng, cuộc buôn bán nhờ vậy mỗi ngày một phát tài thêm. Hàng phố đều khen chú Hồng có phúc và đồ chừng vốn liếng của hiệu Bình An bây giờ có đến bốn năm vạn.

Ai không nghĩ cô gái quê họ Trần đến thế là sung sướng tuyệt.

Kì thật lúc nào nàng cũng có vẻ buồn bã âm thầm. Đời con người ta phải có cái biến tượng ấy để tỏ ra ông Tạo hóa chí công. Ta chớ tưởng những kẻ giàu sang kia được yên vui sung sướng mọi vẻ mà lầm. Đấng cao xanh cho họ được sung sướng về phần xác thịt thường bắt họ phải đau khổ về phần tinh thần, chẳng nhiều cùng ít để thừa trừ cho cân. Ta thấy họ mâm cao cỗ đầy, lên xe xuống ngựa thế mà trong tâm não luôn luôn vẫn vít có cái gì lo, cái gì buồn, cái gì tủi thầm cho mình, cái gì thua kém người ta. Ông trời có cho ai được trọn hưởng nhân gian hạnh phúc bao giờ!

Thím Hồng lúc này xác thịt sung sướng thật nhưng tinh thần thì đau khổ như tê, như dần có gì lạ đâu! Trong cảnh phong lưu ích kỉ, thiên lương nó cắn rứt tâm não của nàng, bắt nàng phải buồn rầu tưởng nhớ đến ông cha già, tức là bác phó cụ Thành Thị, không biết lúc này đang còn mạnh khỏe hay đã nằm dưới cỏ xanh? Không biết sớm tối có được hai bữa cơm no hay phải khổ sở đói rét? Không biết còn ở Kim Sơn hay đã lên đênh trôi nổi xứ nào mất rồi? Vì từ ngày nàng bỏ nhà bước chân ra đi chốc đã năm năm, tuyệt hẳn tin tức với cha già, với dì ghẻ, với em bé.

Phải chi nàng cứ lưu lạc nghèo khó thì thiên lương nó cũng không vội lay động tấm lòng hoài cảm ấy thức dậy làm gì. Đấng này, nàng đã làm bà chủ hiệu, làm vợ nhà giàu, hình như mỗi khi thấy mình sung sướng là mỗi khi nghe trong cõi lòng có tiếng trách vấn của thiên lương:

Mày đành vui thú cuộc đời lấy một mình sao? Còn lão già kia đâu?

Một hôm nổi buồn thối quá, nàng không thể cầm được nước mắt rồi đem hết tâm sự gia đình ra tỉ tê kể lể với chồng.

Chú Hồng cảm động và có ý trách thím vô tình:

Chết nổi! Thế sao mấy năm nay *lữ* không nói cho *hóa* biết? *Lữ* không phải câm mà!

13. Anh đi đảng anh, tôi đi đảng tôi.

Chú Hồng thương yêu chiều chuộng vợ một cách gần như có ý nghĩa tôn giáo. Không phải vì nhan sắc hay mỹ đức gì - sự thật, vợ chú đâu có hai của quý ấy! Chỉ vì thấy từ khi lấy vợ về, việc buôn bán được thêm phần chấn và càng ngày phát tài hơn trước. Chú Hồng tin chắc tuổi vợ có quan hệ mật thiết với cuộc làm giàu của mình nếu rời bỏ nhau ra thì sự nghiệp mình đến phải nghiêng đổ, nguy khốn.

Người Tàu có lòng tin tưởng ấy nhiều lắm.

Chúng tôi được thấy một nhà thầu khoán Hoa kiều lấy một cô giang hồ một trăm phần trăm về làm vợ. Cô này vừa già vừa ốm, nghiện thuốc phiện mỗi ngày nửa lạng là ít lại ham mê đồng cô bóng cậu đến nỗi lúc nào không đi lễ bái, nhảy nhót ở đền kia phủ nọ thì ở nhà nằm li bì cạnh bên bàn đèn. Cái lạc thú giữa vợ chồng hầu như không có nữa. Thế mà ông chồng hết sức chiều chuộng, kính sợ, nào là cho cô thờ tự, đồng bóng ngay ở trong nhà, nào là mua thuốc phiện thượng hạng cho hút và sâm Cao li chính hiệu cho cô bổ dưỡng. Người ta có thể bảo là chú thờ bà vợ. Chỉ vì chú tin rằng tuổi vợ rất hợp với cuộc làm ăn của chú, từ khi lấy cô về, chú thầu khoán được toàn việc to, kiếm ra bạc vạn luôn luôn. Thành ra vợ muốn gì được nấy, tới nước đòi làm phép cưới (vì chú Hoa kiều này vào làng Tây) và cho của để riêng, chồng cũng chịu ngay.

Chú Hồng thương yêu chiều chuộng bà vợ đại khái cũng do một tâm lý ấy; hay nói cho đúng, cũng thờ một tin tưởng ấy.

Thấy vợ thương cha nhớ nhà muốn về thăm viếng, chú Hồng vội vàng chiều theo sở thích vợ kéo sợ vợ buồn. Giá như người khác, bất quá viết thơ cậu người thăm hỏi hay là cho vợ muốn đi thì đi một mình thế đã là tử tế.

Đằng này chú Hồng chiều vợ, phú thác công việc cửa hiệu cho mấy người khách làm công rồi chú thím và một con ở bụng tráp trầu, xách va li theo hầu cùng nhau đờ huề đi Kim Sơn.

Chắc các bạn còn nhớ, hồi mấy năm trước thím Hồng ở đây ra đi, tay trắng, chân không với một bọc áo vải nâu cũ mềm, một chiếc nón lá rách. Bây giờ thím trở về đây, đi dép cong sơn bóng quai nhung, đội nón ba tầm xuyên thẻ bạc, tai có hoa, cổ có hột, quần áo lượt là, theo sau là một con nữ bộc với một ông chồng thả bím xuống quá ngang lưng, mặc áo dài gần chấm gót, chân đi bít tất trắng, giày Tàu, ống quần thắt sà cạp, đứng một của các ông Thiên triều cuối thế kỉ XIX bước sang đầu thế kỉ XX này.

Trong bấy nhiêu năm xa cách đi về, mấy độ sao rời vạt đổi, nhân sự biến thiên.

Trước khi sắp đến đầu làng, thím Hồng chứa chan những nỗi vui mừng khắp khởi vì tưởng sẽ được thấy cha già, gặp dì ghẻ và mấy đứa em đã lớn, thấy những gốc cau thời cũ, khóm chuối ngày xưa. Nhất là mừng thầm ta đi một về mười, được hỏi lòng rửa mặt cho cha sạch hấn cái tai tiếng đối với hàng xóm từ ngày nào. Một người học trò nghèo được về vinh qui bái tổ, cái trình độ vui mừng trong dạ, hấn cũng đến mực cao chừng ấy thôi.

Khốn thay! Nỗi mừng của thím Hồng chẳng khác gì nỗi mừng của cô bán sữa hay là anh chàng đã tỉnh giấc kê vàng!

Lúc về đến nơi, thím nhận rõ từ khóm tre, từ bụi dâm bụt đi về này những lối này năm xưa, duy có nhà xưa cảnh cũ của mình bây giờ chỉ còn lại một đám vườn hoang cỏ mọc. Thím giật nảy mình khôn xiết ngao ngán băng khuâng, chưa đến nỗi đứng đấy mà khóc òa vì còn có chút hi vọng hay là nhà đã dời vào phía trong xóm.

Thím trông thấy một người đàn bà ẵm con đang đứng ở đầu xóm dòm sững về phía mình liền đi đến chỗ người ấy để hỏi thăm.

Người ấy là thị Tý bạn gồng gánh đi chợ Kim Sơn với nhau ngày trước.

Thị Tý giờ đã có chồng, có con, bộ tịch sỗ sề như con lợn nái đã đẻ nhiều lứa. Lúc này có tiếng trẻ con trong xóm khảo nhau có vợ chồng chú Khách đi vào làng, thị Tý ẵm con ra đứng ngoài ngõ nhà mình ở đầu xóm để dòm xem cho thỏa tính hiếu kì.

Khi thấy thím khách đi lại gần chỗ mình đứng, thị Tý nhanh nhẩu hỏi trước:

Thưa bà, bà muốn tìm nhà ai cơ?

Bỗng nàng cau mày nhăn trán như lúc trí nhớ của con người ta vụt tỉnh dậy; thím khách chưa kịp trả lời câu hỏi thì nàng đã reo lên:

Rõ nỡm chưa! Chị Lan đây mà? Bây giờ bệ vệ sang trọng như bà lớn, còn nhớ cái Tý bạn cũ ngày nào không?

Ồ! Thế ra chị Tý ư? Trông người bây giờ khác hẳn, giá chị không nói chắc tôi không nhận ra. Ngoánh lại mới ngày nào, thật là chóng quá nhỉ!

Quả thật, thím Hồng nhận ra bạn cũ. Trong lúc ấy, lũ trẻ trong xóm vây chung quanh chú thím, nghếch mắt lên mà nhìn, ngơ ngơ ngác ngác, chúng nó dòm sững từ đồ vàng đỏ ối ở cổ thím sang đến cái đuôi sam dài thướt của chú; thị Tý xua tay bảo chúng nó giãn ra và nói:

Mời chú thím vào ngồi tạm trong nhà tôi uống nước nghỉ chân đã.

Nhà thị Tý thanh bạch nhưng anh chồng vốn con nhà học trò nên khéo giữ cửa nhà sạch sẽ và biết cách trang hoàng theo lối quê. Hôm ấy chồng nàng đi vắng, không ai tiếp chuyện chú Hồng. Chú cầm quạt phe phẩy đi lại trước sân, xem hết mấy chậu cây si của chủ nhân dụng công uốn thành chữ phúc chữ thọ, tới xem non bộ và mấy con cá vàng bơi lội tung tăng trong bể nước. Trong khi ấy thím ngồi ăn trà nói chuyện với thị Tý ở chiếc chiếu hoa giải trên đầu hè.

Chị về đây hôm nay là có lòng tốt tìm thăm chị em bạn nghèo với nhau thuở trước, hay là có việc gì?

Phải tôi về trước là thăm nhà tôi, sau là thăm bạn cũ.

Nhà nào?

Nhà thầy tôi chớ nhà nào, chị này khéo hỏi ỡm ờ không.

-Giời ơi! Thế ra chị bấy lâu ở đâu chẳng được tin nhà và không biết chuyện thay đổi gì cá thì phải.

Chắc thầy tôi đã dọn nhà vào xóm trong có phải không chị?

Xóm trong nào? Hồi ấy, chị bỏ nhà đi được vài tháng thì ông cụ dọn hết nhà cửa di trú đi đâu không biết, chúng tôi có hỏi nhưng ông cụ không chịu nói. Thế từ bấy đến giờ chị không được tin tức gì về ông cụ cả hay sao?

Nào tôi có ngờ; vẫn đinh ninh trong bụng rằng cả gia quyến tôi còn ở vùng này.

Thím Hồng nói câu ấy với giọng náo nùng và cố cầm nước mắt cho đừng tuôn xuống. Thị Tý cốt nói nhỏ nhỏ cho bạn vừa đủ nghe:

Chị này bỏ nhà đi vắng một mạch năm sáu năm giời không biết gì tin tức của nhà thật nhỉ. Để tôi kể qua cho chị nghe nhớ. Ngày, lúc ấy chị bỏ nhà ra đi hôm trước, hôm sau đầu làng cuối xóm, thiên hạ đồn rầm lên rằng chị phải lòng thằng con ông lí Hường, chữa hoang với nó mà nó không thềm lấy thành ra chị phải đi xa để ở cũ xong rồi mới về. Ông cụ nhà chị buồn rầu, xấu hổ đến nỗi gầy hăn người đi. Thêm mấy người độc ác, gặp ông cụ ở đâu cũng hỏi bóng gió, xỏ xiên: Nghe nói ở nhà ông có chiếc trống cái muốn bán rẻ, phải không?... làm ông cụ tức lộn ruột, có lần chửi nhau với họ. Còn một đảng, lão Bá Kim Sơn không lấy được chị về đấm bóp cho lão thì lão cũng tức, thường đe dọa kiện thưa ông cụ và tìm cách làm hại hết

sức cho biết tay, cho ông cụ không thể nào làm ăn mở mặt ở vùng này được thì lão ta mới chịu.

Hình như có lần ông cụ ra ngoài Nam tìm chị không được rồi về ít lâu, tôi thấy ông dọn dẹp nhà cửa, cái gì bán được thì bán, còn thì nhét đầy hai cái bồ, sáng sớm dắt díu cả nhà ra đi. Ai hỏi đi đâu, ông cụ chỉ trả lời là dọn lên chợ huyện. Kì thật là nói dối vì ông không dọn lên chợ huyện bao giờ; chắc hẳn di trú đi đâu xa biệt, không ở trong vùng này nữa.

- Thế thì mệnh mông giời đất, biết đâu mà tìm cho ra được, hử giời!

Thím Hồng vừa nói vừa dơ dớm nước mắt rồi đứng dậy từ giã bạn. Vợ chồng thầy tớ vội vàng đi ra cho kịp chuyến tàu Kim Sơn về Nam để xuôi Phòng ngay tối hôm ấy. Vì cái mục đích “vạn lí tâm thân” không đạt khiến nàng hết sức buồn bã, không muốn ở lại để ngó thấy cái cánh tượng dấu cũ rêu phong, đất còn người vắng kia một giây phút nào nữa.

Thế thì trong lúc cô con gái làm ăn đã khá, cốt về thăm cha, giúp cha, với ông rể Thiên triều chịu khó theo vợ đi tìm để chào nhạc phụ, hỏi bác phó cự Thành Thị đã di trú phương nào, lưu lạc đâu ta?

Quá đúng như lời thị Tý đã nói cho bạn nghe sau lúc con gái trốn đi, bác phó như người mắc chẹt ở giữa cái tình thế hai đầu có lửa. Một đầu là miệng tiếng thị phi của thiên hạ thiêu đốt. Một đầu kia là lời hăm dọa của lão cường hào Kim Sơn làm cho bác nóng lòng sốt ruột. Bác liệu bề không ở làm ăn xứ này được nữa thế tất phải đi. Rồi bác lẳng lặng dắt díu vợ con sang ở Bồng Hải; từ nay bác với thím Hồng, cha con chẳng những tuyệt hẳn âm hao lại biệt cá tung tích. Vì tuy ở trong một xứ nhưng hồi đó việc giao thông khó khăn nên khó lòng mà tìm nhau được...

Ở Kim Sơn về Hải Phòng được độ mười ngày, thím Hồng bỗng phát bệnh nặng vì lẽ ưu sầu thái quá. Mỗi ngày một cơn sốt rét li bì hể động nhắm mắt là nói mê, nói sáng; ăn uống thứ gì cũng phải thổ ra. Ông chồng lo sợ xanh mặt, đã tưởng phải làm đám ma. Hao tiền bạc trăm, đổi thầy chạy thuốc mấy bận, gần hai tháng mới được thoát hiểm.

Nhưng từ đấy trở đi thím Hồng hóa ra người ốm yếu hom hem, thường biếng ăn mất ngủ và năm ngày ba tật luôn luôn. Trong nhà chẳng mấy ngày không có y sinh ra vào, bên mình cũng chẳng mấy hôm vắng siêu thuốc bổ.

Có người nói thím Hồng có ngoại tình, ốm thế là ốm tương tư, chẳng biết có phải không? Lắm bà lắm cô nhà giàu, giời cho khỏe khoắn sung sướng quá độ mà ái tình không được no đủ, thường sinh ra dâm dăng, không phải lạ gì. Chỉ biết thím Hồng từ ngày đau yếu liên miên trong mình sớm tối nằm ngồi thờ thần, lừ đừ chẳng còn có thể săn sóc âu yếm chồng như mọi khi và cũng chẳng lí hội gì đến việc buôn bán giúp chồng được nữa.

Trong khi thím Hồng ốm yếu như thế, thì chú Hồng đâm ra chơi bời. Có lẽ tòa nhà đến lúc ọp ẹp, suy đồi, mấy cây cột cái bị một đực khoét tứ tung. Bà vợ như con mèo ướt, nằm rên trên giường bệnh, ông chồng nhảy tung như con ngựa bất kham ở trên con đường tửu sắc, yên hoa.

Đêm nào chú cũng kiếm cơ trốn nhà đi ngủ lang, không ngời bốc rời ở những sòng mạt chược, ngẫu hằm thì cũng xuống nằm khàn dưới xóm cô đầu hay là cật kè một con đĩ “phì phà chấy” ở trong khách sạn nào đó. Lúc trước chú hiền lành như ông bụt đất, bây giờ đổ đốn, phũ phàng hung dữ như một tên côn đồ. Có lúc thím chưa kịp hết lời can gián, ghen tuông, chú đã quắc mắt lên thím lại phải im ngay.

Cửa hiệu mặc kệ mấy người làm công, chú không dòm ngó gì đến sổ sách và hàng hóa thứ nào mất còn thiếu đủ. Chú chỉ cần một việc là mỗi chiều tối mở ngăn kéo ra, nội ngày bán chác được mấy chục, mấy trăm thì vợ vét bỏ túi rồi đi. Ngày hôm sau cũng thế.

Ai lạ gì cờ bạc, trai gái là một hang sâu vô cùng tận, bao nhiêu kho vàng đụn lúa đem đồ vào đó cũng không vừa. Chơi bời phung phá như cách chú Hồng thì đến sản nghiệp của Vương Khái, Thạch Sùng rồi cũng phải đổ nát tiêu tán, cái lưng vốn dăm ba vạn của hiệu Bình An có thấm tháp vào đâu.

Ban đầu chú Hồng chơi bằng vốn nhà; bao nhiêu tiền bạc buôn bán hay lĩnh trưng kiếm ra, cứ hết trăm nợ đến nghìn kia, chú đem quăng vào cửa hang “tứ đồ tường” cho kì hết. Rồi thì chơi bằng hàng hóa bán đắt bán rẻ và nợ lãi vay cầu vay cào. Tiền hàng còn thiếu chịu các hãng Tây hiệu Khách rất nhiều, nơi thì thúc đòi ngày một, nơi thì thừa kiện thẳng tay.

Thế là cái sự nghiệp của ông bố để lại làm gốc và năm năm dư vợ chồng bù đắp thêm vào đến đây tan hoang vỡ lở sạch bong.

Tới khi chú Hồng tình ngộ, muốn cố duy trì gượng lại thì như người đã ngã, đuối sức quá rồi không vùng dậy nổi. Cho nên trước mấy hôm nguy cấp chú đã bí mật tìm kế thoát thân không thì ở tù mang nhục, chẳng phải khánh tận cửa hiệu mà thôi. Vợ vét tứ phía được dăm trăm đồng, chú lên ra Móng Cái xuống thuyền chài trốn về Đông Hưng mất, không hề di rǎng một tiếng nào cho vợ biết trước để tự liệu lấy thân. Đàn bà Việt Nam thường nói “*Lấy khách, khách về Tàu*” là sự đó.

Có, chủ Hồng có để lại cho vợ mấy chữ viết trên miếng giấy nhỏ vàng in trên chiếc gói bông mĩ chiều tối hôm sau thím mới thấy vội vàng đưa cho chú tài phú xem và cắt nghĩa giùm. Mấy chữ thế này: “*Ngã cấp hồi Mãn, bất năng thoát biệt. Điểm vụ thính nhĩ liệu lí nhất thiết. Tha nhật hoặc hữu cơ huyền trùng phùng, vị khả tri dã. Lan Khanh trân trọng*”. Nghĩa là: “*Ta gặp về Phúc Kiến, không kịp từ biệt. Công việc cửa hiệu tùy mình lo liệu tất cả. Ngày sau may có cơ duyên ta lại gặp nhau, cũng chưa biết đâu. Xin chúc Lan Khanh, trân trọng*”.

Thôi thế là xong: chú mặc mẹ con vợ Ổ Nạm mà tếch về Tàu một mình rồi.

Chú bảo thím lo liệu cách gì bây giờ? Người ta đã xin tịch kí mà trong hiệu trống trơn hàng hóa, đồng xu không còn.

Ngày sáng hôm sau, mỗ tòa đến niêm phong cửa hiệu Bình An và sai người canh gác. Thím Hồng chỉ vừa kịp thời giờ gói ghém quần áo, xách nón ra đi; lại mình trần tay không, như hồi mới đến năm năm về trước.

14. Một đêm dưới tàu Cửu Giang.

Số kiếp giang hồ lại quăng Thị Lan giả về đường cái.

Người ta định chắc Thị Lan trong năm năm ở với chú Hồng thế nào chẳng lần lữa để dành được năm ba ngàn làm vốn riêng, phòng bị mai sau gặp cơn gió mưa bất trắc. Ai lấy Khách, lấy Tây mà chẳng phòng thân lo hậu như thế.

Có lẽ.

Nếu như tìm gặp được ông bố già, hãn nàng đã chuyển vận cho ông được ít nhiều vốn riêng mấy năm ki cốp. Hay là có ai quen thân chắc nàng có chỗ gửi gắm. Nhưng đấng này Thị Lan không tìm được bố mà cũng chẳng quen thân với ai ở xa hay gần thành ra để riêng được nhiều ít vốn thì nàng chỉ biết giấu trong đáy rương rồi đem ra mua sắm những đồ tư trang bằng vàng. Kể ra nàng sắm được ba bốn chục lạng chớ không ít. Thuở ấy vàng rẻ mỗi lạng chưa đến ba chục đồng, thế là nàng cũng góp nhặt tư sản được trong ngoài bạc nghìn rồi, còn tiền mặt chưa kể. Khốn nỗi đến lúc chú Hồng đâm ra chơi bời phóng túng thì đồ vàng, tiền riêng của vợ, chú cũng dễ dành mưu mẹo bóc lột dần dần. Thị Lan vừa nể vừa sợ chồng mà lại không quen biết ai để chuyển của đi, để chồng khéo thổi tiếng quyên, giọng kèn mà bòn đãi lần hồi tới hết.

Cho nên hôm chú Hồng đã quát ngựa truy phong mà mỗ tòa đến tịch biên hiệu Bình An tổng Thị Lan ra ngoài — vì nàng lấy Hồng chẳng có hôn thư phép cưới gì cả - lúc ấy nàng chỉ có bọc áo quần là nhiều, với đôi hoa tai và năm bảy chục đồng trong túi họa may, không làm gì có bạc nghìn thú thân như người ta đoán nghĩ.

Thật là mèo lại hoàn mèo rồi!

Tuy vậy, mất chú HỒNG biết đâu chẳng phải là một cái may cho Thị Lan như chuyện thằng con Tái Ông mất ngựa vậy. Đời nàng sẽ bước vào một giai đoạn mới, mở ra một kỉ nguyên mới hứa hẹn nhiều sự hay hơn. Thường khi cái họa của con người ta vẫn là một điềm báo trước hay chính nó là chìa khóa mở cửa cho cái phúc lừng thừng đến sau.

Lúc bấy giờ bà cô bố vợ của nàng và thím tài già ở cầu Đất đã qua đời rồi, ở đất Hải Phòng không có ai thân để cho nàng nấu nương tin cậy được. Mấy chị em quen bình nhật thường ngồi nhai trầu nói chuyện phiếm với nhau thì kể làm gì. Có người nói định làm mối cho nàng chấp nối nhân duyên với một ông chồng ta hay một chú khách nữa tùy ý nhưng nàng cười và lắc đầu:

- Tôi đã hai mươi tám tuổi đầu, trong tay lại không có một xu thì còn ma nào thềm lấy.

Kì thật nàng nghĩ chín trong bụng rằng: chẳng gì mình cũng đã trải qua một đời chồng là chủ hiệu giàu có, tiếng tăm hầu khắp tỉnh Phòng đều biết, bây giờ chấp nối liệu có gặp được mặt nào cũng bảnh như thế không? Nếu cha căng chú kiết, vợ quàng vợ xiên, e bị thiên hạ mai mỉa. Mà ở nấn ná mãi chỗ này cho đến long đong sa sút cũng hổ với đời, thôi thì “*lại liêu nhắm mắt đưa chân, thử xem con tạo xoay vần đến đâu*”, số kiếp có bắt mình lấy phải thằng cu bố đĩ hay là cùng lắm đến phải bán tròn nuôi miệng như lũ chị em vô phúc kia thì thà rằng đi xứ khác mà làm cho khuất mắt, chẳng ai biết đấy là đâu, chứ hồi nào nghiễm nhiên một bà chủ hiệu ở đây, giờ sục xuống làm một người trụ lặc cũng ở đây thì phiền lắm.

Thế rồi ngay buổi chiều hôm ấy nàng từ giã Hải Phòng đáp tàu khách “*Cửu Giang*” đi lên Hà Nội.

Cảnh đi tàu thủy vào thời buổi này ra sao, chúng tôi đã nói cho độc giả biết rồi. Với nàng chỉ khác có một điều là bảy tám năm trước, đi chuyển tàu từ Nam ra Phòng nàng là một cô ả nhà quê nhút nhát, khù khờ; chuyển tàu

này từ Phòng lên Hà Nội, nàng là một thiếu phụ có vẻ lịch sự phong lưu, đi đứng nói năng bạo dạn.

Gần cạnh chiếc chiếu nàng ngồi, một người đàn bà năm ngũ cò queo, gối đầu trên chiếc tráp khảm nho nhỏ, quàng tay ôm lấy va li, một đứa bé ngồi bên vừa coi đồ, vừa quạt phe phẩy. Người này cũng trạc hai mươi tám, ba mươi tuổi, mặt trái xoan, môi son má phấn, đầu vấn khăn nhung bỏ đuôi gà dài, mắt lại đeo kính râm để ngủ cho khỏi chói. Trông có vẻ tỉnh thành, hơn nữa ra vẻ một me Tây vì thấy lông mày cao gọt sắc lém, chân lại mang giày đầm và bít tất trắng đó là cái đặc trưng của các bà dương phụ thuở đó. Thị Lan dòm kĩ gương mặt như mang mang như một người nào mình quen.

Mãi chín mười giờ đêm người ấy mới vươn vai chỗi dậy bỏ kính đen ra trở mắt nhìn vào Thị Lan dưới ánh đèn chiếu ngay giữa mặt. Vừa lúc Thị Lan cũng nhìn trừng lại. Rồi cùng trong một giây phút cả hai người cùng hòa tiếng reo lên một:

-Kìa! Cô Ba La Vích!

-Ô này! Thím Hồng!

Hai người đã nhận được nhau.

Quả thật cô Ba La Vích là một me Tây sang trọng, vợ một ông quan ba pháo thủ, ý hẵn tên ông là *Lavic* hay là *Lavèque* cho nên người ta quen gọi cô là cô ba La Vích. Cách hai ba năm về trước, cô theo chồng xuống phục chức ở Phòng, thỉnh thoảng có lui tới hiệu Bình An mua rượu, đồ hộp, pho mát, dăm bông, lễ tự nhiên hay có dịp giao thiệp chuyện trò với vợ chồng chủ hiệu. Giữa lúc ấy Thị Lan đang là thím Hồng, bà chủ hiệu Bình An vào thời kì cửa hiệu đang tấy, buôn may bán đất, một vốn bốn lời. Hai người quen nhau hơi thân, mặc dầu không có những sự vãng lai thù tạc.

Về sau cô lại theo chồng đổi lên Hà Nội, xa biệt Hải Phòng luôn mấy năm trường, cái tình quen biết giữa khách với nhà hàng sao khỏi phai nhạt dần đi. Hôm nay sự tình cờ cho đối mặt nhau và đánh thức trí nhớ, khiến

hai người cùng phải sửng sốt ngờ ngàng nhất là gặp nhau trên một chuyến tàu ngược.

Me Tây, thím Khách ngồi sán lại nhau chuyện như pháo nổ:

Rõ thật là may! — Cô Ba nói — tôi xuống Phòng hơn một chủ nhật, mãi hôm qua mới có dịp đến hiệu đề thăm thím không ngờ đến thấy đóng cửa có người ngồi canh, tôi hỏi bà chủ đâu nó xua tay đuổi tôi đi như đuổi tà, chẳng thềm nói gì cả. Tôi tức cả mình, không nhẽ đứng lại mà “sà lù cu soong” nó...

-Hiệu tôi bị tịch kí rồi, cô ạ - Thị Lan nói và thở dài.

-Chết chưa? Thím nói thật hay bơn?

-Cô tính đời thuở nhà ai lại đi nói bõn một câu chuyện tan cơ nát nghiệp bao giờ.

-Thế chú Hồng ở đâu mà để...

-Thì cũng tại nó đấy, cô ơi! Luôn hai năm sau này tôi ốm năm bẹp một xó thì nó đâm ra chơi bời phung phá, cờ bạc này, trai gái này, trước còn vợ vét tiền nhà đi tọng vào đào đĩ, vào bạc bài rồi sau vay nợ tứ tung thiếu tiền hàng họ của người ta be bét người ta phải xin tòa cho khánh tận, tịch biên. À Hồng cuốn gói trốn thẳng về Tàu trước, bỏ tôi bơ vơ.

-Ấy đấy, thím xem. Mình lấy chồng khách thường gặp phải cái cảnh họ cuốn gói đi êm, bỏ vợ con giữa chợ như thế, mình cay hơn cần phải ớt. Thím không biết, chồng Tây chẳng có thể bao giờ, dầu sao đi nữa họ ăn ở với mình cũng tử tế, khi đi khi về phân miệng. Cứ xem ngay ông ba nhà tôi thì biết, đến hạn hưu trí về Tây, ông cho tôi mấy nghìn làm vốn và tất cả đồ đạc trong nhà cũng đáng bạc nghìn. Mấy hôm sắp sửa từ biệt, me sử bà đầm sụi sụi than khóc với nhau cẩn thận. Tôi vừa ra Phòng là cốt đi tiễn ông xuống tàu giờ tôi trở về Hà Nội đây.

-Cô thật có phúc. Chẳng bù với tôi, mang tiếng lên là Hồng mà vận thì đen. Hồng nhan bạc mệnh là thế!

-Có lẽ con người ta cũng có số. Nhân tiện ra Phòng hôm kia tôi có đi lễ thánh xin một que thẻ ngài dạy thế nào tôi cũng gặp một quý nhân còn sung sướng danh giá hơn trước nữa kia. Sao hôm nọ thím không xin thánh một que thử xem?

-Cô nghĩ xem cảnh tôi mấy hôm điêu đứng sầu khổ đến thế, úa cả ruột gan, mất cả hồn vía, chỉ muốn đâm đầu xuống sông mà chết quách cho xong còn có bụng dạ nào nhớ đến việc lễ bái xin thẻ được nữa!

-Chuyến này hẳn thím cốt lên chơi Hà Nội năm ba ngày cho khuây khỏa rồi lại trở về Phòng tái tạo cơ đồ, phải không?

-Không! Còn nhà cửa thân thích nào ở Phòng mà cô bảo tôi trở về. Chỗ chị em quen nhau một ngày là nghĩa tôi không nói giấu gì cô và cũng không ngại cô cười: tôi đi Hà Nội lớp này, giống như người thò tay mở bát lúc sắp sửa cuốn chiếu, bán chẵn hay bán lẻ, cùng đăt tất, mặc nó ra sao thì ra!

-Nghĩa là thím đi liều mạng văng tê, không có chủ ý gì cả.

-Kể ra thì tôi cũng có chủ ý lên đó tìm cách buôn bán nuôi thân. Nhưng rồi số kiếp đưa mình đi đâu mà chẳng phải chịu.

Cô Ba La Vích ngời lẳng lạng ngẫm nghĩ gì một lát rồi bỗng vui cười, vỗ vai thím Hồng:

-Phải đấy, thím cứ ở Hà Nội ít lâu tôi làm mối cho một ông chồng sang trọng mà nhờ.

-Cám ơn cô có lòng tốt; chỉ sợ lại vợ phải một chú Hồng nữa thì tôi chết!

Hai người ăn uống chuyện vãn với nhau suốt từ đấy cho đến chiều tối hôm sau, tàu mới đến bến Hà Nội.

Cô Ba có bà mẹ và em cháu ra đón tấp tới. Trước khi leo lên chiếc xe tay cao ngất ngưỡng, cô Ba còn nắm tay thím Hồng, căn dặn ân cần:

- Mai kia thế nào thím cũng nhớ xuống chơi nhà tôi ở cửa Ô Quan Chưởng nhé. Cứ đi xe đến đấy, hỏi nhà tôi thì ai cũng biết.

Còn thím Hồng thuê xe kéo về hàng Buồm vào một bạn hàng quen, cũng là chồng khách vợ ta.

15. Gặp được cả chồng lẫn cha.

Thuở ấy, các ông thông, ông kí làm việc ở phủ Thống sứ hay ở tòa Đốc lí mà nhà riêng ở quanh những phố hàng Bông, hàng Hòm, hàng Trống, hàng Quạt những khi đi khi về tất phải qua phố hàng Gai. Người ta thấy họ chiều nào đi làm về cũng thế như chăm chú đưa mắt găm ghé vào một căn nhà gác kiểu xưa, ngay góc hàng Gai, đầu ngõ hàng Hành. Các ông thường liếc mắt dòm có vẻ ranh mãnh rồi khúc khích bảo nhau:

-Con cái nhà ai mà bà mụ khéo nặn thế kia không biết!

-Đằng ấy có biết không? Cả thầy những năm “kẻ” cơ đấy!

-Ừ phải, kháu nhất là con bé như nhỡ, mới độ mười tám, mười chín, da nó trắng bóc trứng gà, miệng tươi như hoa nở, mỗi khi tớ đi qua mà thấy bóng hồng thấp thoáng đủ làm cho quả tim tớ nhảy cào cào nhất là hai chân rùn cả lên không còn muốn bước.

-Sao các quan bác chỉ thích gái non, tôi thì muốn phải lòng bà chủ. Người đậm đà phúc hậu mà có duyên tề. Nghe đâu như là một thím khách hồi hưu thì phải.

-À ra lão này khôn quá, muốn được cả bò lẫn cơm.

-Thôi đừng ba hoa mãi, con sư tử Hà Đông mà nó thấy mình hay ngấp nghé nhà này, đổ khỏi nó nổi cơn tam bành đổ mẹ cả mâm cơm tối cho mà xem.

Vì trong nhà hình như có hai cô trẻ trung xinh đẹp nhất cho nên các ông đặt tên nôm là nhà sẻ Đồng (Đồng Tước) để biểu riêng với nhau, phòng khi nói đến trước mặt các bà ở nhà.

Chính là nhà thím Hồng dọn lại ở, sau mấy hôm tạm trú đằng hàng Buồm.

Nhưng không biết có phải thím là chủ nhân, là người tổ chức và quản lí hay cũng chỉ là một phần tử của nhà này? Điều đó thật không ai dám quyết chắc. Vì có người nói không phải thím là chủ, chính chủ là người mà thím quen, thím đến ở trọ cho vui, ở cái gác nhỏ bên trong.

Chỉ biết nhà này cố nhiên một nơi tiêu khiển cho khách phong lưu, có điều không phải là nơi tầm thường tạp nhạp, ai muốn gõ cửa cũng được. Người ta thấy lui tới phần đông là Khách chủ hiệu to hay bực phú thương quý chức ta; thỉnh thoảng cũng có một vài ông Tây sang. Bên trong đủ cả mặt làng: có rượu, có bàn đèn nha phiến, có bài mạt chược, có mấy cô em ngoan ngoan phục dịch. Kê ra thì gần như một chốn hồng lâu chỉ khác là không có cung đàn tiếng hát.

Có hai lần, cô Ba La Vích cùng đi với ông chồng và mấy ông bạn lại thăm thím Hồng ở đây. Vì cô đã kết duyên với một ông quý quan mới, quá đúng như quẻ thẻ thánh dạy.

Cô cũng không quên lời ước rồi làm ông Tư bà Nguyệt cho thím Hồng.

Một hôm, tự cô nhắc lại:

-Tôi sắp tìm được cho thím một ông chồng Tây quan tử tế sang trọng ra phết.

-Nhưng tôi không biết nói một tiếng Tây thì làm sao?

-Thì rồi mình chịu khó học, mãi cũng phải biết, lo quái gì! Này nhớ:

Tôi đi là moa

a-lêy Re-vay thức dậy, cu-xê đi năm,

Toa ba, cát bốn, xanh năm,

Sa-loong phòng khách, la xăm cái buồng.

Người ta đã đặt thành các vè câu hát như thế cho mình dễ học.

Chẳng lo gì, chỉ năm bảy tháng một năm, thím sẽ nói tiếng Tây liền thoang cho mà xem!

Rồi mấy hôm sau, nhân lễ Dân Quốc kỉ niệm, ngày 14 Juillet 1895, ông chồng cô Ba làm tiệc ở nhà đãi năm ba ông bạn thân, cô Ba mời thím Hồng đến và giới thiệu cô với ông quan tư Garlan. Thím Hồng bạo dạn và tinh ranh, cứ dòm chừng người ta cầm phóng-sết và ăn uống thế nào thì bắt chước y như vậy. Trong tiệc, cô Ba La Vích khéo phô trương tán tỉnh, đóng vai băng nhân nguyệt lão rất tài. Thím Hồng chẳng hiểu họ nói với nhau những gì, chỉ ngồi cười với gật. Ông quan tư Garlan thấy thím Hồng bộ tịch hiền lành, mộc mạc vui lòng ừ ngay. Vì chính ông đang muốn tìm một người nội trợ bản xứ.

Cuộc nhân duyên điều đình và kết thúc nhanh như điện. Ngay hôm sau Thị Lan xách va li vu qui nhà chồng, bước vào xã hội me Tây và có cái tên là cô Tư Hồng từ đó.

Bây giờ trở đi, người chép chuyện chỉ dùng tên mới ấy để xưng hô cho tiện và xóa hẳn tên Thị Lan và thím Hồng đi.

Con người ta đến lúc gặp may, tự nhiên thêm khôn, nảy sáng ra là sự thường thấy: "*Phúc đáo lâm tinh* " quả có như thế. Giờ cô Tư Hồng mới bắt đầu học tiếng Tây, cố nhiên học lối truyền khẩu thấy sao phải uốn lưỡi cong môi khó nói, khó nhớ hết sức; tưởng đâu phải đành chịu đốt, rồi sự ngôn ngữ giao thiệp ở giữa vợ chồng có lẽ cả đời phải nhờ thông ngôn hay là chỉ đưa mấy ngón tay ra hiệu mãi. Ấy thế mà trời cho hạnh phúc mở mang cả trí khôn, cô Tư Hồng chịu khó học lỏm chị em không đầy một năm đã thông thạo những tiếng giao thiệp cần dùng và có thể nghe hiểu, nói được.

Lại khéo ăn ở chiều chuộng ông chồng, khiến ông phải cảm, phải thương. Hằng tháng, ông để riêng cho một số lương khá hậu; còn may mặc sắm sửa và cô bòn thêm khi ít, khi nhiều là đẳng khác. Những món nguyệt bổng và ngoại tài ấy, cô khéo dành dụm, thả lãi, buôn bán loanh quanh mới

hơn vài năm giờ đã tậu được một ngôi nhà gạch ở phố hàng Dầu, tạo nên một cơ đồ biệt lập.

Nhờ giờ cho lúc này lại có nhà cửa linh đình, tôi tớ tấp nập, cảnh phong lưu ăn đứt chị em cùng hội, cùng thuyền.

Lạ một điều, là hầu hết me tây, thím khách, khi giờ đã cho khá đôi chút, đều tin mê đồng bóng lẽ bái. Ba bốn chục năm trước đã thế rồi.

Bọn đồng cốt cung văn nhờ các me, các thím mà phát tài và không bao giờ phải lo nhàn cư thất nghiệp. Có lẽ đây là một cái “mốt” của xã hội me, thím. Họ rủ nhau, đua nhau, ai không theo “mốt” thì không phải mặt bánh.

Cô Tư Hồng cũng phải theo “mốt”; sắm khăn châu áo ngự, phải đan diều với chị em đưa nhau cầu đèn kia, lễ phủ nợ luân luân, cầu con, cầu của, cầu tài lộc, cầu bình an; riêng cô Tư Hồng còn thêm một khoản cầu cha già nữa. Vì từ lúc về Kim Sơn tìm không thấy cha, đến giờ cô vẫn chưa dò ra tăm hơi tung tích bác phó cự Thành Thị ở đâu, còn sống hay đã chết rồi.

Ai đi lễ thánh được ngài bố thí tài lộc những gì không biết, cô Tư Hồng đi lễ thánh quả được gặp một sự may mắn ra ngoài mộng tưởng.

Thật thế, nhờ một dịp đi lễ thánh mà cô được phụ tử trùng phùng sau bao nhiêu năm sinh li.

Truyện thật tình cờ.

Mồng sáu tháng ba năm ấy, cô đi theo mấy chị em bạn về hội Phù Giày lễ thánh xong rồi trở lên tỉnh Nam để đáp tàu thủy ngược Hà Nội. Lúc ra bến tàu chợt thấy một bầu đoàn đang ngồi trong quán nước bên sông, cô mừng quá rú lên, xuýt ngã chết ngất. Này cha già, này dì ghẻ, này em bé, những người thân yêu cách biệt tám chín năm nay mình đang băn khoăn hỏi tìm, ước ao gặp gỡ.

Thật quả là bác phó cự. Nguyên bác từ bỏ Kim Sơn vào Bồng Hải làm ăn buôn bán mấy năm cũng khá, có đồng dư đồng để bèn dắt cả vợ con

về Thành Thị quê nhà, trước là tảo mộ tổ tiên, sau thăm bà con làng xóm, kéo bấy lâu bỏ làng đi biệt, một chốc hai chục năm dư. Hôm nay ở nhà quê lên Nam cốt chờ đò lại về quê cũ. Bác phó không ngờ gặp con, cũng như con không ngờ gặp cha vậy. Nhất là bác vẫn là bác, mà con thì đã lớn khôn, sang trọng, ra vẻ một bà.

16. Lần thứ nhất, bác Phó ăn phó mát.

Cái cảnh phụ tử trùng phùng vui mừng sung sướng của hai cha con cô Tư Hồng lúc ấy tưởng không bút mực nào tả ra cho hết được. Giá có ai đem cả nhà băng hay một ngôi vua đánh đổi với họ chắc họ cũng không thèm đổi nào.

Vui mừng sung sướng nhất là bác phó cự!

Thật thế, con gái bác biệt mất tăm tích gần mười năm, bác vẫn đinh ninh tin tưởng nó chết đói bỏ xác đâu rồi, hay có sống sót nếu không làm con sen, con nụ nhà người ta thì cũng đang rách rưới đói khát với một thằng chồng cực kì nghèo khổ.

Ai ngờ...

Phải, không khi nào bác dám ngờ rằng con gái bác còn sống đã lấy được ông chồng quý quan, đã tậu được chiếc nhà. Hôm nay đi lễ, y phục, hành trang, tùy bịch nhất thiết đều có vẻ sang trọng bà lớn, mấy người chị em đồng hành cũng một loạt phong lưu như nhau. Trông thấy con, bác phó ta nghĩ mình năm mộng cũng phải.

Nếu cô Tư không reo lên nhận ra bố trước, thì đổ bác phó dám chỉ vào cô mà nói: - Này con Lan nhà ta!

Đời người ta có những lúc vui mừng đến phát khóc chính là lúc này.

Mấy người chị em bạn trông thấy cảnh tượng cha con hội ngộ bất ngờ như thế và những tiếng vui cười có đẫm nước mắt khiến họ cũng phải bù ngùi, cảm cảnh.

Một người nói:

- Thật là chị Tư ở hiền gặp lành mới được thánh mẫu run rủi cho hội ngộ gia đình thế này. Phúc đức quý hóa lắm. Nhân tiện mời cụ lên ở chơi Hà Nội thật lâu cho chị Tư được thỏa lòng ước vọng thần hôn bấy lâu.

-Vâng, tôi cũng muốn thế - bác phó trả lời. Nhưng cửa nhà và công việc làm ăn ở Bồng Hải bỏ bẵng gần tháng nay rồi để tôi phải về qua đó sắp đặt rồi sẽ lên Hà Nội chơi với cháu sau.

Cô Tư lắc đầu:

Chẳng sắp đặt thì đừng. Bây giờ cả thầy u phải lên ở Hà Nội với con trong ít lâu, con sẽ cùng đi về Bồng Hải dọn dẹp cửa nhà lên tất Hà Nội ở luôn đây. Thầy đã già rồi từ nay con không để cho thầy vất vả nay xứ Đông, mai xứ Đoài nữa.

Thế là một đoàn chị em, cha con, tở thầy cùng xuống tàu thủy ngược Hà Nội.

Cô Tư hôm đi chỉ cốt đi lễ thánh nào ngờ hôm về lại rước được bố về.

Hôm sau trong nhà cô ở phố hàng Dầu có mở tiệc vui như tết.

Muốn kỉ niệm cái ngày phụ tử đoàn viên cho được trọng thể, cô Tư làm tiệc vừa cỗ bát, vừa đồ tây, trước đề tạ ơn trời đất, gia tiên sau để mời hợp các chị em và những người giao thiệp quen biết đến ăn mừng giùm cô.

Bốn chục năm về trước, xã hội me tây mới nhóm lên, chưa có bao lâu người, vả lại ai nấy còn chất phác và giữ được lễ thói xưa nhiều, cho nên họ ăn ở với nhau thân thiết đậm đà lắm. Họ thường đỡ đần, dìu dắt nhau, mỗi khi một người có việc hiếu hỉ gì thì cả bọn tới lui thăm viếng ân cần và đưa lễ vật phong hậu. Cách cư xử với nhau như thế tuy không có điều lệ nào ràng buộc nhưng cũng hình như một hội ái hữu hay một nghiệp đoàn vậy.

Nghe tin bạn gặp được cha già, các chị em bạn lại mừng cô Tư đều có quà cáp tặng hảo ông cụ. Kẻ này tặng cái khăn nhiễu, người kia cho chiếc

áo the. Có bà cầu kì lại nhờ được cụ đồ nào đó làm câu đối viết vào liễn tàu đem đến mừng nữa.

Tiệc nhà cô Tư hôm ấy đến ngoài mười cỗ vì chị em khách khứa đến rất đông. Cô có ý xen lẫn cỗ bát với đồ tây, tùy khách muốn dùng thực phẩm nào thì dùng mà cũng là hữu tâm để ông cụ nhà cô được nếm cả hai cái phong vị đông, tây cho biết.

Cỗ bát, nếu đời bác phó từng được nếm qua, chắc hẳn cũng chỉ một hai lần là nhiều; đến đồ ăn tây thì bây giờ bác mới trông thấy là lần thứ nhất.

Bởi vậy bác sững sốt khi thấy người ta ăn bằng đĩa với dao. Đến lúc ăn “phó mát”, bác thật tình nghĩ là sấp ong, nhưng chỉ cắn một miếng rồi vội vàng nhả ngay ra tắc lưỡi nhăn mặt;

-Gớm mùi nó nặng nặng làm sao ấy!

Cả ngày khách khứa tấp nập, mãi đến tối mịt mới được thông thả, vắng vẻ, cha con ngồi nói chuyện cửa nhà với nhau. Hình như trong trí bác phó ngẫm nghĩ bản khoản một sự gì còn thiếu nên chỉ sau lúc những chuyện hàn huyên li biệt đã tuôn ra hết rồi, bác bỗng hỏi cô Tư:

-Thế còn ông ấy đâu, sao bữa tiệc hôm nay không thấy nhỉ?

Bác hỏi “ông ấy”, nghĩa là ông chồng cô Tư. Thì ra ông thực thà, suy nghĩ theo như lễ tục An Nam thì trong bữa tiệc hôm nay lẽ phải có ông quý tế ra chào nhạc phụ. Cố nhiên cái sự bái kiến bằng áo thụng xanh, chiếu cạp điều, bác không dám tưởng đến. Bác cũng tự biết mình cho nên đã gọi chàng rể là “ông ấy” chứ không hỏi “anh ấy” hay là “nó” đâu.

-Thưa thầy, ông Tư con mấy hôm nay có việc quan phải đi lên trên Hà Giang độ một chủ nhật nữa mới về.

-Về ở nhà này?

Không! Vì ông Tư nhà con có dinh riêng của nhà nước cho ở trong thành. Con cũng thường ở trong ấy. Cái nhà này con thấy rẻ thì tậu, trước

cho người ta thuê, mấy tháng nay con lấy về không cho thuê nữa định để làm chỗ buôn bán. Bây giờ thầy cứ ở đây, tiện lắm.

-Ông ấy là người thế nào, già hay trẻ?

-Còn trẻ mà từ tể lắm, thầy ạ. Mấy hôm nữa ông ấy về thế nào mà chẳng mời thầy lên chơi.

-Khốn nhưng tao nghe tiếng Tây như vịt nghe sấm.

-Lo gì, đã có con thông ngôn, vả lại ông ấy nói được tiếng An Nam kia mà.

Đêm hồ khuya, đến giờ đi nghỉ.

Trong buồng kê chiếc giường Hồng Kông còn mới. Cô Tư gọi đầy tớ bưng chậu nước ấm ra cho ông cụ rửa chân, lau chùi sạch sẽ rồi đưa ông cụ vào nằm nghỉ trên chiếc giường tây. Lòng hiếu thảo của cô muốn cho ông bố già từ nay được hưởng mọi sự mới mẻ, sung sướng, dù mình phải thiệt thòi gì cũng cam. Nhường chiếc giường Hồng Kông cho bố nằm là cái hảo ý đó.

Bác phó vừa đặt mình ngồi lên giường, thấy sao nó phập phồng không chắc và lại lún dần xuống khiến bác hoảng hồn đứng phắt ngay dậy tưởng đầu mình làm gãy giường.

Cô Tư phì cười:

-Ấy giường lò xo nó thế thầy ạ. Nằm êm mình lắm. Không phải gãy đâu.

-Thế mà không báo trước làm thầy giật nảy cả mình, trống ngực đang đánh thùm thụp.

Giường êm ồ ấm, bác phó ta ngả lưng xuống một lát, đã cất tiếng kéo gổ khò khò kéo thẳng một mạch đến sáng. Có lẽ đã lâu ngày lắm, bác phó mới được một giấc ngủ quý hóa như thế.

Bây giờ đã gặp được bố đưa về Hà Nội, lẽ đương nhiên cô Tư phải dẫn đến ra mắt ông chồng để ông chia sự vui vẻ với mình.

Nhưng ông Tư còn đi vắng, cô cho thế là sự may.

Ông Tư lên Hà Giang có việc quan còn những một chủ nhật nữa mới về, ấy chính là một cơ hội, một thời gian thuận tiện để cho cô Tư đủ ngày giờ giải quyết một vấn đề quan hệ.

Vấn đề gì?

Vấn đề thể diện.

Cô nhớ lại hôm nọ có người chị em kể một câu chuyện buồn cười nôn ruột.

Một cô cũng quê quán ở đâu miền Nam, Thái, lưu lạc lên Hà Thành vợ được ông chồng Tây là người Anh hay người Ý gì không rõ. Ông bố, một...

... (sách gốc mất 2 trang)

17. Cha con phá thành Hà nội rỗng rã ba năm.

Từ đây, cuộc đời và cách sống của ông lão phó cự Thành Thị đổi hẳn.

Sau mấy ngày về Bồng Hải tổng khứ cả những cửa nhà vật dụng cũ kĩ đi rồi, bác phó trở lên Hà Nội ở phố hàng Dầu, nghiêm nhiên là một nhà phong lưu trường giả. Lúc này lại chơi chậu hoa non bộ, lại uống chè tàu ấm chuyên, mỗi bữa ăn lại có rượu nhắm đưa cay, có người đứng hầu quạt. Giò, rượu nếp của ta — thứ rượu mà bác chuyên nghề và sống nhờ về nó - bác xem ra nhạt nhẽo, bác thường đánh chén bằng rượu *cô nhắc* nguyên vị của ông quý tế sai đem lại cho. Trong tủ chè, lúc nào cũng có mấy chai *cô nhắc* để sẵn.

Thật, ông tư Garlan phúc hậu tử tế, đối với bác phó rất ân cần. Mỗi chủ nhật ông mời lên nhà riêng ăn cơm tây, nói chuyện thân mật. Một vài ngày ông lại đến nhà ở phố hàng Dầu thăm hỏi và cho quà này vật kia luôn luôn. Cử chỉ quý hóa ấy là một sự lạ ở cuối thế kỉ trước. Cho nên hàng xóm đều để ý, bàn tán.

Người thì tưởng bác phó là một vị quan to cự triều cho nên có quan Tây hay đến hỏi han đại kể.

Kẻ thì bảo ông Tây đến học tiếng An Nam với lão chủ nhà.

Dần dần nhiều người biết và kháo nhau:

- Bố vợ đấy.

Rồi ai nấy đều khen ông quý tế ăn ở như thế, ngay trong nhà lễ giáo bàn xứ cũng hiếm có.

Người ta thường nói “*Mẫu dĩ tử quý*” (mẹ nhờ con đỗ đạt làm quan mà được quý hiển) đây thì là “*Phụ dĩ nữ vinh*”, quả thật cha nhờ con gái được

vẻ vang sung sướng.

Cứ tháng tháng, ông tư đem lại cho nhạc gia một gói 50 đồng bạc và nói chơi:

Tôi đem tiền lương hưu trí lại cho ông đây.

Thời ấy người ta được tiêu toàn bạc đồng. Mỗi lần, bác phó cung kính cất gói bạc vào trong tủ rồi pha ấm trà liên tâm thật ngon mời ông quý tế xơi.

Chắc hẳn bác phó có tài thăm mỏ mà đào và miệng lưỡi tán tỉnh cũng khéo. Một ngày kia, bác ngồi than thở rằng phong tục An Nam, ai cũng cần phải gây dựng lấy gian nhà ở chỗ quê nhà đất tổ thế mà phần bác thì ở cố hương chưa có tí gì. Ông tư nói:

-Để tôi giúp ông việc đó.

Quả nhiên năm sau, ông mua cho bác một cái nhà gạch hai tầng ở phố hàng Than, tỉnh Nam Định.

Đời bác phó có lẽ tự cho mình thế là sung sướng mãn nguyện rồi nhưng đời con gái bác thì bây giờ mới là bắt đầu.

Trong khi ông bố vượt râu năm khềnh ở trên giàn hoa phong lưu nhàn hạ thì bà con gái sục sạo hoạt động, mưu dựng lên một cơ nghiệp to.

Cô Tư vốn con nhà hàn vi, chịu thương chịu khó làm lụng đã quen lại gặp được chú Hồng chỉ vạch cho những mảnh khéo doanh thương trực lợi cho, khoảng ấy đã hồ tấy lớn mà rồi xôi hỏng bỏng không, cô vẫn tấm tức. Giờ được số phận đưa lên Hà Nội là trường hoạt động to rộng hơn, thêm gặp gỡ nhờ vả được ông chồng có địa vị là thế, phen này chẳng lợi dụng mà lên bà phú hộ thì còn bao giờ nữa?

Người ta khỏi lo, cô Tư khôn ngoan tinh quái, cố níu chặt lấy cơ hội, không cho nó chạy vượt đi mất đâu.

Các me tây khác gặp được cảnh sung sướng như cô Tư đổ khỏi chỉ lo may mặc, chường diện, cờ bạc, đồng bóng, không có ý chí gì, dễ thường cũng không nghĩ đến tương lai nữa. Cô Tư thì chỉ lo vun đắp xã giao, gây dùng thực lực để nó làm chìa khóa mở cửa doanh lợi cho mình. Không có một cuộc bao thầu buôn bán nào mà cô ta không chú ý xem xét, mặc dầu mỗi lợi to hay nhỏ, sức mình làm được hay không.

Đến nỗi cuối năm 1897, ông chồng được lệnh bổ lên cung chức ở miền thượng du, cô Tư xin được cho mình ở lại Hà Nội buôn bán. Vì ông Tư là quan họa đồ nhà binh, lên thượng du tất phải xông pha vào những núi rừng hiểm trở, nước độc ma thiêng, nếu đem gia quyến theo, e có nhiều nỗi nhiều khê bất tiện.

Hà Nội lúc bấy giờ, miễn là người ta có chí làm giàu, chẳng thiếu gì cơ hội và công việc lớn.

Các ngài cứ đoán ra cũng biết; cuộc Bảo hộ đặt ở xứ Bắc, khởi từ năm 1883, đến cái thời kì 1897 mà chúng ta đang nói chuyện với nhau đây, trước sau mới có 15 năm. Lúc ấy nhà nước đang lần lần thi hành chương trình mở mang Hà Nội trở nên một thành thị tân thời, rộng lớn, vừa là thủ đô của toàn xứ Đông — Pháp. Tự nhiên các công cuộc cải tạo kiến thiết phải ngổn ngang đầy dẫy, tha hồ cho người ta làm. Hạ một nhát cuốc, giăng một sợi dây cũng đủ kiếm ra tiền nghìn bạc vạn.

Cô Tư hơi tinh mắt hơn phần nhiều chị em, trông thấy thời cơ dễ làm cho giàu như thế, trách nào không chuyên tâm chú ý vào việc doanh lợi.

Trăm bó đuốc sao cũng vớ được một con ếch.

Năm 1898, nhà nước làm đúng theo chương trình kiến thiết định sẵn, bỏ thầu phá thành Hà Nội làm đất bằng. Trong giới thầu khoán xứ Bắc, người ta cạnh tranh nhau dữ vì là một việc làm to, chắc có lợi nhiều. Nhưng rồi họ phải nhăn nhó, ngơ ngác, nhảy dựng cả lên như đã ngồi phải ổ kiến lửa, không ngờ cái việc khó khăn mà chắc chắn phát tài ấy lại lọt vào tay một người đàn bà thầu được.

Tất cả các ông thầu khoán vừa then vừa tiếc, dè dặt mình thấp cơ thua trí đàn bà.

Càng không ngờ hơn nữa là thời buổi ấy lại có một “thị mệ” đứng ra tranh thầu với họ.

Chính là cô Tư Hồng.

Phải, quyết ganh đua và ăn đứt bọn đàn ông, cô Tư được thầu công việc hủy phá bốn mặt thành trì Hà Nội.

(Kiểm duyệt thời Pháp bỏ 7 trang)

Nói cho đúng, cô Tư thầu được việc này, cốt nhờ tiếng tăm và sự báo kết của ông chồng mà được tin nhiệm, nhà binh mới giao cho mà làm.

Các nhà thầu khoán có râu, có sừng lúc bấy giờ, lành nghề và nhiều vốn hơn mà không tranh nổi một người đàn bà là vì thế.

Nhưng ta cũng nên biết giùm công việc phá thành không phải đâu một việc dễ, nhà thầu khoán chỉ ngồi mà ăn.

Nhất là ở thời đại bốn chục năm về trước, mọi sự gì cũng còn nhất sơ thiếu thốn, nào có máy đào máy chở gì, động một tí là có cơ khí chuyên môn giúp sức như bây giờ đâu?

Thuở ấy, người ta chỉ có sức bấp thịch để nạy từng viên gạch, xúc từng xẻng đất, bỏ đầy vào đôi thúng gánh đi mà đổ xuống chỗ khác. Liệu chừng mỗi ngày một người đi về như thế được bao nhiêu gánh?

Đã vậy, phần nhiều thành xưa của ta, dưới chân là đá ong, trên gạch nung thật già, hòn nọ dính với hòn kia bởi một thứ hồ riêng, hình như trộn vôi cát với giấy bồi mật ong mà luyện nên, nó bền mà cứng vô kể, trải bao nhiêu gió mưa, binh hỏa cũng vẫn trơ trơ. Thành ra nạy được những hòn gạch này, người ta phải mất bọn hơi sức và mồ hôi.

Công cuộc phá thành lập hào vì thế mà tốn nhiều nhân công và làm vất vả lâu ngày. Cô Tư bắt tay vào việc từ cuối năm 1898 mãi đến đầu năm 1901 mới xong, tính lại vừa đúng ba năm.

Còn nhớ ngay lúc sắp đặt khởi công, cô Tư phải tậu một cái nhà ở phố hàng Da để làm đại bản doanh đốc thúc thầy thợ, trông coi phu phen. Hai cha con thay phiên nhau săn sóc việc làm tận nơi, tận chỗ, vừa đóng vai ông chủ vừa đóng vai “sú ba đấng”.

Khổ nhất là việc phá cửa Đông, nên cô Tư phải lập căn cứ ở gần đó cho được gần nẻo đi về, tiện đường coi sóc.

Tuy vậy, việc làm này chính là bậc thang cho cô Tư Hồng bước lên trên đài danh lợi.

18. Bắt được vàng chôn hay chỉ là có đồng đá.

Thật thế, việc thầu khoán phá thành đã đặt vào tay cô Tư một mối phát tài to.

Trong khi xã hội bắt đầu biết tiếng cô Tư Hồng và nhiều chú đàn ông dòm nom, găm ghé thì sở địa ốc của thành phố Hà Nội đã biên tên Trần Thị Lan là một nghiệp chủ.

Người đàn bà mới ngoài ba mươi tuổi ấy có thủ đoạn khôn ngoan thật tình.

Một công hai việc: cô Tư vừa phá, dọn thành xưa vừa xây nhà mình.

Thì ra những viên gạch cạy gỡ ở thịt da bức cổ thành kia nào phải là vật đáng bỏ đi, vô dụng!

Bộ óc tính toán lợi dụng của cô nặng đến mấy ki lô không chừng.

Giữa lúc vất vả dọn thành cứ dọn, cô vẫn lo tậu đất làm nhà. Vì những viên gạch nào nạy ở thành ra còn nguyên lành, vẫn có thể đem dùng vào việc xây nhà cất phố của ta, còn gì tiện lợi và khỏi tốn hơn nữa.

Cho đến sự thuê một căn nhà ở hàng Da để làm căn cứ đã nói ở cuối đoạn trên, cũng là nhất cử lưỡng tiện, để coi sóc công việc dọn thành ở cửa Đông mà cũng để trông thợ làm nhà của mình ở trong xóm ấy luôn thế.

Chắc hẳn cô Tư mua đất ở xóm Đông môn lúc ấy cũng như chú Hỏa mua đất chung quanh chợ Bến Thành, Sài Gòn. Nghĩa là một xu một thước.

Tiền có, đất rẻ, gạch kia tha hồ; lúc bốn vách thành Hà Nội ngã xuống sát đất tức là lúc mấy dãy nhà mới của cô Tư ở mặt đất mọc lên.

Năm 1901, người ta thấy công cuộc phá thành vừa hoàn hảo thì một dãy nhà mới ở phố cửa Đông Général Bichot cũng tạo lập gần xong. Lại xây thêm một dãy khác ở hàng Da cả thấy tám căn.

Thời đại nào, kỉ cương ấy. Những dãy nhà kia, so với lâu đài phố xá bây giờ chẳng thấm vào đâu nhưng mà ba bốn chục năm trước, người làm chủ nó đã nổi tiếng là sang trọng và được coi là một đại phú gia.

Hồi này, vốn liếng trong tay cô Tư được chừng vài ba vạn.

Thấy gái nhiều của mà ở một mình, thiếu gì các ông danh giá mon men, tán tỉnh. Vì quan tư Garlan về Pháp năm 1902, cô Tư ở độc trụ buôn bán làm ăn, người ta đồn cô nhân tình ông này ông nọ, chẳng ai biết đấy là đâu nhưng kể danh nghĩa thì chưa có ông nào là chồng chính thức.

Còn các bà thì ngồi lê đôi mách:

- Ấy, cô ả phá thành bắt được vàng chôn từ đời xưa mới chóng giàu to như thế, bà ạ. Chứ công việc dọn mấy đồng gạch, dù có lời lãi cũng không tậu nổi hai ba dãy phố như thế kia!

Tiếng đồn cô Tư Hồng dọn thành được của, đồn vang khắp cả kẻ chợ nhà quê từ đó.

Người ta đồn cũng có lẽ.

Như các ngài đã rõ, thành Thăng Long nguyên là kinh đô của ba triều vua Lý, Trần, Lê. Trước sau gần bảy thế kỉ.

Phàm là chốn kinh sư, bao giờ cũng tụ tập những của trân kì quý báu. Trong chỗ cung vi chứa nhiều vàng ròng, của lạ đã cố nhiên, lại còn các phủ vương công, các nhà quyền quý, các tay phú hào, thiếu gì kim ngân tích súc.

Bảy trăm tuổi của Thăng Long đế đô đã trải qua ba phen thay triều đổi họ, ba lần quân Tàu xâm lăng, ngoài ra còn biết mấy mươi lớp nào loạn li, nào nội chiến, nào đào nạn, nào luân vong. Cứ mỗi cơn quốc gia biến cố như thế, từ trong cung cấm đến ngoài dân gian, trước khi trốn tránh, người

ta chôn vàng giấu của ở một xó xỉnh nào đó, họa may sau về còn mong lấy lại của mình. Nhưng thử hỏi bỏ nhà chạy nạn xưa nay, có bao nhiêu người trở về được hay là trở về mà của chôn còn đó không mất?

Vậy thì biết đâu những buổi thành Thăng Long sao đời vật đổi như cuối đời Trần Lê, chẳng có những cung nhân chôn giấu vàng ngọc dưới một gốc cây hay một góc thành?

Lại biết đâu những thuở có quân Mông cổ tới hay có loạn Kiêu binh nổi lên, chẳng có những nhà quan sang giàu lớn gói ghém vòng xuyên hoa hột, chôn dưới chân thành cho khỏi bị quân giặc cướp mất?

Nhưng rồi ngày qua tháng lụn, cỏ mọc rêu phong, tài chủ một đi không về, bảo vật trăm đời nằm đó. Người sau đào cây cuốc đất, vô tình bắt được vàng bạc của cổ nhân, của tiền triều là sự thường thấy. Vàng Sầm Sơn mấy năm nọ là một chứng cứ.

Suy thế thì vì dọn dẹp thành Thăng Long mà cô Tư vợ được mười con trâu vàng hay một kho bạc nén tường cũng có thể có và cũng không phải quái lạ gì.

Tuy nhiên, câu chuyện được vàng chỉ theo tiếng gió truyền văn, không biết đâu mà chất chính thực hư thế nào. Duy một đồng đá vứt đi mà rồi bán được dăm sáu nghìn đồng thì là chuyện có thật.

Con người ta đến lúc số phận cho khá, thần tài nịnh hót đến nỗi như phép thần tiên “chỉ đá hóa vàng”, có lẽ tiếng đồn được vàng bởi đó mà ra chẳng?

Đoạn trên, chúng tôi đã nói thành Hà Nội xưa chân móng xây bằng đá ong thật tốt; hai bên thành cầu đi vào mỗi cửa cũng xây đá hoa. Năm trước, cô Tư Hồng lĩnh việc phá thành, những đá ấy, hòn nào to và nguyên lành, người thầu được bán hay phải nộp nhà nước dùng vào việc kiến trúc khác không rõ. Chỉ biết cô Tư gom góp được vô số đá nhỏ, đá nhón đem về chất

thành mấy đồng cao ngất như mấy đồng rơm của nhà đại điền chủ ở trong khu vườn sau nhà cô tại phố hàng Da.

Mấy đồng đá coi như vật bò lăn lóc đầu dải nắng mưa luôn ba bốn năm trời. Cô Tư định bụng nay mai có xây nhà tây thì dùng nó làm nền, làm móng.

Ngờ đâu hôm kia có một ông lão làm nghề bán đá mài nghe tin đến mua. Kế tới những thợ khảm các nơi đồn nhau đến mua về để mài trai mài ốc, tốt lắm.

Ấy thế là đá phát giá cao. Hòn to bán một hai đồng; nhỏ nhất cũng năm bảy hào. Chỉ hơn một năm, cả mấy đồng đá như có chân ra đi, đem về cho cô Tư một số tiền khá lớn.

Chẳng bao lâu, người thấy cô tậu được chín gian nhà tây ở phố Richaud và xây tòa nhà tân thời đồ sộ ở ngõ Hội Vũ. Cô thường nói:

- Đây là số tiền bán mấy đồng đá năm xưa, tôi đem buôn bán sinh lợi mà tậu và làm nên những ngôi nhà này.

19. Nhà buôn gạo được vua Thành Thái ban khen phong sắc.

Thế kỉ thứ 20 đã mở đầu ở nước ta với nạn cơ hoang kịch liệt dọc theo dãy núi Hoàng Sơn.

Luôn hai năm 1902 và 1903, hầu hết mười ba tỉnh Trung kì mất mùa. Có tỉnh còn vơ vét được lúa bắp ít nhiều. Có tỉnh thì mất sạch sành sanh. Dân tình đói kém hết sức.

Nhất là hạt Thừa Thiên.

Các ngài hẳn không lạ gì địa thế Trung kì ta đóng vai làm hình chiếc đòn gánh cho hai đầu thúng Nam Bắc. Mình dài và mỏng, ngoảnh mặt ra thấy bề rộng, day lưng vào đụng với rừng núi liên miên, còn lại đất cát khả dĩ cày cấy trồng trọt không được bao nhiêu.

Ngay những năm được mùa, xứ Trung còn thiếu thóc để nuôi cư dân huống chi mất mùa, nạn đói kém bày ra nguy ngập tức khắc.

Thừa Thiên, núi non ở chen với đồng điền vốn là một tỉnh vào hạng những tỉnh nghèo nhất trong xứ Trung. Thế mà dân cư lại có phần trù mật, chắc vì lẽ sở tại kinh kì. Địa lợi cũng kén lên và không có công nghệ gì bổ sung vào canh nông. Ấy là chúng tôi nói chuyện bốn chục năm trước.

Bởi vậy, trong cái thời kì hai năm vừa mới kể trên, dân tình Thừa Thiên gặp nạn đói kém lạ lùng. Còn nhớ các bậc phụ lão ở đế kinh nhắc lại chuyện xưa với những hơi thở dài và cho là một cảnh cơ hoang không tiền khoáng hậu.

Mấy huyện mé ngoài còn khá, khổ nhất phía trong vào tới Thừa Lưu, Truối, Liên Chiêu, người ta đói tới nước chỉ còn bộ xương bọc da, đói nằm lả trên đường mà chết ngổn ngang.

Nghe cũng đủ cho mình thương tâm, nói gì những người được mắt thấy.

Nhà nào nhà nấy đều tuyệt khói bếp lâu ngày. Vì trời đại hạn đã đốt cháy khô nhất thiết, không còn để lưu một trái bắp, một củ khoai, một hạt lúa nào cho người ta có thể đun nấu mà bảo phải cần đến lửa?

Đói quá, thôi thì người ta vớ được cái gì cũng nhai tuốt để cho đàn kiến trong bụng khỏi chạy và sợi dây thờ mỏng manh khỏi đứt.

Ban đầu, người ta hái lá sung, rau má mà ăn, coi như cao lương mỹ vị. Đến sau phải ăn cả rơm cỏ dờ lòng. Rồi đem nhau vào rừng bới đào các thứ rễ cỏ, củ cây và bóc lột tới vỏ cây nhai ngấu chẳng kể gì đến sự độc lạnh. Già trẻ lớn bé đều thế. Tội nghiệp, lắm người giữa đường kiệt sức, nằm lăn ra đó tắt thở luôn. Có người truy tặng những kẻ bất hạnh ấy là tử thương binh sĩ của trận giặc đói.

Phải biết Chính phủ Bảo hộ và triều đình sốt sắng ra tay cứu cơ phát chẩn nhiều lắm nếu không thì dân tình Thừa Thiên mấy năm ấy còn đói kém khổ sở hơn nữa.

Tai nạn đói tràn lan như đám lửa cháy quá to, cố nhiên một hai gáo nước cứu cơ không thể nào tưới tắt cho được.

Lúc đó ở ngay kinh sư và các thị trấn phủ huyện, những nhà có tiền đổi gạo, phải mua với một giá đắt đỏ ghê sợ. Hạt gạo quý như hạt vàng. Bọn đầu cơ các nơi chở gạo thóc vào Thừa Thiên bán một giá nhất bản vạn lợi, thật là cơ hội phát tài cho họ, nhưng họ cắt cổ người mà ăn.

Cô Tư Hồng thấy thế cũng tính cầu lợi mà lại hóa ra lập được công danh, nổi tiếng nhân nghĩa mới kì.

Nguyên là sau việc thầu khoán phá thành được phát tài đâu hai ba vạn, cô xoay ra buôn bán lớn về thóc gạo, bắp ngô. Hồi này cô đã bắt đầu bước vào địa vị một nhà doanh nghiệp có số ở Hà thành. Xã giao cũng rộng.

Khách hàng Tây có, Tàu có, An Nam có. Trong bọn chơi bởi giao thiệp, không thiếu gì quan thương, phú hộ Tây Nam.

Trước cửa tòa nhà ở phố cửa Đông, sáng chiều thiếu gì ngựa xe dừng bước, quan khách ra vào. Nếu không phải khách hàng đến mua bán thóc gạo thì cũng là bạn bè Tây Nam đến thăm chơi.

Cụ Trần Nhật Tinh, tri huyện Đông Sơn, cụ Trần Tấn Bình, đốc học Hà Nam, ông Vũ Huy Quang, thông phán trạng sư, các nhà công thương doanh nghiệp như Trần Viết Soạn, Bạch Thái Bưởi, Cụ Khánh hàng Bạc, Hòa Kí hàng Khay, đều là những khách năng đi lại nhà cô Tư, hoặc tới giao du, hoặc vì việc buôn bán.

... (mắt 2 trang)

Đã nói cô Tư đang độ xuân sắc hơ hớ, ở độc thân mà lại giàu có như thế, ai chẳng thích tìm đến kết giao.

Nghề đời, có năm lại muốn giàu mười. Hễ có một cơ hội hốt của thêm họ không khi nào chịu bỏ.

Nghe nói hạt Thừa Thiên đói kém luôn hai năm, thóc gạo rất khan và bán được giá lắm, cô Tư chở đầy một chuyến tàu gạo vào Huế để bán thủ lợi. Hồi ấy vào khoảng đầu năm 1904.

Nhưng khi tàu gạo mới ở ngoài này nhổ neo thì ở trong Huế, nhà đương cuộc Bảo hộ muốn trừ cái nạn thóc cao, gạo kém cho dân, vừa mới ra nghị định cấm buôn bán đầu cơ. Thành ra lúc tàu gạo vào đến nơi, đáng lí bị tịch biên và người chở gạo lại còn bị phạt nữa là khác.

Phúc đáo tâm linh, cô Tư nói dối ngay một cách rất khôn ngoan, miễn tiện:

- Không! Tôi chở tàu gạo này vào, cốt để phát chẩn cho dân đói, chứ có phải bán chác gì đâu.

Câu nói xoay hẳn tình thế, lật ngay mặt trái ra mặt phải.

Từ nhà buôn gạo đầu cơ đổi ra nhà giàu lòng từ thiện.

Một việc thừa nguy cầu lợi đáng khinh trở nên một việc cứu khốn phò nguy đáng trọng.

Quan Khâm sứ ngự khen lòng thiện hiếm có, nhất là từ nghìn dặm chở gạo lại đây cứu người. Thừa Thiên Phủ doãn thông sức cho các địa phương. Hôm trước hôm sau, nạn dân tứ phía kéo về Phủ doãn lĩnh chần đống như kiến cỏ.

Mỗi người được vài đấu, dăm lon, so với đại nạn tuy không thấm gì, nhưng kể cũng níu lại hơi thở của họ được dài thêm mấy bữa.

Khấp kinh sư vang đồn tiếng tăm bà Tư Hồng, nhà từ thiện xứ Bắc. Nạn dân được bố thí thì cảm ơn nhớ người, còn cái ỉn khúc bên trong, họ nào biết được.

Thử thời nếu có báo chí quốc văn to rộng như bây giờ, chắc người ta đã thấy dung nhan cô Tư in bằng cái mực trên báo vào những bài tán dương leo từ trang nhất qua trang ba, trang bốn.

Tiếng vang thấu đến cửu trùng.

Trong lúc cô Tư đang vui thú phong cảnh sông Hương núi Ngự với những bạn mới ở thần kinh, bỗng tiếp được thánh chi triệu vào bộ kiến.

Đoạn này xin để cô Tư - người trong cuộc tự thuật ra thì hơn:

- Hôm tiếp được lệnh đòi, tôi lo sợ “xanh mặt”, không hiểu chuyện gì.

Một bà chị em bạn nói:

- Chắc vì việc cô phát chẩn, “ngài ngự” muốn triệu vào tận nơi để xem mặt ban khen chớ gì. Mấy ai được cái vinh hạnh ấy, nhất là đàn bà. Thế là đáng mừng, có chi mà lo.

Bây giờ tôi mới yên tâm.

Nhưng thuở nay mình chẳng biết lễ nghi trong chốn triều đình cung cấm là thế nào, biết quì lạy tâu gửi cách sao cho khỏi phạm phép?

Biết tiếng cụ thương Cao Xuân Dục xưa kia từng làm quan xứ Bắc, tôi vội vàng đến hầu thăm cụ để hỏi cách thức.

Cụ tiếp đãi ân cần và bảo cho biết việc châu hầu đã có quan Lễ bộ chỉ vẽ hướng dẫn, đừng lo. Vả lại, cụ sẵn lòng để cụ lớn bà đưa tôi vào nội.

Sáng mai, cụ bà sửa soạn giùm tôi bịt khăn vành dây, mặc áo rộng, do quan Lễ bộ tập qua nghi lễ rồi cùng đi vào cấm thành.

Chỗ cung điện tôi vào châu gọi là điện gì tôi cũng chẳng biết. Cảnh lộng lẫy uy nghiêm làm tôi choáng cả mắt, run cả người. Một lát, nghe quan Lễ bộ nói nhỏ: Ngài ngự và bảo tôi làm lễ. Tôi lễ năm lễ, khấu đầu chín lần. Ngài ngự ban cho ngồi và phán hỏi tên họ, quê quán tổ tích và công việc buôn bán thóc gạo. Kế ngài ban khen việc tôi đem gạo từ Bắc vào phát chẩn rồi truyền thái giám đưa tôi vô hậu cung bái kiến các bà phi tần và hầu chuyện khá lâu mới ra.

Tôi không ngờ đời tôi có cái vinh hạnh ấy, có chỗ sung sướng không thể tả ra được nữa kia v.v..

Chuyến này mất mấy nghìn đồng bạc gạo nhưng được tiếng nhân nghĩa, được gần thiên nhan và chắc sắp được phẩm hàm nữa, cô Tư hán hở ra mặt, khi xuống tàu từ giã để kinh.”

Quá nhiên cô về Hà Nội mới hơn một tháng thì có tin trong Bộ tư ra, cô được triều đình ân thưởng bốn chử sơn son thếp vàng: “樂捐義婦, Lạc quyen nghĩa phụ ” và sắc phong cho làm “Chánh ngũ phẩm Nghi nhân 正五品宜人”

Trong lòng sắc có hai câu:

女中風雅之, 紅裙拔俗

世上雲雷之會, 白手成家

“ Nữ trung phong nhĩ chi hào, hồng quần bạt tục

Thế thượng vân lôi chi hội, bạch thủ thành gia”

(Nghĩa là: Hào hoa bực nhất chị em, má hồng khác tục; Bay nhảy gặp
hồi mây sấm, tay trắng nên nhà).

20. “Madame cô Tư” khoảng được một mẻ hơn mười vạn bạc.

Địa vị xã hội của cô Tư Hồng giữa đất ngàn năm văn vật lúc bấy giờ, nhờ tờ giấy vàng nâng lên cao hơn một bậc.

Sau những cái danh vọng đã chán tai choáng mắt người ta, nào bà trùm me tây, nào tay thầu khoán sành sỏi, nào nhà buôn bán đảm đang, giờ thêm vào “lạc khoản”: một bà mạng phụ ra dáng. Ai lấy khách, người ta gọi là thím, vợ tây gọi là cô, bất luận tuổi trẻ hay già; ấy là thông tục xưng hô ở đương thời. Nhưng với cô Tư hồi này trở đi, họ bàn riêng, nói khẽ với nhau thế nào mặc kệ, lúc giáp mặt giao thiệp nhiều người gọi tôn cô Tư Hồng lên là bà.

Lắm kẻ khéo nịnh, còn thêm tiếng “lớn”.

Tiệc nhà cô Tư, ăn mừng được sắc, có vẻ phồn hoa, đông đảo, sang trọng, linh đình.

Câu chuyện cô ta cốt chờ gạo đi bán đầu cơ thủ lợi mà lại hóa ra phát chẩn thành danh, một lúc tuyên truyền làm câu giai thoại hầu khắp nam bắc. Nhiều người chắt lưỡi kính phục:

-Con mẹ ấy sao mà khéo lâm cơ ứng biến ranh mãnh đến thế?

-Lạ quái gì! Phàm con người ta lúc được số thả bổng lên như điều thì trời thánh chiều đãi thêm cho nguy chuyển ra an, họa đổi ra phúc chứ sao!

Thật thế, đang lúc vận ấy, tung bổng như điều, cô Tư còn phát được tài lợi, công danh hơn nữa, không phải đến chỗ này đã là mãn hạn rồi đâu.

Có điều, sẵn dịp vừa mới kể chuyện phát chẩn thành danh, chúng tôi tưởng nên nói luôn để các ngài biết một vài công việc và thủ đoạn buôn bán của bà “*Ngũ phẩm nghi nhân*” này xem ra thế nào.

Từ xưa, đàn bà xứ Bắc mình buôn bán vẫn tài giỏi đảm đang có tiếng. Người thì thắt lưng bó que, gồng gánh đi hết chợ này đến chợ kia thế mà

tảo thần chu cấp được cho cả chồng con, cửa nhà. Người thì ngồi cửa hàng cửa hiệu, tiếp rước khách khứa rất thiệp, xem xét giá cả hàng hóa rất sành. Nhiều nhà buôn bán, tiếng thì đàn ông đứng tên, nhưng mọi việc chủ trương tháo vác khôn ngoan, chính là ở bà vợ. Từ đồng xu cho tới bạc vạn, chẳng có món hàng gì, mỗi lợi gì mà phụ nữ Bắc ta bỏ sót không buôn. Ấy là cái thực trạng ở xứ này, ai cũng phải thấy.

Vậy thì cô Tư Hồng khi đã có khá vốn trong tay rồi đứng ra kinh doanh thương mại, chỉ là làm một việc mà cơ man chị em khác đã làm, thường làm, vẫn làm, nào có phải lạ lùng gì đâu mà kể.

Nhưng có chỗ đáng kể là ở vào thời đại cô, cái thời đại mới khởi cuộc Tây — Nam cộng tác, tân cựu giao thời, có lẽ cô là người đàn bà Việt Nam thứ nhất đã mạnh dạn giao thiệp buôn bán với các hãng Tây.

Mà buôn bán khá to chứ không tầm thường.

Chúng tôi đã nói sau lúc phá thành Hà Nội có vốn rồi, cô Tư chuyên nghề buôn bán thóc gạo.

Phần nhiều là giao dịch với các hãng Tây, ở bên này và bên Pháp cũng có.

Lúc bấy giờ công ti độc quyền nấu rượu gọi là Phong-ten đã ra đời. Luôn mấy năm đầu tiên, người được bao thầu cung cấp gạo thóc nhiều nhất cho những nhà máy nấu rượu ở Hà Nội, ở Hải Dương và ở Nam Định chính là cô Tư.

Cô được tiếng buôn bán đứng đắn, vả lại trường lượng vốn cho nên bạn hàng Tây, Tàu họ tín nhiệm lắm. Các hãng Tây ở Hà Nội hay Hải Phòng mỗi khi cần một số gạo bắp để bán về bên Tây hay chở ra thị trường ngoại quốc, thường trong mười lần thì đến bảy tám, họ bảo nhau giao thiệp và ủy thác cho “Madame Cô Tư”.

Thành ra cô khéo liệu lượng đầu cơ một cách tinh mắt cả gan, vợ được làm mè bằm đáo để.

Có mẻ lãi mười vạn một lúc như chơi.

Các ngài thử nghe câu chuyện dưới này xem me Tây họ Trần có thủ đoạn ghê gớm không?

Năm ấy, gạo đang hơn lắm, me tây họ Trần nhờ được ông nhân tình nào đó rỉ tai cho biết, hay là tự cô xem xét tình thế khéo léo cách nào mà dự đoán nay mai bên Tây sắp ăn nhiều gạo xay của xứ Bắc.

Thế rồi cô lẳng lặng về thuê nhà ở chợ Sặt thử thời là nơi trung tâm cân gạo ở miền Đông - mua vét rất nhiều thóc lúa, chứa đầy mấy kho. Một mặt gọi thợ đóng sẵn cối xay để phòng khi lâm thời thuê người làm gạo cho chóng. Một mặt khác, đi lùng khắp các tỉnh đặt giá mua gạo của các hiệu khách hiệu ta, vốn là bạn hàng giao dịch quen biết thưở nay. Cô làm hợp đồng mua gạo của họ, giá mỗi tạ tây chỉ có năm đồng.

Quanh quẩn trong mười hôm, tính ra số gạo mua vét ở các hiệu được hơn 10 vạn tạ. Còn thóc mua trừ để tự xay kia chưa nói.

Cách đấy chừng hơn một tháng, quả nhiên mấy hãng Tây ở Hải Phòng tiếp được điện tín bên Pháp bảo mua 35 vạn tạ gạo xay gửi về cần kíp.

Ai không nghĩ cô Tư mau mau tuôn hết số gạo kia ra, còn đợi gì nữa?

Nhưng mà không.

“Madame Cô Tư” cứ việc vâng dạ làm thỉnh để các nhà mẽ thương khác ra bỏ giá thầu thiếc gì đó mặc kệ, mình làm như người bật hơi mất xác đầu rồi, chẳng ai nghe nhúc nhích đã động gì đến món thầu khá to ấy. Bao nhiêu bạn hàng và mấy hãng Tây đều lấy làm lạ không thấy “Madame Cô Tư” ló mặt. Có người nghĩ vợ vẫn hay là con mẹ này khánh tận đã đi biệt xứ mất rồi.

Thì ra “Madame Cô Tư” đã tính nước cờ quá cao làm cho bên địch bị nước chiếu bí.

Chết cho mấy nhà mẽ thương kia đã bỏ thầu chịu giá với hãng rồi nhưng có gạo cóc đâu mà mua cho đủ, theo như kì hạn hợp đồng.

Tất có người hỏi: sao họ không lòng mua ở những hiệu gạo Khách, Nam các tỉnh?

Khốn nhưng phần nhiều hiệu này từ hai tháng trước đã kí hợp đồng bán tất cả gạo cho cô Tư rồi thì bây giờ họ lo đong trả cô còn dám bán cho ai khác được nữa? Ấy là lẽ rất tự nhiên.

Những nhà bỏ thầu đành phải mua vợ mua vét, giá mấy cũng mua tràn đi miễn là có gạo nộp cho hãng Tây trong kì hạn ba tháng, không thì khổ to.

Giá gạo vì đó mà vọt cao lên đến 30 phần trăm. Họ mua tranh giành nhau đến thế nhưng cũng vẫn khó khăn và không mua được đủ số.

Kết cục đến kì hạn ba tháng, hiệu thì lỗ vốn xiểng liểng, hiệu thì bị phạt mất cả lời lãi; có hiệu lại chẳng mua được hột nào đong cho hãng mới nguy.

Bấy giờ người ta mới thấy “Madame Cô Tư” nhảy ra thị trường đánh đùng một cái, như tiếng sét lừng chừng giáng mạnh.

Bấy giờ cô mới cho tuôn ra hết những gạo đã xay chứa tại Kẽ Sắt và gom góp ở các nơi. Phần thì hãng Tây đành chịu mua gạo của cô với giá cao để có mà gửi về Pháp phần thì nhiều nhà bỏ thầu “hụt căng” họ cũng phải mua gạo của cô, để có mà nộp cho hãng mới khỏi bị phạt.

Một chuyện ấy, cô Tư được lãi hơn mười vạn bạc, tính trừ các khoản chi phí đi rồi.

Có nhà buôn cùng nghề phải hú vía phen này, nhăn mặt nói với cô:

Thôi, con chấp tay vái bà yêu tinh, từ rày đừng có giết người ta bằng cái ngón rào đường chặn cổ như thế nữa nhé.

Cô Tư cười và đáp:

Nghề buôn bán, bà phải cho phép như thế mới vui chứ.

Một việc nữa càng chứng tỏ ra mẹ tây Trần Thị buôn bán có thủ đoạn và khéo léo lường thời cơ.

Lần này cô Tư với cô chủ hiệu Cự Khánh ở hàng Bạc, hai chị em buôn bán quen thân, cùng xuống Hải Phòng giao thiệp với một hãng Tây về việc bán bắp. Mỗi người kí một bản giao kèo với hãng, trong hạn ba tháng giao đủ 5 vạn tạ ngô.

Cô Tư nhanh chân sáng trí, lập tức đi về các miền sản xuất ngô ở xứ Bắc ta, đặt giá cho các hiệu cần. Không đầy hai tháng, cô góp lại, chẳng những giao đủ 5 vạn tạ cho hãng mà lại còn thừa.

Trái hẳn lại, hiệu Cự Khánh cho thời hạn ba tháng còn dài nên cứ đủng đỉnh không chịu mua. Có mua thì cò kè bớt một thêm hai, trong ý muốn chờ ngô sụt nữa sẽ mua cho được lợi nhiều.

Không dè mùa ngô năm ấy không thu hoạch được mấy mà tỉnh nào cũng có người mua đông. Thành ra càng ngày giá ngô càng cao, so với bình nhật giá đắt gần gấp đôi. Đắt mà lại khan không còn ngô nữa mà mua.

Vì thế, kì hẹn với hãng đã quá rồi, hiệu Cự Khánh chưa giao được phần nửa. Hãng kiện bội tín, bà chủ Cự Khánh bị bắt giam vào nhà pha Hỏa Lò hai tháng lại bị tịch cả gia tài không kịp chuyển chạy được tí nào.

Nghề buôn thóc gạo bắp ngô mấy năm ấy “lột trần” nhiều hiệu ở Nam Định, Hải Phòng như bà chủ Cự Khánh vậy.

Duy có cô Tư năm nào cũng lãi, chẳng nhiều thì ít. Bởi vậy ai cũng chịu cô buôn bán khôn ngoan, tinh quái và có can đảm hơn người. Cô vợ được lắm món bở hơn vì thế.

Cùng vì thế mà cô được các hãng Tây tin cần, vị nể. Có lúc, đáng lẽ phải ề cổ ra đền hãng bạc muôn mà rồi cô cũng tránh khỏi.

Còn nhớ hình như vào khoảng 1906 hay 1907, cô kí hợp đồng bán cho một hãng buôn lớn kia ở Hà Nội 8 vạn tạ gạo xay. Kì hạn chỉ còn một tháng nữa là hết mà còn thiếu đến 5 vạn tạ chưa biết mua vào đâu. Giá gạo chợ bỗng nhảy lên cao, tính ra cao hơn giá thầu đến ba bốn hào một tạ. Thế mới là nguy. Cứ nhắm mắt nai lưng mua gạo giá ấy để nộp cho hãng thì lỗ vốn to. Nếu không thì mình trái lời giao kèo tất phải đền hãng 2 vạn. Đẳng nào cũng khổ.

Cô khéo cậy mượn thần thế đến năn nỉ ông chủ hãng Denis Frères bãi tờ giao kèo đi cho, mới khỏi bồi thường hai vạn đồng bạc.

Rõ thật là có thời gặp may!

Nhiều bạn cùng nghề trông thấy thế đâm ra ghen tức. Cùng buôn với nhau, mình lỗ vốn hay sai hẹn thì phải ở tù, tan nát cơ nghiệp, còn nó lãi thì ăn no, lỗ không phải chịu là nghĩa lí quái gì? Có người nói lẩm bẫm:

- Tôi biết thừa ra rồi. Chính cô ta thân hành đến nhà riêng của ông chủ hãng “năn nỉ luôn hai, ba đêm” ông mới chịu xé giao kèo đi cho đấy. Mình kém cách năn nỉ khéo ấy, hèn gì chẳng phải ẽ cổ ra mà chịu?

Người đời họ hay xoi mói ghê!

Dầu sao, người ta cũng phải chịu cô Tư Hồng thật có cái óc doanh thương trực lợi. Cô ham buôn bán làm giàu cũng như các bà mẹ Tây kia ham cờ bạc hay là đi lễ ngồi đồng.

Ham buôn đến nổi thượng vàng hạ cám, hễ thấy việc gì có thể sinh lợi cũng làm không chịu khinh bỏ.

Này thầu khoán, này tậu đất làm nhà để bán lấy lời, này buôn bán đồn điền, thóc ngô: một tay kinh doanh mấy món lợi, có khi một lúc làm luôn hai ba việc nữa.

Thì giữa hồi buôn bán lúc gạo đang thịnh, lại trưng mấy chiếc tàu thủy của ông Marty cho chạy đường Hà Nội - Nam Định. Tự mình làm chức vụ

kiểm soát. Ai cũng biết cái việc này khó nhọc, phải lặn lội đêm hôm mới bắt được kẻ gian. Thế mà cô Tư đêm khuya xuống bến nọ, lên bến kia, không kể gì những sự hiểm trở có thể xảy đến cho thân mình như chơi.

Cô trưng tàu được hơn một năm thấy vất vả thì nhiều mà lời lãi không mấy mới chịu trả lại cho ông Marty để bán cho ông Bạch Thái Bưởi, lúc ấy là một nhà kinh doanh tàu bè vừa mới xuất thế.

Chúng tôi nghe nhiều người thở đở hay ngược xuôi Hà Nội, Nam Định bằng tàu thủy, nói chuyện rằng trong lúc tàu Marty thuộc quyền cô Tư cai quản, dưới tàu rất nghiêm, không có xóc đĩa bày ra, cũng không có cái tệ trộm cắp những nhiều vì cô Tư rình mò năm chóp các cậu tiểu yêu ấy luôn. Lại thêm sự sạch sẽ, chạy đúng giờ khắc. Cô lại thuê phường chèo hát đêm cho hành khách được tiêu sầu giải muộn. Nhờ thế mà chuyến tàu nào cũng đông người đi, các tàu khách không cạnh tranh được, về sau, tàu Bạch Thái Bưởi cũng bắt chước bày trò đãi khách như thế một độ.

21. Câu đối mừng của hai nhà danh sĩ

Tam Nguyên Yên Đỗ và Trần Tấn Bình

Với cái quan niệm luân lí cũ ở xứ ta mấy chục năm về trước, một người con làm nên có danh phận của triều đình mà để cha mẹ vẫn là chân trắng, bố cu mẹ dĩ như thế thì chưa làm trọn đạo “*hiển dương phụ mẫu*” .

Tất phải làm sao cho cha mẹ - nhất là cho cha — cũng được trang điểm một chút son phấn nhà vua cho đẹp mày, đẹp mặt với hương tộ, với thế gian. Lúc sống được ngồi chiếu trên ở chốn đình trung, lúc chết cũng có phẩm hàm này kia để vào bài vị. Không vậy thì người con muốn nên thân sung sướng cách gì mặc dầu cũng vẫn lấy làm áy náy chưa thỏa lòng.

Trách nào chẳng có người, lúc họ làm nên thì cha mẹ đã lên xe thiên cổ lâu rồi, cũng phải cày cục xin được truy tặng để làm lễ “phần huỳnh” cho cha mẹ ở dưới chín tuổi yên thỏa vong linh.

Luôn mấy năm vùng vẫy trong trường doanh nghiệp đều gặp bước may, làm nên giàu có ỨC VẠN, tiếng tám đồn rầm, lại giao du với nhiều quan sang thế lớn và những bực cự phách ở đất Hà thành này, chắc cô Tư Hồng phải tự thấy mình thỏa mãn lắm rồi.

Một người đàn bà xuất thân như thế mà cuộc đời tươi cười với mình như thế còn muốn gì nữa chứ?

Nhưng cái bụng muốn hữu hình của con người ta lúc đói cơm gạo, bánh trái được ăn một bữa đầy đủ còn có thể biết no. Đen cái bụng muốn vô

hình nó đỏi lợi lộc, công danh thì không biết thế nào cho vừa. Nó được voi đòi tiên, đứng núi này trông núi nọ. Có mà đổ hết cả bộ quan chế hay cả kho tiền nhà băng vào, cái bụng muốn danh lợi ấy cũng vẫn còn thấy thòm thòm, thiếu thốn.

Hèn nào cô Tư chẳng muốn cho ông thân sinh ra cô là bác Phó cự Thành Thị cũng có phẩm hàm quan chức nữa.

Bản thân được vua ban chữ vàng “Lạc quyền nghĩa phụ ” và phong làm “Ngũ phẩm Nghi nhân ” mà ông bố vẫn là một chú xích tử bạch đình, cô không thích thế.

Mặc dầu cô đã tạo lập cho ông cụ một dinh cơ ở nhà quê, đủ cả tường hoa sân gạch, cổng sắt nhà lầu, ra phết một phú ông trưởng giả nhưng mà dân làng họ vẫn xăm xì, bắt phục.

Trong làng thiếu gì kẻ bướng bỉnh, thường mượn hơi men để nói bóng, nói gió, nói xỏ, nói xiên. Ra chốn đình trung, họ cố ý sắp đặt để ông cụ ngồi chiếu gần chót, chung với những hạng bố cu, mẹ đi. Có người kính nhường muốn mời ông cụ ngồi lên chiếc chiếu trên thì bọn sinh sự kia vội gạt đi:

- Không! Chỗ Hương đảng phái trọng trật tự mới được. Ông Phó cự có con giàu có làm nên thì ông ấy nhờ nhưng chính ông cũng hai bàn chân “quét vôi” như chúng tôi thì không thể leo lên chiếu của các cụ huynh thứ, chức sắc được.

Cố nhiên mấy kẻ châm chích như thế là người cùng làng mà khác họ, thấy người ta khá thì ghen ghét kiếm chuyện.

Một người bà con đem chuyện ấy ra thật thà nói lại cho cô Tư nghe, cô lấy làm cay lăm. Cô nói đay nghiến:

Để nay mai ông cụ nhà tôi sẽ ngồi chiếu nhất trong làng, cho quân kia sẽ phải chào bảm quan lớn cho mà xem nhá.

Lúc này, 1906, cô tậu thêm được dãy nhà ở phố Richaud lại làm xong tòa nhà riêng lộng lẫy ở ngõ Hội Vũ và công việc buôn bán gạo bắp đang tấn phát muôn này đến vạn kia. Nhưng không khi nào cô quên việc lo lắng công danh cho ông bố.

Với cô thử thời, hễ muốn thì được. Nội cái tài giao thiệp khéo với bạn quen biết đông, đủ cho cô tự tin nơi mình và nói như kiểu Nã Phá Luân đại đế: - Trong tự điển Việt Nam, chẳng có tiếng "*không có thể*".

Tự đấy, mỗi năm cô đáp tàu vô Huế một hai lần là ít.

Mỗi lần cô về, chị em bạn lại thăm đều được nghe cô hết sức ca tụng những tấm lòng nhân đức và cách tiếp đãi của cụ thượng Cao hay cụ thượng Đoàn.

Cùng trong khoảng ấy, người ta thấy tên họ ông Phó cựu thường xuất hiện ở các cuộc từ thiện, cứu tế. Nào là đứng tên thứ nhất, thứ nhì vào sổ quyên giúp dân đói xứ Bắc, nào là về Thành Thị bỏ tiền ra sửa đình, lập chợ, đắp đường.

Ai thấy hai cha con hoạt động như thế cũng nghĩ là sự rất tự nhiên: con thì cố dĩ là nhà buôn bán năng lui tới kinh kì chắc vì việc buôn bán, cha thì về già, xuất tiền bố thí nhiều ít, ý hẳn chỉ muốn lấy tiếng với đời.

Rất đổi muốn mua lòng họ hàng, làng mạc, hai cha con bỏ tiền ra cứu giúp những nhà bần cùng. Có một ông lão và một bà lão nghèo quá, được lĩnh tiền chẩn cấp mỗi tháng ba đồng cho tới khi chết.

Tuy thế bọn đầu bò đầu bươu trong làng đối với ông Phó cựu vẫn có vẻ khinh khinh như thường chẳng thay đổi thái độ chút nào. Họ vẫn nói:

Pho tượng có phết vàng bên ngoài, nhưng cái cốt trong vẫn chỉ là đất thó mà thôi.

Bỗng đến giữa năm 1908...

Những người hay chú ý xem mục công văn trong báo “Đồng văn” hay “Đại Việt tân bảo” đều thấy đăng tin sau này:

“Bà Trần Thị Lan, 40 tuổi, tức bà Tư Hồng, thương gia ở Hà Nội, năm 1904 đã được Triều đình sắc tứ Chánh ngũ phẩm Nghi nhân, nay được thăng Tòng tứ phẩm Cung nhân.

Đồng thời, thân phụ của bà là cụ Trần Văn Mỗ, quán làng Thành Thị tỉnh Hà Nam, được đặc cách thưởng hàm Hàn lâm viện Thị độc, Phụng nghị đại phu”

Thế là sở nguyện của cô Tư đã đạt: ông cụ phó cụ cũng được tẩm gội mưa móc ân trên.

Liên ngay hôm sau, có người được thấy trong hiệu chụp ảnh, về bên số lẻ, ở phố hàng Bông, bức chân dung một ông lão rõ ràng mộc mạc nhà quê mà đội mũ mang hia, bận triều phục, ngồi hơi khom khom ra vẻ ngượng nghịu. Ông chú hiệu ảnh thì đang ngồi chấm màu xanh vào bộ áo triều. Người hiếu kì hỏi thăm cho biết vị quan nào thế, ông chủ hiệu ảnh tươi cười và đáp:

-Cụ Thị đẻ ra cô Tư Hồng đấy.

-Quý hóa nhỉ! Cha nhờ con gái mà được tặng phong, có lẽ ông lão này là người thứ nhất.

Nhất là những kẻ đồng hương lúc nào hay xô xiên hợm hĩnh, bây giờ phải lắc đầu lè lưỡi.

Đấy, họ đã trông thấy thế lực vận động của người con gái nhà họ Trần chưa?

Lão phó cụ bây giờ còn chân trắng đâu nào?

Lần này ở làng Thành Thị có tiệc khánh hạ rất linh đình. Các khách sang ở Hà Nội và các tỉnh về dự tiệc mừng tấp nập, có cái quang cảnh “ngựa xe như nước, áo quần như nêm”. Có lẽ cụ tổ là Trần Thủ Độ hồi xưa

làm tế tướng trở về cũng chưa có cái vận sự như thế. Vì khách khứa nhà cụ chỉ có quan liêu, nhân sĩ một thời. Không bì với con bé cháu mấy mươi đời sau của cụ bây giờ có những bạn chơi nào Tây, nào Khách, nào Ấn Độ, nào An Nam, nào nhà buôn, nào quan lớn, gồm có nhiều nước, nhiều hạng.

Nhiều câu đối hoành phi, trướng liễn của người ta đi mừng treo chặt mấy gian nhà. Trong đó thấy nhiều câu của những danh bút đương thời tự viết để mừng chủ nhân vì tình đi lại quen biết, hay vì người khác mà soạn dùm cũng có.

Người ta lại nói lắm câu tự chủ nhà phải mất công cày cấy và chịu tổn kém để cầu lấy cái lạc khoản một vị quan sang hay một bậc danh sĩ cho được hãnh diện với đời. Những nhà giàu lỏi ở xã hội ta thường có cái cầu kì che mặt thế gian đó.

Ví dụ câu đối sau này do cụ Tuần phủ Nguyễn Đắc ở làng Mọc soạn hộ một người khác đi mừng:

施濟全由聖上仁, 散為雨露

顯揚是謂卿夫孝, 別出簪釵

“Thí tế toàn do thánh thượng nhân, tản vi vũ lộ,

Hiển dương thị vị khanh phu hiếu, biệt xuất trâm thoa”

Câu này nói không có ý gì xa lạ, tác giả ca tụng lòng nhân của nhà vua muốn ban ơn mưa móc cho ai thì người ấy được. Duy có việc làm nên hiển dương cha mẹ vốn là đạo hiếu của đàn ông thi đỗ làm quan, thế mà bây giờ một người đàn bà cũng làm được như thế. Tóm lại, bà con gái nhờ cuộc phát chẩn mà được sắc, ông bố nhờ có bà con gái mà nên danh.

Đến bài hát nói của ông Phạm Xuân Khôi, tri huyện Bình Lục - tức huyện sở tại của cô Tư cũng thật thà tán dương chứ không có ý xoi móc gì.

MIẾU:

*Năm mây hằng thấy chiếu giời,
Khâm ban sắc chỉ tới nơi rành rành.*

*Nền phu quý, bậc tài danh,
Ngẫm cơ hội ngộ đã đành hôm nay,
Đội đức cao dày...*

NÓI:

Ôn vua lộc nước, há riêng gì nam tử mới công khanh?

*Khách trâm thoa này cũng trâm anh,
Cũng bia đá bảng vàng danh giá vạn.*

白手成家天下罕

紅裙拔俗女中英

“Bạch thủ thành gia thiên hạ hãn,

Hồng quần bạt tục nữ trung anh Vẻ hào hoa phong nhã tài tình,

Gương kim cố soi chung người phấn đại.

Danh giả tự cao nhân phẩm lại,

Bắc-Trung-Nam lừng lẫy tiếng bà Tư.

Một đời được mấy anh thư?

Cụ Trần Tán Bình, một bậc danh sĩ của Bắc Hà, lúc bấy giờ hình như
lĩnh chức Đốc học Hà Nam, mừng chung hai cha con cô Tư một bài tập
Kiều đến nay còn nhiều người truyền tụng:

Rằng nay thánh trạch dồi dào,

Mà cho thiên hạ trông vào mới hay.

*Đàn bà dễ có mấy tay?
Hoa chào ngô hạnh, hương hay dậm phần.
Vinh hoa bỏ lúc phong trần,
Làm con trước phải đền ân sinh thành.
Nền phú quý, bạc tài danh,
Khâm ban sắc chỉ rành rành tới nơi.
Năm mây bỗng thấy chiếu giời,
Hiển thân là hiếu, cứu người là nhân,
Phong lưu rất mực hồng quần!*

Trần tiên sinh lúc sinh bình làm quan nổi tiếng gang thép, văn chương cũng nổi tiếng uấn súc hào hoa, thử thời lại là một vị đường quan tỉnh nhà, cô Tư kết giao thân mật với ngài, ý hẳn chỉ cốt cái tiếng quan với cái tiếng hay chữ ấy. Ngài tập Kiều bài trên, kể thật tài tình, vì câu nào cũng đặt và hợp cảnh, cô Tư thêu vào vóc để treo giữa nhà trân trọng là phải.

Nhưng nhà nho hay chữ, gặp những trường hợp có thể xoi móc chơi, mà không xoi móc chút đỉnh thì cái mạch văn nó thấy quẩn quại khó chịu hay sao không biết nên Trần tiên sinh lại mừng thêm một đôi câu đối nữa. Có lẽ sợ bài tập Kiều có một vài câu ngụ ý kín đáo quá, người xem không thấy chăng?

Câu đối sau này:

*“Ngã phẫm sắc phong hàm cụ lớn,
Trăm năm danh giá của bà to”*

Lơ thơ 14 chữ nghe rất nôm na, thiết thực, giản dị, tầm thường mà chứa đầy ý vị cay chua, xoi móc.

Văn chương vừa thật thà, xinh đẹp như cô mỹ nữ ngây thơ, vừa có nọc độc của loài rắn hổ.

Cũng như hoa hồng đẹp cả hương lẫn sắc, nhưng cây nó có gai.

Có người vội vàng, tưởng rằng “hàm cụ lớn ” đối với “của bà to ” thì chữ “của” nghe không được chinh.

Ấy chết, chính chữ “của” ấy mới là chữ đặc ý nhất của nhà nho. Trong mười bốn chữ, chỉ có nó nổi bật lên, làm rung động cảm giác người ta như tiếng trống ngũ liên giữa khoảng làng xa đêm vắng. Có nó, câu đối mới hay. Một mình nó kí thác cả hai ý muốn: vừa khen tâng bốc vừa xỏ ngấm ngấm. Có lẽ khi moi được nó ra để gieo vào câu văn, nhà nho ta đặc ý không biết đến thế nào. Giá ai gạ đổi chữ “của” ấy lấy một cơ nghiệp cự phú hay một vật gì quý báu nhất đời, dám chắc nhà nho cũng không thèm đổi.

Cụ Tam nguyên Yên Đỗ vào hồi này đã lòa cả hai mắt, không thiết hỏi gì đến thế sự đã lâu. Nhưng khi tiếp được thiệp mời rất trân trọng của hai ông còn nhà họ Trần trong dịp được sắc ăn khao, cụ cũng nghĩ chỗ đồng châu, đồng quận “kiếm năm ba chữ gọi là tình”. Cụ gọi cậu cháu:

Lấy giấy bút cho ta đọc đôi câu đối này mà chép để mừng hai ông con nhà bà Tư ở bên Thành Thị, nghe.

Rồi cậu cháu thay mặt đem lễ mừng bốn bao liên tử với đôi câu đối viết trên một tờ hoa tiên kể cũng trân trọng.

Cụ Thị đọc và cô Tư cảm động lắm:

Được cụ lớn chiếu cố như thế này thật làm cho mà chúng tôi vẻ vang vô cùng.

Muốn cho ai nấy được biết nhà mình có cả câu đối mừng của cụ Tam nguyên Yên Đỗ đây, cụ Thị đọc ta lấy mấy thước vóc đỏ của nhà ghim tờ hoa tiên vào giữa để treo lên cho mọi người cùng thấy rồi xong đám sẽ đem thêu để lưu truyền một kỉ niệm quý báu.

Câu đối thế này:

*“Cố tàn, cố tán, cố hương án thờ vua, danh giá vang lừng hăm
sáu tỉnh.*

*Này biển, này cờ, này sắc phong cho cụ, chị em hồ hể mấy lăm
người”.*

Chỉ trong mấy ngày, đôi câu đối ấy truyền tụng hầu khắp xứ Bắc. Ai cũng phải khen hay và bảo cụ Yên Đổ thâm quá nhưng mà nhã hơn câu của cụ đốc Trần.

Riêng với hai cha con nhà cô Tư, miễn là có lạc khoản có đứng tên các quan lo để treo cho được hãnh diện với người hàng huyện hàng tỉnh, còn văn chương ngụ ý chê khen xoi móc gì đó mặc kệ hay là không biết.

Một bác phó cự, phó kiết, giang hồ lưu lạc biết mấy chục năm, tưởng là gửi xác vào bờ bụi xó xỉnh nào thế mà nhờ đứa con gái — cũng giang hồ lưu lạc — đến lúc về già lại được vinh hoa phú quý giữa chỗ cố hương thế này, kể ra trời đãi cũng hậu lắm đấy.

Đời người ta, phần nhiều cũng như giống hoa đến lúc có sắc đẹp hương thơm là lúc sắp sửa tàn tạ.

Sau ba năm được sắc ăn mừng, cụ Thị đọc nhà cô Tư qua đời vào năm 1911, hưởng thọ 83 tuổi.

Cô Tư làm đám hiếu cho bố rất mực linh đình lại mời được cụ Tuần phủ Nguyễn Nhã về đề chủ. Lại một phen dập dìu quan khách tấp nập, vì lúc này cô Tư còn đang thịnh vượng, lừng lẫy.

22. Một vài việc làm tỏ ra người có thủ đoạn chẳng vừa.

Một đoạn trên kia, đã bày ra cô Tư Hồng là nhà buôn bán có thủ đoạn khôn ngoan quý quyết ra thế nào.

Đây, một vài việc làm, một vài dật sử, tùy theo trí nhớ và kiến văn góp được, để các ngài thêm rõ ít nhiều cạnh khóe của đời người đàn bà này, đã được tiếng nhất thời là “Nữ trung hào **女中豪**”.

Cứu một người khỏi ở tù vì cụ trạng Trình

Ngoài vòng buôn bán, cô Tư quảng giao với nhiều giới tây nam trọng yếu. Có lăm cửa ngõ thâm nghiêm, không phải ai muốn ra vào cũng được, cô đến bất cứ giờ nào, nó tự mở ra.

Nhiều người có việc, chạy đến cầu cạnh cô lo toan vận động cho. Vì họ biết cô mát tay chạy việc, rộng giao thiệp, có thanh thế, nhiều hi vọng tất thắng.

Rồi thì kiện tụng, công danh, họa phúc, bồ bán, việc gì cũng có người ta đến gõ cửa nhà cô.

Thật thế, lăm người nhờ cô giúp đỡ xong việc.

Thầy phó tổng Ngọc Lũ ở Hà Nam bị liên can vào một việc ăn cướp, đáng lẽ vừa mất chức vừa ở tù nhờ cô đi kêu cầu giùm cho thầy mới được khỏi tù lại được tự mình từ dịch nữa.

Đại khái mấy việc lật vạt như thế, cô chỉ làm ơn lấy tiếng, chứ không đòi công. Có lẽ vì nể sự chủ là người đồng quận. Nhưng cô xơi bẫm với những việc mưu vọng to tát và khó khăn, như việc công danh bồ bán chẳng hạn.

Xuýt nữa bị một ông kĩ sư bắn chết

Sau khi quan tư G. về Tây (1903), cô Tư ở độc thân đâu được một độ. Mắt xanh chẳng để ai vào, ý chừng còn đợi kén giai tể, vì lúc này ruột tượng của cô căng thẳng lắm rồi, có thể tự lấy chồng hơn là chờ chồng lấy.

Vào khoảng đầu năm 1905, do một ông Tây quen giới thiệu, cô làm bạn với một vị kỹ sư chuyên khoa kiến trúc mới ở Âu châu sang được ít lâu.

Một hòn đá ném hai con chim, cô vừa lấy chồng, vừa lấy được người cho mình có trụ gọi là để giúp đỡ giấy má sổ sách; nhất là mình đang buôn bán to lớn, không thiếu gì kẻ dị nghị dòm nom.

Thật, tân lang giúp ích cho cô Tư không phải là ít.

Vừa gặp lúc cô mua được một khu đất ở phố Phủ Doãn, gần với trại của cụ Quận Hoàng, chính ông kỹ sư trở tài vẽ kiếu rồi lại đứng ra đốc công, xây dựng lên được dãy nhà ba tầng quay mặt về đường Richaud để cho Tây thuê. Đồng thời làm nên tòa nhà ở ngõ Hội Vũ trên miếng đất rộng rãi và có vẻ nguy nga so với thử thời.

Cuối năm 1906, nhà này khánh thành, ông bà từ phố Cửa Đông dọn về ở đấy.

Nhưng mà nhà mới quen cúng thổ thần hay sao không biết, qua năm 1907, hai người tự nhiên gây ra nhiều chuyện xung khắc về tính tình và quyền lợi. Không mấy ngày không diễn một tấn kịch xô xát cãi cọ nhau dữ tợn.

Đến nỗi cô Tư không chịu được, phải bỏ nhà đào tẩu vào Huế tránh mặt; ông kỹ sư không biết là bà đi đâu.

Trong chuyện xung đột này tất có nguyên nhân quan hệ, hay những khúc nhôi bí mật.

Mỗi người bàn một thuyết.

Có người bảo rằng tại cô Tư nhà mình hay “cắm sừng” tua tua trên cái đầu hói của lang quân, khiến lang quân phải nổi ghen phát cáu khua động

cả gia đình.

Có người nói ông kĩ sư đã góp công lao rất nhiều trong cuộc doanh nghiệp của cô Tư càng ngày càng phát thêm. Nhất là việc tạo lập dãy nhà chín ngăn ba tầng ở phố Richaud, không những ông vẽ kiểu, đốc công mà thôi, hình như có bỏ vốn chung phần nữa. Mà ông cả tin, chẳng làm giấy tờ gì, cứ để cô Tư đứng tên hoàn toàn làm chủ, nay cô giở mặt sao đó, khiến ông phải tiếc công tiếc của, gây nên bất hòa ở giữa hai người.

Dễ thường cái thuyết sau có lẽ đúng.

Chẳng thế thì sao cô Tư trước khi tránh mặt vào Huế lại khéo sắp đặt cẩn thận và lẳng lặng ra xin tòa án thị chứng cho mình làm giấy tờ đúng luật, giao tất cửa nhà cơ nghiệp cho ông cụ thân sinh và cậu em giai - con người dì ghẻ, lúc này đã nhớn, việc xong đâu đấy rồi mới đáp tàu lai kinh.

Sau khi cô Tư đi rồi, ông kĩ sư dò biết như thế, càng giận đầy gan ứa mật, mau mau dọn cả rương hòm vật dụng của mình ra ở trọ *Hà Nội hotel* không thèm lui tới nhà ngõ Hội Vũ nữa. Nhưng ông vẫn rình hôm nào cô Tư về ông sẽ đến nói chuyện một phen.

Hơn một tháng sau, cô Tư mới về Hà Nội, nhưng tối ngày chỉ nằm ru rú trong một gian phòng kín trên gác, không thò mặt xuống dưới, không tiếp khách cũng không dám bước chân ra khỏi cửa đi đâu. Vì cô biết ông kĩ sư bản tính hung tợn lắm.

Quả nhiên một hôm, vào khoảng bốn năm giờ chiều, ông trèo cổng vào, một tay lăm lăm cầm súng lục một tay xô lắc rầm rầm định phá cửa dưới nhà để lên trên gác tìm cho kì được cô Tư.

Gia nhân sợ chạy tán loạn.

Ông cụ phó cụ — hồi này rồi mới sắp được Hàn lâm Thị độc - đang thơ thẩn xem hoa ngoài vườn, vội vàng chạy vào ôm chặt lấy ngang lưng ông kĩ sư, không còn biết sợ nguy hiểm là gì và mặc dầu sức yếu của lão già đã ngoại tuổi cổ hi khá xa.

Cũng may ông kĩ sư đã hạ bớt cơn nóng tự biết mình cầm khí giới đột nhập nhân gia thế này là có lỗi, nên ông quăng khẩu súng đi. Bấy giờ cụ phó cự mới buông ông ra và cô Tư mới dám ra đứng trên ban công nói chỗ xuống.

Hai người xì xồ tiếng Tây một lát thì ông kĩ sư nhặt lấy khẩu súng ung dung đi ra.

Họ đã điều đình và nói chuyện với nhau lúc ấy những gì, người ngoại cuộc không ai được rõ. Chỉ biết là mấy hôm sau việc ra đến tòa án hòa giải. Kết quả, cô Tư phải nộp tại tòa sáu ngàn đồng bạc để trả công khó nhọc của ông kĩ sư đã vẽ kiểu và trông coi làm nhà cho cô bấy lâu. Thế rồi ông từ giả Hà Nội vào làm trong Nam kì. Từ đó cô Tư mới được yên trí buôn bán làm ăn, không phải trốn tránh lo ngại gì nữa.

Cầu danh cho bố và mua đồ cổ về bán

Chính lúc cô vào Huế tránh mặt ông kĩ sư là lúc mưu cầu công danh chút đỉnh cho ông bố già hả lòng. Thì ra những hạng con buôn lỗi đời không chịu để trôi qua một thời giờ nào mà họ không khéo lợi dụng.

Nhờ cuộc vận động trong thời kì này mà sang năm 1908, ông phó cự được đặc cách thưởng thụ Hàn lâm Thị độc.

Hơn một tháng trường ở kinh, giao thiệp tốn kém chắc không phải ít, cô Tư nghĩ cách gỡ vốn lại; mua đồ cổ về bán.

Lạ gì thứ buôn này mua một bán trăm.

Chuyến về, cô chở theo mấy xe đồ cổ đã nhặt nhạnh được ở kinh, nào ấm chén bát đĩa, nào đôn, chậu, độc bình, bày chật hai phòng khách lớn trong nhà ngõ Hội Vũ. Tiếng là bày chơi nhưng các quan khách tây nam lại xem, thích món nào mà trả được giá hời thì chủ nhân bán ngay.

Một cái thống men chàm, cao 1 thước 20 phân tây, rộng thước 6, chấm bát tiên bán được 500 đồng. Có đôi lọ cao độ 8 tấc, một cái chাম Lý Thiết

Quài, một cái chấm Hà Tiên Cô, gặp một người Tàu thích ý nài mua với giá 700 đồng mà chủ nhân còn làm bộ chưa muốn bán.

Nhà cô nổi tiếng có nhiều đồ cổ ở Hà Thành.

Luôn 12 năm bán hết hai phần ba, còn lại một phần nữa, sau năm 1921, chủ nhân qua đời rồi người ta đem bán ở Tầm Tầm với giá rất rẻ.

Cưới vợ cho anh chồng cũ

Trong lúc cô Tư trèo lên thang giàu có hết bậc này đến bậc kia và khét tiếng trong xã hội ăn chơi hoa lệ thì người chỉ vẽ con đường doanh thương trực lợi cho cô ngày nào, đang lang thang như thặng ồm đói ở bến tàu Hải Phòng.

Hắn các ngài đã đoán ngay ra chú Hồng Kông không cần phải suy nghĩ.

Nhưng chú Hồng đã vờ nợ trốn đi kia mà?

Đáng lẽ một người khách trú phạm tội mà bị trục xuất cảnh ngoại hay buôn bán vỡ nợ mà bỏ trốn đi không được phân minh như trường hợp chú Hồng thì không trở lại xứ Đông Dương này được nữa. Có kẻ làm liều, đổi hẳn tên họ căn cước rồi trà trộn mò sang, chi ít lâu thì cảnh sát cũng khám phá ra được. Nhưng ở thời kì ba bốn chục năm trước, việc trông coi ngoại kiều nhà nước Bảo hộ mới nhất sơ tổ chức chưa nghiêm nhặt chu đáo như bây giờ. Thành ra chú Hồng lại sang Hải Phòng lúc nào không bị phiền nhiễu gì cả. Nhất là chú có thể mạo xưng là người bản xứ mà không ai dám ngờ, nếu như cắt tuột cái đuôi chuột lòng thòng sau lưng đi vì chú nói tiếng An Nam thạo lắm, các ngài đã rõ.

Hôm ấy, vào đầu năm 1906, cô Tư xuống Hải Phòng thương thuyết và kí hợp đồng với một hãng Tây về vụ bán gạo, bắp, nhân tiện ra bến tàu để tiễn chân một ông nhân tình về Pháp.

Bỗng dưng cô giật nảy mình khi thấy một chú khách đang đứng ộp bộn cu li đội từng thúng than xuống tàu, tuy áo quần kiết cáu bẩn thỉu nhưng mà mặt mũi hình dạng sao giống chú Hồng như đúc.

Quả thật là chú Hồng.

Cuộc gặp gỡ bất ngờ, thôi thì nôi hàn huyên, chuyện xa gần, thiếu đâu.

Thì ra sau lúc ở Hải Phòng trốn về quê nhà, có chút ít ruộng đất tổ nghiệp, chú đoạn mại cho người ta được mấy trăm bạc đem lên Phúc Châu mở hiệu. Nhưng chỉ được ít lâu, lại buôn thua bán lỗ, mất sạch vốn liếng. Chú phải lêu bêu đói rét ở Phúc Châu đã hai ba phen định quyên sinh mà không chết.

May gặp người bạn cũ là ông chủ hiệu Hăng Hóa ở Hải Phòng về thăm nhà tại Phúc Châu thấy tình cảnh chú Hồng nghèo đói nên thương, bèn đem chú trở sang Phòng, cho đứng trông coi chành than của hiệu ở bến tàu. Mỗi khi có tàu bễ ăn than thì phải đứng ộp dân phu đài tải. Chú sang làm công việc ấy đã hai năm nay.

Thật sự, chú vẫn biết tiếng cô Tư đã làm nên giàu có sang trọng nhưng nghĩ thẹn mình nên không dám lân la thăm hỏi.

Cô Tư động lòng về nghĩa cũ tình xưa, không nỡ trông thấy cố nhân trụ lạc, niềm nở trao tay cho chú mấy chục bạc, bảo sắm hành trang hôm nào lên Hà Nội chơi.

Tuần lễ sau, chú Hồng lên.

Cô Tư tiếp đãi tử tế, cho chú món tiền về cưới một chị vợ *Ó năm* rồi lại cấp vốn cho hai vợ chồng buôn bán.

Lúc này cô Tư đang làm bạn với ông kĩ sư kiến trúc và xây tòa nhà ở ngõ Hội Vũ vừa xong.

Về sau, vợ chồng chú Hồng sinh hạ hai đứa con trai mũm mĩm dễ thương. Hăng năm, hai người lại dần con về Hà Nội ở chơi trong nhà cô Tư

ít ngày. Cô quý hóa hai đứa trẻ, thường gửi quà bánh và may quần áo cho. Tới lúc chú Hồng già yếu, đem cả vợ con về Tàu, cô Tư lại tặng cho vài trăm bạc làm lộ phí.

“Một me tây đối với anh chồng cũ như thế, kể cũng hậu tình”... ấy là tiếng khen của những người đồng thời biết rõ chuyện này.

Sau bố đẻ hàn lâm tới cha nuôi tuần phủ

Một đoạn trên đã nói, hồi năm 1911, ông thân sinh ra cô Tư, tức là cụ hàm Thị độc - mà nhà danh sĩ Trần Tấn Bình đã khéo gò gắm đối ba chữ “*hàm cụ lớn*” với “*của bà to*” — qua đời ở Thành Thị. Cô Tư mời được cụ Tuần phủ hưu trí Nguyễn Nhã ở làng Mọc về tận Hà Nam làm lễ đề chủ long trọng.

Sau đám ma bố đẻ rồi, cô Tư xin làm con nuôi cụ Tuần Nhã.

Cái đời sĩ hoạn của ông cụ này cũng lạ: từ chân thông lại xuất thân mà leo mãi đến ngôi đường quan một tỉnh.

Nguyên là con nhà nghèo, ông cày cục được làm một chân tịch sĩ để kiếm ăn. Tịch sĩ tức là anh nho làm phụ giấy má cho các thầy thông, thầy đề. Năm Tự Đức 16, được bố chân thông lại huyện Phú Xuyên, ít lâu thăng đề lại huyện Thọ Xương, huyện sở tại Hà Nội.

Không hiểu vì có công lao gì hay chỉ nhờ lúc quốc gia đa sự, năm Đồng Khánh nguyên niên, chính thầy đề lại Thọ Xương được lên thực thụ tri huyện huyện ấy.

Ông sửa sang lại chùa Đồng Quang - tức chùa ở Thái Hà bây giờ - và bốc hơn ba vạn ngôi mộ vô chủ ở hoàn thành Hà Nội đem về an táng ở nghĩa địa bên chùa Đồng Quang. Việc phúc đức ấy đưa ông lên chức án sát Hà Nội hai ba năm sau.

Qua triều Thành Thái, ông có công tiêu trừ loạn đảng Văn Thân, bắt được Lãnh Trình ở Bắc Ninh và chiêu dụ nhiều bộ hạ Văn Thân ra thú.

Nhờ công ấy, năm Thành Thái 16 được thăng chức tuần phủ Bắc Giang, sau hai năm thăng tổng đốc hữu trí.

Sinh bình làm quan có tiếng thanh liêm không thừa thời làm giàu như ai cho nên lúc về hưu ở Mọc ông nghèo rớt mồng tơi.

Người ta nói cô Tư Hồng cảm lòng tử tế của ông về Hà Nam để chủ cho thân phụ mình mà không chịu nhận lễ tạ gì hết (theo thường lệ, bao nhiêu đồ bài trí trong trạm của nhà tang đều về phần quan để chủ được lấy, ngoài ra còn phải tạ một số tiền nữa), nên khi đám tang vừa xong, cô đưa cả cậu em giai cùng về làng Mọc bái yết từ đường nhà ông Tuần và lạy ông xin nhận làm con nuôi.

Từ đấy, cô chăm nom sự sống của ông nghĩa phụ rất tử tế. Tuần nào cô cũng thặng xe ngựa từ Hà Nội về đến đình Hội Xuân làng Mọc, đem vật thực về cho ông Tuần và cấp dưỡng tiền bạc luôn luôn.

Năm vỡ đê Liên Mạc, nước tràn ngập cả một vùng Hà Đông cho đến ô chợ Dừa. Cô Tư cắc cớ, lấy ở nhà ra một chiếc xanh đồng và một chiếc chậu thau đồng thật to để thả làm thuyền, vào Mọc đón cha nuôi ra Hà Nội chạy lụt.

Lúc trở ra gặp nước xoáy mạnh, chậu đồng cứ quay tròn, tên gia đình không sao hãm được, phó mặc trôi theo giòng nước, với hai bố con nuôi ngồi trên chậu đồng ấy. Miệng cô Tư nào có vừa gì, kêu cứu rầm trời mà không ai ra cứu. May phúc làm sao chậu đồng trôi đến Ngã tư Sở thì vướng vào cái cọc nên cô Tư và ông Tuần Nhã mới thoát chết.

Nhưng nước đánh trôi mất hòm sắc của ông.

Cách mấy năm sau, ông tạ thế, cô nghĩa nữ làm lễ an táng rất to và thủ chế ba năm coi như bố ruột vậy.

23. Nhân duyên giữa cha và con

Chuyến xe hỏa Hà Nội — Nam Định buổi sáng hôm ấy đông khách quá. Đứng vào hồi người ta đi trẩy hội Phú Giày.

Hạng ba cũng không còn hờ chỗ nào. Nhiều ghế có tới ba người chen chúc ngồi.

Xe còn vài phút thì chạy.

Một vị linh mục Âu tây bước lên xe sau chót, mở cửa hạng ba đi vào, đứng nhìn quanh tá hữu, lắc đầu một cách rất kín đáo, hơi như có ý trách mình ra tàu quá muộn, chẳng còn thừa một chỗ nào.

Theo phong tục các xứ văn minh, bọn đàn ông mạnh chân khỏe tay lúc đi xe tàu chật chội bao giờ cũng hờ nhường chỗ mình đang ngồi cho một người đàn bà, một kẻ tàn tật hay một nhà tu hành.

Nhưng ở xứ mình ít có thói quen ấy. Người ta thấy trên xe hỏa, tàu điện những ông ra vẻ tân thời học thức lắm mà không hề có nhã ý đứng dậy nhường chỗ cho một người đàn bà bụng chửa thè lè lại ẵm một đứa nhỏ ba bốn tuổi trên tay mà đứng cho tàu chao bên nọ, lắc bên kia. Nói gì họ nhường chỗ cho một giáo sĩ.

Trong khi ông linh mục kia đang tần ngần bác tính quay lưng bước ra ngoài thì một bà thiếu phụ An Nam có chỗ ngồi giáp bên cửa, tươi cười đứng dậy và nói:

- Mời cha ngồi đây, con xin nhường chỗ.

Bấy giờ một thầy mặc tây ngồi ghế trước mặt, hình như có ý ngượng với cử chỉ của người thiếu phụ, vội vàng đứng dậy nhường chỗ mình một cách rất ân cần.

Ông cố cảm ơn và ngồi xuống đấy.

Thành ra ông với thiếu phụ đối diện nhau.

Những bánh xe hỏa đang lăn nhịp nhàng ở quăng Kim Liên - cổng Vọng.

Được chỗ ngồi yên ổn và định thần một lát, nhà tu hành ngược mắt có đeo mực kính đen, nhìn kỹ người đàn bà ngồi trước mặt, tức là người đã có nhã ý nhường chỗ cho ông trước tiên.

Người này, trạc ngoài bốn mươi, nhưng còn tươi đẹp, hồng hào, vẫn khăn nhung đuôi gà, mặt chỉ nhồi phấn hơi hơi, càng tôn thêm nước da trắng tự nhiên và đôi hoa tai kim cương to bằng hột đỗ càng chiếu sáng ngời, cố nhiên là người thành thị trăm phần trăm mà trên nét mặt đầy vẻ tân thời, lịch thiệp, bạo dạn. Bên mình có chiếc “sà cột” khá to, là thứ túi đựng tiền của những người càn gạo hay nhà thầu khoán thường dùng bỏ tiền xách đi xa để phát công thợ và dân phu.

Biết là vị khách đối diện đang chăm chú thả nhờn quan xuyên qua hai miếng kính rộp mà phóng ngay vào mình, người thiếu phụ tự khơi chuyện ra nói trước để cho khỏi đỡ ngỡ ngàng cả hai bên. Mặc dầu mình không phải là con chiên, nhưng thiếu phụ cũng tôn kính ông linh mực mà gọi là cha.

Nhất là diện mạo ông khôi vĩ, hồng hào, cặp mắt như thước kẻ, con người xanh biếc và ươn ướt, mũi cao và bắt góc như hình Kim tự tháp bên Ai Cập, môi đỏ tự nhiên như son, thêm hàm râu cạo gọt rất khéo. Cái vẻ đẹp giai ấy làm cho thiếu phụ ngây ngất, bàng hoàng, càng muốn gạ chuyện làm quen.

-Cha gặp phải chuyến tàu chật chội thế này có lẽ bực bội lắm thì phải.

Ông linh mực cười và đáp:

-Không bực bội gì mấy, chỉ cách vài ba giờ thì đến nơi, ví dụ có phải đứng cũng chẳng sao.

-Hắn cha xuống Phù lý?

-Không, còn gần hơn, tôi sắp xuống cầu Guột đây thôi.

-Con cũng xuống ga ấy.

-Thế có khi cô về cầu Guột thăm quê, hay đi cân gạo, phải chăng?

-Con chỉ về chốc nhất để trông nom công việc và phát tiền cho dân phu đắp đê Phú Xuyên.

-Cầu Guột rồi đáp tàu trưa lên Hà Nội ngay.

-Nhà cô ở Hà Nội?

-Vâng.

-Phố nào?

-Ở đầu ngõ Hội Vũ.

-Vậy thì tôi biết rồi, cô là cô Tư Hồng mà tôi vẫn nghe nhiều người Phú lăng sa nói chuyện.

-Thưa phải.

Ông lại cười và nói câu này nho nhỏ không cho những người ngồi bên nghe:

-Ồ may nhi! Tình cờ Hồng nọ gặp Hồng kia.

Hình như thiếu phụ ngỡ ngác không hiểu, ông cố liền nói tiếp ngay:

-Tôi là cố Hồng, linh mục chánh xứ ở nhà thờ Phú Xuyên.

Thiếu phụ mỉm cười thâm hiểu vì chính thiếu phụ là cô Tư Hồng.

Còn nhà tu hành, đạo hiệu là cố Hồng, linh mục Phú Xuyên, một xứ đạo mới mở được ít lâu.

Một bà mẹ tây về già, một nhà tu hành đạo mạo, có ai dám ngờ hai người ấy họ gặp nhau tình cờ trên chuyến xe lửa mà rồi có chuyện tình ái

nhân duyên gì dính theo?

Ấy thế mà có.

Thì ra tạo hóa thật khéo oái oăm bày trò, thường khi một chuyện người ta không ngờ lại chính là chuyện xảy đến.

Từ ngày ông cụ cố qui tiên, cô Tư cảm thấy trong lòng yêu đương để trống một chỗ rất lớn.

Cô đâm ra buồn.

Mặc dầu phần hoa phú quý bao bọc chung quanh; mặc dầu vàng ngọc bạc tiền chan chứa.

Không phải đời người hễ cứ giàu sang thì được thấy toàn sự vui sướng.

Đời người giàu sang có lúc như tấm bảng sơn son thếp vàng, ta trông bề ngoài lộng lẫy, đồ tươi nhưng lớp gỗ bên trong có chỗ mối ăn một khoét mà ta chưa thấy.

Giàu sang cũng có những chỗ buồn rầu nhức nhối riêng của nó.

Người ta vẫn ghê sợ thời vận áo xám. Nghĩa là trong lúc phải mặc xám, mọi việc đều xui xẻo tắc hãm. Trái lại, số phận hậu đãi cô Tư một cách khác hẳn.

Chính lúc đang mặc áo xám, cô lại hái ra tiền.

Nào là vợ được mỗi hàng 30 vạn tạ gạo của mấy hãng Tây ở Hải Phòng đặt mua để xuất cảng.

Nào là thầu việc đắp đê ở Phú Xuyên cầu Guột. Bọn nhà nghề thầu khoán cạnh tranh không lại, vì cô có những người mạnh thế đỡ đầu.

Họ thường bảo nhau:

- Chuyến này con mẹ Tư lại khoảng được vài vạn bạc lãi là ít.

Tiền vào càng nhiều, cô Tư càng thấy lòng mình trống trải, cảnh mình cô độc.

Con người đã ngoài bốn mươi tuổi đầu, trải hai ba đời chồng, tình nhân không thiếu gì, nhưng bây giờ lại thấy lòng mình khát khao thiếu thốn tình yêu: cái tình yêu chuyên nhất.

Cô nghĩ mình thế tất phải đi một bước nữa. Nghĩa là lại phải lấy chồng. Vì lẽ gia đình và vì lẽ xã hội.

Vì lẽ gia đình, phải lấy chồng để có người giúp mình lo lắng công việc, trông nom sự nghiệp. Bố chết mất rồi, em cháu hãy còn khờ bé, mình lại chưa có con cái gì, cô Tư trợ trợ ở đời có một thân. Mình lại có cửa, có rất nhiều cửa, những kẻ tham lam ngấp nghé không thiếu gì, một thân đàn bà, sành sỏi mặc dầu, muốn ứng phó mỗi khi hoãn cấp không phải là dễ. Huống chi đời người phải có những lúc phong vân bất trắc, biết nhờ cậy ai? Không chồng không con, sự nghiệp đắp cao lên mãi để làm gì?

Vì lẽ xã hội, lấy chồng để bịt hẳn miệng tiếng dị nghị của thế gian. Cô Tư thừa biết thói tục ở chốn Thăng Long nghìn năm văn vật, người ta chỉ khéo làm bộ lễ nghi phong nhã với nhau ở trước mặt mà hay phẩm bình xô xiên ở sau lưng. Có người làm nên cửa cao nhà rộng, xuống ngựa lên xe, đủ cả công danh, chức phận; thiên hạ gặp mặt thì vái chào “bẩm lạy cụ” rất cung kính nhưng vừa xoay lưng đi họ đã cười khúc khích và bảo nhau: “Xem bác cai ở phố X... đã gặp thời lên mặt trường giả đấy!”

Chính cô Tư nhiều lần được nghe lọt tai những tiếng xỏ mát của thiên hạ, sau khi họ chào “bẩm bà” thật là tử tế. Họ dị nghị cô giàu có như thế mà không chồng không con, tha hồ ăn tiêu sung sướng. Một hôm cô vào nhà nọ đi ra chưa khỏi cửa đã nghe bên trong có tiếng Kiều lấy:

Sống làm vợ khắp người ta,

Hại thay thác xuống làm ma không chồng.

Cô hiểu là câu ấy họ ngâm tặng mình.

Và lòng muốn lấy chồng càng thêm quả quyết.

Nhưng lấy ai bây giờ?

Cô đã tính nhẩm trong những bạn quen và bạn tình hiện tại. Tây có, Nam có, muốn lựa chọn đản đo, vật sắc lấy một người để làm cho phu tướng, gắn bó chung thân.

Nhưng sau một lúc cân nhắc, cô gạt ra ngoài cả. Cô nghĩ họ chỉ là một cảnh bày chơi tạm thời, chứ không ai xứng đáng làm chồng vĩnh viễn. Họ làm bạn với cô, bất quá lập lẽ lợi dụng hay là bán tình giả dối lấy tiền của cô, thế thôi.

Cô định tìm một người chồng trẻ trung, khỏe mạnh, đứng đắn; cố nhiên phải là chồng Tây mới đúng sở thích.

Có điều người ấy là ai, chính cô cũng đang mong mỏi, chưa biết.

Lúc bấy giờ ở cây đa Cửa Quyền phố hàng Bông, có lão thầy bói già, tự xưng là Quỷ cốc tái sinh dám treo miếng vải tây điều, viết mấy hàng chữ: “Hễ đoán không hay, thì xin đền lại gấp hai số tiền đặt què”. Nghĩa là mình đặt què năm hào thì lão mở tráp đền ngay cho một đồng. Người ta nói lão chưa hề phải bồi thường như thế bao giờ, bác tức là nghề bói của lão tuyệt phẩm.

Một buổi sáng, cô Tư sai người ân cần mời lão vào trong nhà ở ngõ Hội Vũ để xem một què.

Cô đặt tiền què hai đồng và nói ngay thật cầu vọng nhân duyên.

Lão thầy bói khấn khứa những Văn vương, Khổng Tử, Quỷ cốc, Trần Đoàn và gieo tiền được què xong rồi có ý ngập ngừng như e ngại điều gì không muốn nói ra.

Cô Tư hiểu ý:

Thánh ngài dạy cát hung, họa phúc thế nào thầy cứ việc đoán ngay nói thẳng đừng nể nang gì cả. Dù tốt, dù xấu thầy nói rõ cho tôi nghe. Tôi không ưa nói nịnh như người ta đâu.

Vâng, bà lớn đã dạy, chúng tôi cứ theo quẻ mà đoán.

Phải, quẻ ứng thế nào thầy cứ đoán thế cho.

Bẩm bà lớn tuy có số hồng loan chiếu mệnh, những người ngấp nghé cầu thân nhiều thật đấy, nhưng gọi là có thể chung thân kí thác thì bà lớn không trông cậy được vào một ai.

Chịu thầy.

Cứ như quẻ này, thế nào bà lớn cũng phải đi qua một cầu nữa mới xong.

Nghĩa là phải lấy một đời chồng nữa, phải không thầy?

Thưa chính phải thế.

Độ bao giờ thì tôi gặp nhân duyên?

Chắc chắn vào mùa thu này. Từ rằm tháng bảy cho đến hai mươi tháng tám, thế nào cũng thành.

Nếu được y như lời tôi sẽ biếu thầy một chiếc áo the. Nhưng thầy đoán hộ xem chồng tôi nay mai là người thế nào?

Bà lớn có cho phép tôi mới dám nói.

Tôi đã báo thầy cứ việc đoán thẳng, không ngại gì mà.

Vâng, bà lớn cao số lắm, theo như quẻ dạy thì ông lớn nhà ta nay mai tất là một thầy chùa hay đạo sĩ mới đúng số.

Cô Tư phá cười lên:

Thầy đoán mới liệu làm sao chứ, người tu hành nào mà lại bỏ trời bỏ Phật đi lấy tôi bao giờ?

Lão thầy bói vừa thu xếp tiền quẻ bỏ vào tráp vừa nói chắc nịch như đóng đinh:

Bẩm bà lớn, tôi đoán quả quyết như thế đấy: ông lớn tất là một người tu hành. Bà lớn cứ việc mua áo the sẵn cho tôi đi.

Nghe lời quyết đoán của lão thầy bói, cô Tư bỗng giật nảy mình. Cuốn phim gập gờ cổ Hồng bỗng diễn lại trong trí nhớ với tất cả những tiếng nói bóng bẩy xa gần, những ý tứ đầu mảy cuối mắt.

Thì ra sự tin tưởng của người ta có lẽ đúng thật: việc vợ chồng là mối nhân duyên định sẵn. Hễ đã định sẵn, dầu cho hai người ở cách xa nhau một bể một trời hay là có cảnh ngộ trái ngược nhau mấy đi nữa, sợi tơ hồng cũng buộc chặt lấy chân và kéo lại cho gần hình như không chạy đâu khỏi.

Ngày xưa Vi Cỗ chẳng vác dao vào chợ quyết chém một con bé ăn mỳ, rồi sau con bé ấy chẳng trở nên vợ chàng với một vết sẹo ở mặt đấy ư?

Cô Tư Hồng còn một đời chồng nữa là thầy tu, số phận đã định trước như thế.

Nguyệt lão đã buộc xích thẳng vào chân rồi chi còn thất lại.

Lão thầy bói đi rồi, cô Tư cười bảo người em:

Cậu Ngử à! Thầy bói đoán quẻ không khéo mà đúng thật đấy. Rồi cậu sẽ có một người anh rể mới là nhà tu hành cho mà xem.

Cậu em bông lớn:

Thôi em hiểu rồi. Chắc lão sư chùa Hòa Giao chứ gì. Hèn nào lâu nay Hà Nội đồn rầm lên, lão sư ấy cứ tối đến là trút lột cà sa, diện quần áo tây vào, đội mũ ba na ma, tay cầm cần, miệng ngâm xì gà đi vất vương ngoài

đường, chim gái rất thánh. Em được ông anh rể ấy tha hồ mà tròn quả phúc, chị nhỉ!

Đừng nói chuyện nỡm. Không phải lão sư hồ mang ấy đâu.

Thế thì là ai, hử chị?

Đám khác kia, rồi cậu sẽ biết.

Đám khác: ấy là cố Hồng.

Từ ngày cô thâu đê Phú Xuyên, cách dăm ba ngày phải đi một chuyến để coi sóc công việc và đem tiền ở Hà Nội xuống phát cho dân phu. Trên con đường đi về Hàng cỏ - cầu Guột cô có nhiều lần gặp ông cụ chánh xứ họ đạo Phú Xuyên.

Khi ở trên toa xe lửa, khi ở trước ga cầu Guột, có khi ở ngay trong nhà riêng của cụ xứ.

Ban đầu mới gặp cô không để ý, chỉ tưởng là một nhà đạo mạo vui tính hay chuyện trò vậ thôi. Bởi vậy cô vẫn tôn người là cha, xưng mình là con, một cách lễ phép cung kính, mặc dầu mình không phải con chiên.

Nhưng năm bảy bận sau, cô nghe lời ngôn ngữ và thấy cách ăn ở mà sinh ra cảm.

Nhất là cảm nhà tu hành còn trẻ tuổi hơn mình mà tráng kiện lực lưỡng, vẻ người lại đẹp, đúng như cô vẫn sở thích, mộng tưởng. Khoa ngôn ngữ lại ôn tồn lanh lợi, tán tỉnh rất khéo, nghe như đàn ru mật rót vào tai.

Vả lại nhà tu hành như thế bị giam hãm thềm thường đã lâu, nay gặp một người đàn bà nồng nàn tương đắc với mình lại tự chủ một sản nghiệp lớn trong tay cũng đâm ra cảm nốt. Cảm cả người lẫn của.

Trước lạ sau quen, hết xa đến gần.

Lửa tình đã rấm sẵn trong quả tim, giờ được một luồng gió thổi vào, bốc cháy lên ngàn ngụt.

Phải biết một khi ngọn lửa ấy đã bắt mồi bùng lên, nó đốt cháy tuốt cả những hàng rào danh giá lễ nghĩa, miệng tiếng thị phi.

Nó bất chấp tất cả xã hội.

Trước hết nhà tu hành còn mò mẫm đến nhà ở ngõ Hội Vũ ban đêm, chưa từng tang tảng sáng đã lủi lủi đi ra như thằng ăn trộm chi sợ người ta trông thấy.

Nhưng rồi cô Tư cứ tự nhiên để cho người yêu mặc bộ áo dài thâm như thế mà lui tới cả ban ngày thầy kệ tai mắt thiên hạ. Nhiều khi ở lại ăn cơm nói chuyện cả buổi trưa.

Người ta bắt gặp cô Tư lắm hôm đi về Phú Xuyên cũng gần như công nhiên lui tới chỗ ở riêng của nhà tu hành mà ăn cơm ngủ đỗ như thế.

Họ đã già nhân ngãi, non vợ chồng.

Một hôm cô Phó Sơn Tây và cô Giám Binh đồn Bần, cùng là chỗ bạn thân, đến chơi nhà cô Tư gạn hỏi sự tình và nói ngay thẳng:

Này chị ạ, một là phải tuyệt đi, vì thiên hạ chẳng thiếu gì đàn ông cho mình ôm ấp, hai là phải làm sao cho ra lẽ vợ chồng, để bịt miệng thế gian. Chứ làm mập mờ dờ dang mãi như thế, thiên hạ họ bình phẩm khó chịu lắm. Chị miệt mài trong cuộc không được nghe lời mai mỉa bên ngoài. Họ chửi chị bỏ bùa mê thuốc lú cho nhà tu hành phải sa ngã đấy.

Cô Tư nhận thấy là chị em nói phải.

Hôm sau gặp nhà tu hành, cô thuật lại và thúc giục phải tính toán thế nào một bề. Ông này yên ủi cô:

Người yêu của tôi đừng lo, tôi đã xếp đặt đầu đó sắp xong rồi.

24. Má hồng đến lúc phôi pha.

Giữa buổi sáng hôm rằm tháng tám ta, cô Tư đang ngồi trong phòng giấy, tính toán sổ sách và bảo cậu Ngữ viết thư cho các hiệu khách cân gạo ở Kê Sặt, Cấm Giàng, Bến Hiệp v.v... thúc họ phải cân mau cho đủ số giao ước.

Vì mấy hãng xuất cảng ở Hải Phòng thúc cô thương khẩn. Tình hình bên Âu châu đầu năm 1914 có vẻ rất căng. Nhiều cái dấu vết tỏ ra chiến tranh có thể bạo phát chẳng sớm thì muộn. Bởi vậy số gạo đặt mua, mấy hãng muốn có sớm để xuất cảng sớm hơn được ngày nào hay ngày ấy. Một khi chiến tranh đã phát ra tất là tuyệt đường vận tải giao thông.

Bỗng cô ngó ra ngoài cổng thấy một ông Tây vừa bước xuống xe kéo, người phu xe xách một chiếc va li to tướng vào theo.

Ông Tây mặc y phục sang trọng, đúng một tay cầm ba toong bít bạc, gương mặt tuy gần đứng tuổi nhưng trên mép và cằm nhẵn thín không có sợi râu nào, mắt đeo kính đen che kín.

Cô Tư vội vàng ra tiếp, thấy khách vào thẳng sa-lông ngồi xuống tự nhiên không cần phải mời, cử chỉ roa là một người quen biết thân mật; ông ta nói tiếng An Nam:

-Chào bà lớn mạnh giỏi.

Chủ nhân có vẻ ngờ ngác không nhớ ra khách là ai. Trong trí đồ chừng đó là một người ở hãng dưới Phòng lên thôi thúc việc gạo cho nên cô nói:

-Chắc hẳn ông ở hãng Denis Frères dưới Hải Phòng mới lên. Ấy tôi cũng vừa mới viết thư đi...

Không đề chủ nhân nói hết lời, khách vội gạt ngay bằng một nụ cười và nói:

-Bà lớn quên tôi thật sao?

Trong khi khách cười, cô Tư nhìn thấy hàm răng xinh đẹp, miệng cười như hoa, liền nhận ngay ra khách là ai vì cô đã từng yêu mê hôn hít cái miệng tươi, cái hàm răng đẹp ấy mãi. Cô vùng cười rũ lên như nắc nẻ; chạy ngay lại bên khách, lật kính đen xuống rồi hôn vào má vỗ vào vai:

-Rõ nồm chưa? Mông sê ri (mon chéri) mà tôi ngơ ngẩn, tưởng là ông khách lạ nào!

-Giờ cô đã nhận ra người quen rồi đấy.

-Chứ sao! Cái miệng với hàm răng con trầu này (cô vừa nói vừa tát yêu) có trộn đi đâu cũng không lẫn. Sao hôm nay lại vẽ trò đối lốt ăn mặc khác hẳn thế này? Bộ râu xồm đâu mất rồi?

-Cạo tuột nó đi rồi.

-Còn áo thâm?

-Cũng bỏ xó, từ nay không dùng nó nữa.

...?

-Nghĩa là tôi bỏ chức đạo sĩ trở về thường nhân để chúng ta được tự do yêu nhau.

-Thế thì còn nói gì nữa, tôi sung sướng quá.

Cô vui mừng líu tít, cất tiếng gọi cậu em nheo nhéo:

-Ngử ời, Ngử! Mau ra chào ông thầy tu anh rể mới của cậu đây này.

Rồi cô cười ngắt nghẻo dặn tiếp:

Chốc nữa cậu nhớ nhắc chị đi mua cái áo the La Khê thật tốt để cho lão thầy bói ở cây đa Cửa Quyền nhé.

*

Các ngài đoán ngay là cố Hồng.

Ai cũng biết tôn giáo Thiên Chúa rất trang nghiêm đứng đắn, không khi nào dung túng một việc làm bất chính, không khi nào tha thứ một con chiên ghê.

Việc cố Hồng tầm ngầm phá giới là một việc lỗi đạo rất nặng, bề trên không thể dung thứ. Trước còn khôn ngoan bưng bít miệng bình, nhưng tiếng lành đồn xa, tiếng dữ đồn xa, các đấng bề trên nghe lọt vào tai và xét rõ sự thực lập tức gọi cố Hồng lên quở trách, buộc phải ăn năn chữa lỗi.

Nhưng ông ta bị quý Sa tăng cảm dỗ, chìm xuống bể tình lút mất cả chòm rồi không sao góc lên được nữa.

Cần giữ thể thống và trật tự nghiêm chỉnh, đấng bề trên công giáo bắt buộc phải lột chức của ông và truất ra ngoại đạo.

Thế là ông cạo phăng chòm râu và cởi áo hoàn lương, tự do đi theo tiếng gọi của trái tim không còn phải lén lút như trước.

Từ đây, ông đóng đô ở nhà ngõ Hội Vũ.

Hai Hồng nghiêm nhiên là vợ chồng.

Cô Tư được như nguyện.

Muốn phân bua giới thiệu tân lang với các thân bằng cố hữu, cô đặt một đám tiệc rất to, không ngại tốn kém.

Lạ thay! Thiếp mới gửi đi, kê tên vừa đúng 120 quan khách nhưng đến buổi tiệc vèn vện chỉ có 26 người đến dự, không kém không hơn. Trong số ấy, phần đông là mấy bà cụ già nửa tỉnh nửa quê và mấy anh giàu lỏi, tuyệt nhiên không có tay nào là đại biểu Hà thành hoa lệ hay phiệt duyệt như đám tiệc nhà cô những lần trước.

Một chỗ trống trải cho người ta dễ thấy nhất là bữa tiệc hôm nay chẳng có lấy một ông Tây bà Đầm nào đến, người ta nhớ về trước, mỗi khi

“*Madame cô Tư*” thết tiệc thì quan khách Âu Tây chiếu cố rất đông. Có những ông bà chủ hãng ở tận Hải Phòng cũng vui lòng bạt thiệp lên Hà Nội dự tiệc nhà cô rồi một hai giờ khuya mới lên đường về.

Không hiểu sao lần này chẳng ai giao hẹn với ai mà chẳng ai thèm đến.

Hình như có một lẽ gì thiêng liêng, chắc nó là nhân tâm, thiên lí - tự nhiên mỗi người đều nghĩ đến mà tránh mặt bữa tiệc ấy chứ không cần ước hẹn với nhau.

Cô Tư buồn ngấm buồn ngấm, cay đắng trong ruột nhưng bề ngoài vẫn gượng nói gượng cười.

Cô Tư biết thế là xã hội kết án mình rồi.

Chỉ sướng cho lũ gia nhân bợ dịch và tất cả bè bạn con sen, cậu nhỏ của họ được hưởng một bữa cỗ nguyên lành, thật là say sưa bữa mưa mà vẫn không hết. Vì thừa ngọt một trăm phần ăn kia mà.

Dù sao mặc lòng, bà mẹ tây già với ông đạo sĩ phá giới ấy cũng đã đường hoàng trở nên một cặp vợ chồng, bất chấp cả dư luận thị phi.

Nhưng xã hội đã kết án họ thật.

Cứ nói theo lẽ thuận thì hai người ấy xây ổ tình ái nhân duyên với nhau kể thật phải đôi và cùng có ích lợi.

Cô được người giúp đỡ công việc, được người làm bạn cảnh già, được hưởng cái lạc thú chồng một, vợ một cùng nhau chia vui sẻ buồn. Thiên hạ chắc hết chê cô không có chồng, hết nói vụng rằng cô quá lãng mạn hoang đường nên không ai thèm lấy. Cảnh già sẽ thêm đầm ấm vui vẻ, nếu như trời Phật ban phước cho một vài mụn con, biết đâu.

Còn ông, sự độc chiếm một quả tim bợ vàng ở Hà thành và được chỗ chắc chắn dung thân sung sướng, chẳng phải nói gì, ông muốn lợi dụng lưng vốn dồi dào của vợ để vùng vẫy kinh doanh và làm nên giàu có gấp

năm gấp mười. Của vợ công chồng, bề nào mai sau mình hẳn được hưởng trong ấy một phần.

Hai cảnh ngộ ngược dòng đã ráp liền họ lại cho họ yêu nhau vì tình ái đã đành mà lấy nhau vì lợi lộc cũng có.

Bởi vậy ngay từ hôm ông “vu qui” về nhà vợ, cô liền đem lòng tin cậy, nể nang và chiều đãi rất tử tế, giao phó nhất thiết công việc. Ông đóng đủ vai tuồng: bạn năm canh, chức thư kí, nhà ngoại giao, có lẽ rồi là một người thừa hưởng sản nghiệp lớn lao của bà họ Trần nữa.

Cứ thế mà cứng cánh gió xuôi mây chốc họ chẳng bay lên nóc đài triệu phú.

Song đạo trời công bằng lắm, chẳng hề cho ai được thừa ra đấng này mà không trừ bớt đàng kia. Không thế thì bao nhiêu hạnh phúc trên đời bọn giàu sang đều vớ hết.

Lẽ thừa trừ ấy, người ta thấy ứng hiện ở khoảng đời áp chót của cô Tư Hồng.

Cũng có lẽ - Số mệnh mượn lấy một cơ để xô lăn má hồng vào góc tường phôi pha mạt vận.

Từ ngày cô lấy chồng mà chồng ấy lại là một nhà tu hành phá giới, cô thấy người đời đối với mình có vẻ lạt lẽo. Chẳng những họ đã không niềm nở vui mừng giùm cô lấy chồng lại còn tỏ vẻ chê bai khinh rẻ cô ngay ở chỗ đó.

Cứ xem họ kết án cô bằng sự lẳng lặng trốn tránh bữa tiệc tân hôn của cô cũng đủ biết.

Hồi nào cửa ngõ sớm tối tấp nập ngựa xe, đông đúc quan khách đến nổi chủ nhân phải mệt nhoài về sự thù tiếp thế mà bây giờ mỗi ngày thấy thưa dần, vắng dần.

Hình như cửa nhà cô có vi trùng ôn dịch khiến họ phải ghê sợ, kiêng cử không đến.

Nhất là hạng Âu Tây thì vắng biệt tăm bóng.

Có thể nói theo tiếng thông tục là người ta từ cửa cô, không chơi với cô nữa.

Thì ngay đến cuộc buôn bán làm ăn lúc nào tài lợi như chạy sấn số vào nhà, giờ cũng lần hồi kém sút trông thấy.

Lạ gì một khi tòa nhà đã núng thì gió thổi tất cả cột kèo rui mè đều nghe kêu lắc rắc.

Chỉ cách đâu độ một tuần sau khi ổ tình vừa mới ấm chỗ, cô Tư tiếp được bức thư đảm bảo của một hãng đại xuất cảng ở Hà thành gửi lại. Cô báo ông chồng xem hộ rồi giảng dịch ra tiếng An Nam rành mạch như vầy:

“- *Thưa bà,*

Bản hãng rất lấy làm tiếc xin thưa để bà biết cho rằng: vì một lẽ riêng, công việc hôm nọ bản hãng chủ nhân bắt đầu thương lượng phú thác cho bà nay không thể tiếp tục được nữa.

Vậy xin bà vui lòng coi câu chuyện ấy như là không có gì cả.

Vân... vân”...”

Công việc thương lượng là công việc gì?

Thì ra cách vài tuần lễ trước, hãng xuất cảng ấy đã mời “*Madame cô Tư*” đến thương lượng và ăn giá với cô năm vạn tạ bắp ngô trắng và bốn vạn tạ sơn Phú Thọ để họ chở về bên Tây. Chỉ còn đợi họ đánh máy tờ hợp đồng cho cô kí tên vào là xong.

Bỗng dưng hôm nay hãng viết thư giã ra, không để cho cô gánh vác mỗi hàng khá bỏ ấy nữa.

Cô tính xoàng trong trí, mất mỗi hàng béo bở này cô hụt ăn ngon lành hai vạn rưỡi đồng bạc lãi là ít.

Một việc xui xẻo.

Các ngài hẳn nhớ mọi khi “*Madame Cô Tư*” thường được đặt lời, cả nể với các hãng lớn thế nào. Ví dụ đến ngày kì hạn mà số gạo bấp giao nạp không đủ - có lần thiếu hẳn một vạn tạ trong số ba vạn tạ kí trong hợp đồng — hay là chậm trễ hàng tháng chưa cân đủ gạo cho hãng thì cứ chiếu giao kèo, với trường hợp trên đáng lẽ mất không số gạo đã giao nạp chẳng được tính tiền, còn trường hợp dưới thì cứ tính mỗi một ngày chậm trễ là phải phạt một vài trăm hay dăm ba trăm, một nghìn tùy theo hai bên kí ước gặt gao ràng buộc nhau.

Nhưng cô Tư chỉ thân hành đến tận ông chủ hãng bắt tay một cái, cười cười, nói nói vài câu thế là xong việc ngay chớp mắt. Cô chẳng phải đền, phải phạt một trinh nào hết.

Cái ngày “miệng nói có duyên” ấy đã qua đã biến mất rồi.

Bây giờ với vụ 30 vạn tạ gạo của hãng Denis Frères dưới Hải Phòng, cô Tư giao trễ hết 24 ngày hãng cứ tính chẻ hoe mỗi ngày chậm trễ là phạt 500 đồng mà trừ phăng vào tiền gạo của cô. Chính hãng ấy đã từng nể nang tha phạt cho cô mấy lần nay họ thẳng tay không chịu nhân nhượng. Cô thân xuống Phòng năn nỉ ông chủ hãng cũng vô công hiệu. Cái đầu ông chú hãng ấy hồi nào gật lia gật lịa ở trước nụ cười, tiếng nói của cô Tư thế mà hôm nay nó chỉ ngoảnh đi và lắc mãi.

Vụ này cô thiệt mất đứt một vạn hai nghìn đồng cay đắng.

Hai việc xui xẻo.

Thuở giờ có buôn bán chỉ trông nhờ giao dịch với các hãng Tây mà làm nên cơ nghiệp giàu có, ngày nay họ từ chối cô, xô đẩy cô, hoặc vì cách nợ hoặc kiếm có kia.

Như một cái mỏ vàng, cô thấy cửa miệng nó dần dần thu nhỏ lại rồi lấp kín mắt.

Cho đến những hiệu cân gạo cho cô ở các tỉnh lâu nay cũng thấy bơ thờ trể nải, sở dĩ cô bị hăng phạt một vạn hai nghìn đồng chỉ vì các hiệu kia đong chậm gạo cho cô nên cô nộp chậm cho hăng. Những tư nhân hay cửa hiệu còn mắc nợ cô, kẻ ít người nhiều không hiểu sao bây giờ họ cũng lần khần, chẳng trả.

Bao nhiêu việc không may dồn dập và xúm lại giày vò cô, hất hủi cô.

Cô bảo xã hội kết án mình là thế.

Vì sao?

Nhân tâm tức là nơi phát biểu của thiên lí. Người ta trở lại chê cười cô, ghê lạnh với cô đến nỗi kết án cô bằng cách đoạn tuyệt giao du thương mại chắc hẳn chỉ vì thấy cô đã cám dỗ một nhà tu hành phá giới về làm chồng mình. Thật ra có lẽ nhà tu hành ấy cũng cám dỗ cô nhưng người ta không biết. Người ta kết án cả đôi nhưng trách móc cô nhiều hơn.

Ta nên biết phần đông người Âu Tây rất là mộ đạo; trong ấy thiếu gì bậc quyền hành hay chủ hăng buôn lớn. Hèn nào họ không lạnh lẽo giao thiệp với cô, bày tỏ ra bằng sự không thèm dự tiệc tân hôn và biệt cửa lui tới. Các chủ hăng cũng không điên khùng gì cho cô những mỗi hàng kiếm lãi bạc nghìn bạc vạn để cô cung phụng một người phá giới!

Những việc rủi ro thiệt hại kia khác mà cô đang chịu đều là cách hành phạt của thiên lí đã mượn nhân tâm làm ngôi mà phát lộ ra.

Cô thấy rùng rợn đau đớn.

Mà những kén sắt, nhà lầu, kim cương, cổ vật bao bọc quanh mình đều không có sức che đỡ hay làm cho cô lãng quên.

Té ra trước khi chưa lấy chồng, cô cảm thấy mình cô độc bây giờ lại càng cô độc hơn.

Con người có nghị lực sắt đá ấy, bị cảnh ngộ éo le nung đốt phải mềm nhũn, một hôm đang ngồi bên ông chồng, suy nghĩ thắm thía thế nào rồi bưng mặt khóc rưng rức:

Sao đời họ độc ác quá, họ xúm nhau lại mà dẫn dắt mình. Nông nổi thế này thì ở Hà Nội mình hết cách làm ăn buôn bán gì được. Lại ngồi mà nghe họ mỉa mai và nhìn bộ mặt họ khinh khỉnh mãi, thì cho đến tim gan bằng sắt cũng không chịu nổi. Phải tính làm sao chứ?

Không muốn ở Hà Nội thì ta đem nhau đi xứ khác kinh doanh vùng vẫy cứ vật lộn với số phận đến keo cuối cùng tất mình phải thắng, đừng lo.

Ông chồng trả lời một cách bình tĩnh tự nhiên.

25. Vợ chồng dắt nhau đi Cao Miên.

Hai vợ chồng bàn tính với nhau cả buổi rồi đồng ý tạm bỏ Hà thành đi ở biệt xứ khác buôn bán để cho thời gian xóa dần dư luận ác cảm sẽ trở về.

Dư luận có lúc độc dữ nghiêm khắc, song nó lại có tính hay quên.

Nhưng đi đâu cho phải bây giờ?

Theo ý cố Hồng, muốn đi biệt sang Tàu ở Hương Cảng hay Thượng Hải không thì sang ở bên Xiêm, Tinh Châu tùy ý miễn là tách xa cho khuất mắt. Vì ông tự biết chính mình là cái bia đàm tiếu ở Hà thành và bị người đồng bang ghét bỏ và bà vợ vì tình phải chịu vạ lây nên ông chẳng muốn quẩn luyến ở đây một tí nào.

Đi mấy xứ kia, thà bảo rằng mình phiêu lưu với hai bàn tay trắng thì mới phải lo ngại cho sự sống ở chốn tha hương. Đằng này mình có nhiều tiền, đem mười lăm vạn bạc sang mở hiệu bán các thứ kỹ nghệ của xứ Bắc như đồ đồng, đồ thêu, đăng ten và nhiều món sản vật khác thì sự phát đạt có thể cầm chắc trong tay.

Ông chồng ngồi gảy con toán trong óc cho như thế là đúng lắm đấy.

Có điều xuất dương xa hẳn đồng đất nước nhà thì bà vợ lắc đầu không muốn:

Thế còn cửa nhà, phố xá, quê hương, giỗ tết, mồ mả ông bà, bảo tôi trút những gánh nặng ấy cho ai mà cũng không có ai thân mật để mình có thể ủy thác được. Cậu em và các cháu còn khờ dại cả lũ...

Thôi thì chúng ta tìm chỗ đi quanh trong cõi Đông Pháp này vậy.

Cô Tư tán thành vì thế mới được thuận tiện gần nhà cho cô thỉnh thoảng chạy đi chạy về trông nom cửa nhà, thăm viếng mồ mả.

Xuống Hải Phòng?

Không tiện, vì nó gần Hà Nội quá và nó cũng đồng tình nghiêm khắc với vợ chồng nhà cô y như Hà Nội vậy, thà cứ muối mặt ở lì lại đây mà chịu trận còn hơn.

Vào Huế?

Cũng không được. Sông Hương núi Ngự, cô Tư đã thừa biết chỉ là một cảnh hữu tình cho làng thơ và khách du lịch, không phải nơi có thể kinh doanh thương nghiệp gì to lớn. Đi đâu thì đi, chứ cô vẫn muốn buôn bán đồ sộ, đâu phải chỉ cầu buôn lấy đủ ngày hai bữa và nộp thuế môn bài. Cà cuống gần chết đến đít vẫn cay như thường.

Duy còn Cao Miên và Sài Gòn nên lựa chọn lấy một.

Cô Tư muốn vào Cao Miên.

Cô bảo xứ ấy cũng người “đàng thổ” đang lúc nhất sơ khai thác, tất dễ buôn bán làm ăn, vả lại không làm gì có đông người đồng châu mà bảo họ ngồi lê đôi mách đi kháo chuyện riêng của mình.

Nhưng muốn cẩn thận, cô phải chịu khó viết thư vào hỏi thăm tình hình trước đã.

*

Cô ba La Vích, chỗ bạn chí thân mười mấy năm trước đã có công ơn giáo hóa, mối manh cho cô Tư trở nên me tây và nhờ đó mà tấy lên đến thế nào, ý hăn chư vị độc giả còn nhớ.

Cái đời me tây nghĩ cũng hay: lắm cô làm mối cho chị em vợ được chồng sang đáo để mà đến chính thân mình thì số phận lại bắt vất vả, lẻ loi “chống mông mà gào” cũng không có.

Ngay cô ba La Vích đấy, sau khi mỗi lái giùm bạn lấy được quan tư Garlan rồi, ít lâu ông chồng cô về Tây, cô muốn tìm chồng khác để nương thân mà số phận cản trở không cho. Nhiều đám đi lại mỗi manh, hồ nên lại hỏng. Cô phải một độ “ở góa” như thế đến bốn năm dư, tình cảnh túng bần hết sức. Nước sơn nghèo nàn làm mốc thối cả phấn hương, võ vàng cả da thịt, cô không còn thể làm me tây được nữa. Mãi sau mới gặp một ông cai máy đèn đưa nhau vào Cao Miên làm ăn khó nhọc luôn mấy năm trời. Vợ chồng khéo nhúm rau, nhúm bếp mở ra được một cửa hiệu nho nhỏ ở Nam Vang, chuyên sửa quạt máy và đèn điện. Nghe nói cô Tư có nghĩ lại tình cũ nghĩa xưa mà gửi giúp cho bạn vài trăm bạc vốn.

Giờ hai vợ chồng làm ăn đã khá có cơ tấn phát, vững vàng. Cô thường viết thư hỏi thăm cô Tư và xa trông con điều hạnh vận của bạn càng ngày càng lên bổng mây xanh để tiếng sáo phú quý phong lưu đưa vắng mãi đến tận bên tai cổ nhân đang lặn độn ở chân cổ tự Đế thích. Còn chuyện tình duyên rắc rối của bạn mới đây, hẳn cô chưa biết.

Cô Tư viết cho bạn, hỏi qua đường đất buôn bán ở Cao Miên và ngỏ ý muốn vào mở một hiệu bán hàng Bắc ở Nam Vang, liệu có được không?

Gần một tháng sau, cô mới tiếp được phúc thư của bạn, một tiếng bà, hai tiếng bà, không xưng hô chị chị, em em như ngày trước. Có lẽ cô Ba suy nghĩ cảnh ngộ hai bên đã quá biến thiên, vả lại bạn mình lại có phần vua trang điểm nữa. Nguyên văn bức thư như sau này:

“Thưa bà,

Lá thư của bà cho tôi cái cảm giác như bắt được lạng vàng.

Tôi vội vã phúc đáp kẻo bà mong đợi sốt ruột

Nếu như đã chán cảnh Hà Nội phồn hoa, bà muốn vào Cao Miên buôn bán là sự nên làm.

Xứ Cao Miên có rừng vàng, biển bạc mà bây giờ người ta mới bắt đầu khai phá.

Định buôn cá sống, cá khô thì vào Biển Hồ, người ta mỗi năm khuấy nước hồ này kiếm lợi biết mấy trăm vạn. Có một ông lái cá người mình được triều đình Cao Miên thưởng hàm thượng thư.

Định buôn các loài gỗ quý thì vào ở Bất Tâm Boong. Xứ này có gỗ với cá là hai nguồn lợi to nhất

Còn như muốn đem hàng Bắc vào mở hiệu thì nên ở ngay kinh thành Nam Vang. Nhà nước đã cắm đất và lấp kinh, đang mở mang thành phố càng ngày càng rộng lớn.

Dân đàng thế không biết buôn bán. Bao nhiêu thương lợi đều ở trong tay người Hoa kiều. Cửa hàng hiệu Tây cũng đã mở nhiều. Còn người xứ Bắc mình thì lơ thơ không mấy. Gọi là hàng Bắc chỉ có một hiệu Đại Thịnh của cụ Cử Can ở đường Quai Piquet là to nhất. Cụ bị an trí vào đây mấy năm nay, nhân tiện kinh doanh thương nghiệp xem ra phát đạt lắm.

Đường đất còn rộng thênh thang, mỗi lợi không thiếu gì, một người can đảm tài năng như bà thì Cao Miên là trường hoạt động rất tốt, hà cứ vào đi. Buổi đầu có sự gì cần dùng sai bảo, người bạn cũ sẽ không hề từ nan.

Kính chúc v.v...

Cô Ba La Vích”

Nhận được thư bạn hôm trước hôm sau cô Tư liền sắp đặt việc đi.

Vào khoảng đầu tháng ba năm 1916, hai vợ chồng đáp tàu “Orénoque” vào Nam, sau khi đã làm phép cưới với nhau cho chính danh nghĩa.

Phép cưới làm tại dinh Đốc lí Hà Nội, mỗi bên chỉ có mấy người bạn thân dự lễ và làm chứng. Một đám cưới rất thân mật và giản dị. Có thể nói là buồn tẻ như muốn giấu cả thiên hạ. Cố nhiên không làm lễ ở nhà thờ và cũng không bày vẽ tiệc tùng gì hết. Cho đến người chứng hôn bên cố Hồng cũng là người An Nam mà cô Tư viện trong mấy ông bạn quen đi giùm.

Chẳng có một người Âu Tây nào lại đi chứng hôn cho một nhà tu hành phá giới bao giờ.

Vả lại, cô Tư chiều ý muốn của ông chồng mà làm phép cưới cho tắc trách thế thôi. Bản tâm cô không muốn. Vì nghĩ không cần và cũng không có ích lợi gì. Con người lồi đời ấy đã có lần nói chuyện tâm phúc với một chị em sắp sửa nhập tịch làng me tây:

- Bày vẽ cheo cưới làm quái gì! Vợ chồng ăn ở với nhau quan hệ ở tấm lòng hơn là ở tờ giấy. Có hôn thư mà họ chẳng cảm sừng trên đầu nhau hàng tá rồi không ruồng bỏ nhau như vứt chiếc áo rách đấy ư? Thật lòng thương yêu thì chẳng cần hôn thư cũng ở với nhau được suốt đời. Nhất là nếu mình có của riêng càng không nên dại vì anh chồng tham lam có thể lợi dụng giấy tờ cheo cưới để xài phá, xâm đoạt của mình. Thà cứ thuận mua vừa bán, hay ở dờ đi, lấy chồng như thế mua hàng vậy.

Bởi thế, lần này cô chỉ làm phép cưới để khỏi trái ý chồng. Nhưng về mặt hộ thì hai người lấy nhau theo luật phân sản. Ai có sản nghiệp riêng tự quyền người ấy chủ trương định đoạt, không được xâm phạm của nhau.

Điều ấy hình như cố Hồng lấy làm phật ý vì ông muốn trọn quyền làm chủ cái sản nghiệp của vợ kia.

Cô Tư khôn ngoan yên ủi:

- Của vợ tức là của chồng, sớm muộn thế nào tôi cũng phải giao quyền cai quản cho ông mà. Bây giờ chúng ta hãy lo việc đi Cao Miên đã.

Hai vợ chồng vào đến Nam Vang, trước khi bắt tay vào việc còn chịu khó xem xét tình hình kỹ lưỡng.

Không hiểu cô Tư suy nghĩ thế nào lại đổi ý: không mở cửa hiệu chuyên bán hàng Bắc như chủ kiến đã định ở nhà.

Ông chồng một hai nài nỉ làm công cuộc khác mà ông tính hoạch lợi rất to: nấu rượu. Ý chừng nhà tu phá giới muốn tập tễnh làm một ông

Phông-ten ở đất Cao Miên.

Cũng chiều ý chồng, cô Tư xuất vốn năm sáu vạn bạc mua lại một lò nấu rượu của người khách trú có đủ khí cụ máy móc và sẵn cả mối hàng.

Họ không ngờ đã hí hửng bước chân vào cửa tử.

Chế độ nấu rượu ở Cao Miên thử thời đại khái cũng như ở xứ Bắc ta mấy lâu nay, nghĩa là không có độc quyền. Ai có vốn được lập công ty, mở nhà máy nấu rượu bán tự do miễn là đúng phép và trước khi phát hành phải có nhà Đoan xem xét đánh thuế.

Các công ty khác tha hồ cạnh tranh với hãng Phông-ten. Rượu ai nấu ngon hơn thì đông khách đặt hàng, dở thì lỗ vốn đóng cửa.

Ở đất Cao Miên mấy chục năm trước vẫn thế. Tình trạng y như ở Nam kỳ.

Ngoài rượu của hãng Phông-ten - người ta quen gọi là rượu công xi — còn có nhiều hiệu khác do những lò rượu khách trú nấu ra.

Họ rất trường lương sẵn vốn, số rượu xuất sản nhiều, nấu ngon, bán rẻ. Lâu ngày, uống quen mùi vị đi rồi, thân chủ của họ cũng gần như khách nghiện thuốc phiện của nhà Đoan. Sức tiêu thụ rất mạnh, nhờ người đồng bang họ cố động giúp nhau. Khắp xứ Cao Miên và Nam kì, không một đầu làng xóm chợ nào chẳng có dăm ba hiệu khách. Đây là những cơ quan sẵn sàng để truyền bá và tiêu thụ cho họ, lời rao trên báo nào cũng không thể địch lại được.

Thành ra những lò rượu khách tuy không có độc quyền của pháp luật nào cho nhưng thật sự họ vẫn độc quyền về thực tế, về khách quen, về kinh nghiệm lâu năm.

Vì thế mà hồi nào tới giờ, ta không hề thấy người bản xứ ở Cao Miên hay Nam kì mở lò rượu cạnh tranh với lò rượu khách trú vì trong cuộc cạnh tranh ấy mình chắc thua trước.

Phải biết lúa gạo là lúa gạo của mình nhưng họ mua, họ lập nhà máy xay, họ giữ trọn quyền bán. Mình mở lò rượu, gạo là nguyên liệu cần nhất, họ làm cho khó mua hay phải mua với giá đắt cũng đủ nguy rồi.

Rượu mình nấu ra, họ bảo nhau không dùng hay giữ ở các hiệu tạp hóa và họ cứ để mốc nguyên vị không giới thiệu và bán hộ cho cũng khôn.

Vợ chồng cô Tư sang Nam Vang không xét đến nơi những cái thực trạng éo le ấy nên hấp tấp bỏ tiền ra mua lò nấu rượu tưởng đâu mình có vốn thì làm gì cũng nên và tự chắc rượu mình nấu ra cũng bán chạy như họ.

Từ giữa năm 1916 đến cuối năm 1918, lò rượu của cô Tư kinh doanh chật vật được già hai năm rồi đành phải bán lại cho khách với giá rất rẻ.

Việc thất bại này làm ruột tượng cô Tư hao hết ba bốn vạn là ít.

Trong thời gian làm rượu, vợ chồng cô hục hặc gây gỗ nhau luôn vì nỗi ông chồng đứng chủ không được phân minh về việc tiền bạc sổ sách.

Nhiều món tiền thiếu hụt đi đâu mất một cách vô cơ vô tang.

Thì ra đức lang quân đã khéo làm trò quỷ thuật cho nó chui vào trong hầu bao riêng.

Cô Tư cay đắng như ngậm quả bồ hòn nhưng muốn nhổ ra không được.

26. Đánh ván bài cuối cùng lại bị thua.

Lỗ vốn hết mấy vạn bạc, cô Tư vừa buồn vừa tức.

Từ lúc ra đời, một tay tháo vát gây dựng nên cơ đồ sự nghiệp giữa đất Hà Nội mấy chục vạn cô chưa hề biết một sự thất bại nào.

Cái tay ấy chi thu bạc nghìn, bạc vạn của thiên hạ thì có chứ chưa hề để hồ bao rơi lọt đi mất một xu nào gọi là lỗ vốn.

Lần này thất bại là lần thứ nhất.

Mà lại bị một vố nặng.

Lại thêm một nỗi ưu phiền nữa là cô để ý xem xét tâm tình cử chỉ của đức ông chồng, thấy ăn ở với mình nhiều chỗ không tốt.

Mấy năm làm rượu ở Cao Miên, ông ta được giữ quyền hành tiền bạc trong tay đã lạm dụng lòng tin của vợ để ăn tiêu xài phá, trai gái mè mỡ ra phết. Có kẻ mách cô Tư rằng ông có nuôi một hai ả gái non ở riêng nhưng cô làm thinh không muốn sinh sự.

Mỗi khi có dịp nói chuyện về vấn đề chung thân, ông khéo đem những lý luận lợi hại, với giọng nói như thật thà, rủ rỉ, tán tỉnh bà vợ nên sang tên tất cả cơ nghiệp cho ông trông nom sinh lợi.

Việc ấy ở giữa vợ chồng, đề cập một đôi lần có thể là câu chuyện tự nhiên nhưng mà nhắc đi nhắc lại mãi nghe như nóng nảy, thiết tha thì một người khôn lỏi như cô Tư sao khỏi nghi ngại, suy nghĩ.

Lần lần, cô thấy rõ tâm lí ông chồng đối với cô chỉ vì của cải, không vì ái tình.

Hay là cốt mượn bàn tay ái tình để chụp lấy của cải cho dễ.

Bởi vậy từ đấy vợ chồng bề ngoài vẫn niềm nở như bát nước đầy nhưng bề trong cô để tâm phòng bị từng li, từng chút.

Con người đã bao phen chứng tỏ ra có một tâm hồn cứng cáp, không mấy khi yếu ớt phải nhỏ nước mắt vì sự đời thế mà bây giờ có lúc ngồi nói chuyện tâm sự với bạn cũ là cô ba La Vích - hiện giờ là vợ ông chủ một hiệu đèn điện — cô Tư nghĩ thăm thìa thế nào đến nỗi phát khóc. Khóc rồi Kiều lấy:

Trót vì tay đã nhúng chàm,

Dại rồi còn biết khôn làm sao đây?

*

Sau khi thanh toán lò rượu ở Nam Vang xong, vấn đề đi hay về đã gây nên một trận phong ba nhỏ nhỏ giữa hai vợ chồng. Vì ông muốn về gần chỗ mục đích gia sản của vợ mà ông đang dòm nom để mưu mô vận động cho được phần dễ hơn. Còn bà thì chưa muốn trở về nơi mình đã bị mai mỉa.

Vả lại tự mình đánh thấp, thua đau một canh bạc mấy vạn ở xứ người thì phải đánh một hội khác nữa để gỡ lại chứ.

-Giờ chúng ta trở về Hà Nội... lời ông nói.

-Trở về Hà Nội làm gì?... bà hỏi.

Âu châu chiến tranh thế là xong rồi (hồi này, nhằm tháng Décembre 1918), mọi việc kinh tế công thương lại khôi phục như cũ, trường hoạt động ở Hà Nội rộng rãi đã quen cho mình, về đây mà hoạt động chẳng hơn sao?

-Tôi chịu thôi. Ông muốn về Hà Nội thì về một mình, để tôi ở lại đây buôn bán ít lâu nữa sẽ hay.

Ông chồng lẳng lặng, cô Tư nói tiếp:

-Phen này tôi xuống Sài Gòn mở một hiệu bán hàng Bắc...

-Định dọn ở phố nào?

-Ở đại lộ Catinat, tôi đã nhờ người ta thuê nhà hộ rồi.

-Thế à!

-Tôi sẽ thuê một ngôi nhà riêng ở đường Espagne hay Mac Mahon để vợ chồng mình ở.

-Chúng ta ở ngay cửa hiệu chẳng tiện việc và đỡ tốn hơn sao?

Tốn cũng phải chịu vì căn nhà ở đường Catinat, trên gác sẽ để chứa hàng không thể ở được. Và lại tôi cốt thuê nhà riêng để ông nghỉ ngơi biệt tịch vì ông đã làm công việc vất vả hai năm rồi, giờ ông có quyền tĩnh dưỡng ít lâu. Chuyển này việc buôn bán để mình tôi trông nom, ông không phải bận lòng đến.

Một mình cô trông nom sao xuê? Nhất là sự giao thiệp và sổ sách tiền bạc.

Điều ấy ông không lo. Tôi đã từng giao thiệp với các hãng lớn và đếm tiền vạn quen rồi! cần người coi hàng giúp việc, tôi đã viết thư gọi mấy người bà con ngoài Bắc vào.

Tất nhiên cố Hồng thừa hiểu chỗ mình dụng tâm đã hơi bị mù vợ tinh ranh soi thấu ít nhiều rồi. Nhưng ông không hề để lộ ra nét mặt một lần, một nếp gì thất vọng hay bất như ý.

Trái lại ông tươi cười vui vẻ khác thường, khen mãi bà vợ xếp đặt công việc như thế là phải, ôm chầm lấy vợ và tỏ vẻ yêu đương vô hạn, hôn lấy hôn để hai bên gò má nhăn nheo rồi vừa cười vừa nói:

Bà đảm nhà tôi thông minh và tử tế hết sức có lòng lo nghĩ đến sức khỏe của tôi, ép tôi nhàn dưỡng một độ thể là phải lắm. Cám ơn! Cám ơn!

Nếu cô Tư quả người thông minh, chắc phải biết trong cái cười, cái hôn âu yếm đó đây những gai góc.

Thế rồi ông bà thu xếp, cách mười ngày sau, dọn xuống Sài Gòn.

*

Quả nhiên cô Tư thực hành đúng theo chương trình đã định từ trước.

Thuê một căn nhà vừa phải ở cuối đường Espagne gần sở Bách thú, mát mẻ, thanh vắng làm chỗ ở riêng.

Tuy chẳng nghe nói ra, nhưng người ta xem ý tứ cũng biết bây giờ cô cung phụng lang quân để làm một cảnh dưỡng lão. Bề ngoài vẫn kính yêu mà bề trong thường phòng bị. Già rồi, thay chồng đổi vợ chẳng hay hóm gì. Thà chịu người ta trách mình căm dỗ một thầy tu còn hơn bây giờ bỏ đi, hẳn người ta sẽ chê cười nhiều hơn.

Cảnh dưỡng lão này mỗi tháng phải tốn kém mấy trăm đồng bạc cũng cam.

Ngày ngày ông chỉ có ăn chơi, xem sách, việc buôn bán của vợ, ông không được nhúng tay vào.

Cô Tư đã trù liệu từ trước, không sót việc gì; nào cậy người thuê nhà đóng tử, nào đặt mua hàng hóa ở Hà Nội, nào nhắn vợ chồng cậu em với một bà thím họ vào giúp việc.

Thành ra ở Nam Vang xuống Sài Gòn chưa đầy một tháng đã có đủ mọi sự cần dùng để khai trương một cửa hiệu mới ở giữa đại lộ Catinat là con đường buôn bán vui nhất, đẹp nhất của kinh đô miền Nam.

Ngày nay các ngài vào chơi đất Sài Gòn mới được trông thấy nhan nhản những cửa hàng Bắc. Cơ hồ chẳng thấy một đường phố nào không có vài ba cửa hàng cửa hiệu của người đồng châu ta. Rất đỗi một quận nhỏ, một chợ nhà quê cũng có người Bắc mở hàng quán. Nói gì các bà đeo những bọc hàng tơ lụa nặng mấy chục kí lô ở sau lưng đi bán rong khắp miền thôn giã sơn lâm, ta tới một chỗ hẻo lánh thế nào cũng có thể nghe những tiếng người Bắc rao: “Mua hàng không?”

Nhưng ngoài hai chục năm trước, nghĩa là hồi cô Tư Hồng mở hiệu buôn bán, đang nói trong câu chuyện này, người Bắc mình vào Nam thương công kế lợi còn ít lắm.

Số cửa hiệu Bắc lúc bấy giờ chi lác đác như cảnh sao mai.

Nếu trí nhớ của chúng tôi không lầm thì suốt đường Catinat chỉ có một cửa hàng Bắc to nhất là nhà Đào Huống Mai chuyên bán đồ khám, và đồ thêu về sau con rể là ông Nguyễn Đắc kinh doanh chiếm luôn hai căn nhà, mỗi tháng tiền thuê hơn ba trăm bạc. Ngoài ra còn có mấy hiệu nhỏ nữa của ông Nguyễn Chí Hòa và anh em nhà họ Tăng rất phát tài về đóng giày làm mũ trắng và khắc con dấu đồng. Chỉ có thế thôi.

Phong trào cạnh tranh buôn bán với khách trú đã khởi lên trong nước ta hồi năm 1917, chắc nhiều người còn nhớ. Ấy chính từ hồi đó nội hóa được đồng bào ta cố võ hoan nghênh. Các thứ hàng hóa của xứ Bắc sản xuất, nhất là the, lượt xuyên, lụa v.v... tiêu thụ vào Nam đến nỗi các cô chức nữ ở mấy làng La Cả, La Khê, phải “Con cò mấy máy suốt canh thâu” mà dệt cũng không đủ bán.

Cô Tư Hồng mở hiệu buôn hàng Bắc giữa lúc ấy thật là hợp thời đúng dịp. Làm gì chẳng kiếm được bạc vạn để gỡ lại cái lỗ ở Cao Miên.

Không ngờ người đến lúc vận đen, trước khi trốn chiếu, đánh một hồi bài sau chót cũng thua. Chẳng những không gỡ được canh bạc hôm qua lại còn thua thêm tiền túi một mẻ nữa.

Sự thật, cửa hiệu của cô buôn may bán đắt tính ra vẫn được lãi lời nhưng vì mọi sự ăn tiêu chi phí nặng quá thành ra chung qui vẫn là lỗ vốn.

Phần vì hồi này cô đã bắt đầu thụ bệnh, rồi khi ra Bắc thuốc men, khi nằm lì ở nhà cả tháng mặc kệ người nhà trông nom, sao khỏi mất mát thâm lậu.

Thế là buôn bán ở Sài Gòn vài năm cũng lại lỗ vốn.

Cô dẹp cửa hàng, dặt dít bầu đoàn về cố hương.

27. Trước khi nhắm mắt ăn năn xin lỗi Chúa trời.

Đồng tiền của cô Tư nhờ tài riêng thu nhật, xây đắp trong bao nhiêu năm lao khổ, kinh doanh, năm năm buôn bán không may ở Cao Miên và ở Sài Gòn đã thấy vệt đi một góc khá lớn.

Vì ai cô phải thiệt mất những mối hàng lúa gạo là nghề nghiệp quen tay, lợi lộc sẵn có của cô?

Vì ai cô phải xa bỏ quê hương?

Vì ai cô phải buôn thua bán lỗ?

Những nỗi lưu li tổn hại đó, nếu được một cái tình chân thật của ai kia đền bù lại chắc mình cũng có thể vui lòng mà tự yên ủi. Nhưng đấng này cô lại thấy chồng cô không phải vì tình mà chỉ vì của. Biết bao phen, ông chồng dễ dàng tán tỉnh cô sang tên sản nghiệp, cô nghĩ mà chán ngán cho thể thái nhân tình. Tự biết mình dại thì việc đã muộn.

Đối với một người vừa tiếc của, vừa thất tình, con ma bệnh chỉ búng một cái cũng đủ ngã.

Năm 1921, cô Tư ở Sài Gòn ra Hà Nội chỉ vừa đủ thời giờ để leo lên giường bệnh nằm liệt.

Mà bệnh nguy hiểm: bệnh lao.

Con người có tiên thiên vạm vỡ khỏe mạnh là thế, trong tay lại sẵn tiền của tha hồ bổ dưỡng thuốc men nhưng sự lo sự buồn, sự bức tức đã mở rộng cửa ngõ cho vi trùng Kock vào đục khoét gan phổi thịt xương, chẳng mấy chốc mà khô héo tiêu mòn với nó. Tiền bạc có mua lại được tính mạng đâu?

Những thân bằng cố hữu đến thăm, trông cô mà ái ngại; với mỗi ngày một chập ho, một cơn sốt đi qua rồi, cô Tư vẫn có lúc tỉnh táo nói năng được ít nhiều, song cứ ăn vào là thổ ra, thịt da rút đi đâu rất nhanh chóng! Đâu còn là cái Lan chắc nịch, gánh rượu đi chợ Kim Sơn ngày xưa? Đâu còn là người lực lưỡng béo lẳn, không hề biết bệnh tật là gì, đến nỗi chị em bạn đã đặt cho cái tên “một đồng thịt sắt”?

Chung quanh giường bệnh, sớm tối đắp đổi không thiếu gì đông, tây danh y ở Hà thành và từ các tỉnh rước lên cũng có. Ông nào xem mạch rồi cũng lắc đầu thở ra tỏ ý thất vọng.

Một bệnh nan y. Một bệnh bất trị. Những Kỳ Bá, Lãn Ông ngày xưa và khoa học đời nay đều phải khoanh tay ngồi ngó.

Trong lúc ấy đức phu quân nhà cô làm gì?

Chẳng cần phải có máy đo tâm lí hay là cặp mắt thầy tướng, ai chỉ trông qua thần sắc ông thử thời cũng biết ông không lo thuốc men săn sóc vợ ốm cho bằng kí chủ bản khoán về vụ gia sản của vợ.

Thì ra ông thầy tu này tham lam của cải thật.

Chỉ vì đồng bạc mà ông đành tâm lấy mình làm tấm bia cho mũi tên đâm tiểu của dư luận, phá giới và kết hôn với cô Tư. Vì ông rõ biết người đàn bà này không con mà ở Hà Nội lại có nhiều dãy nhà, trong tủ có nhiều giấy bạc. Của vợ chẳng là của chồng thì của ai?

Tuy nhiều lần gạ gẫm vợ kí giấy sang tên sản nghiệp cho mình đều bị vợ kiếm cớ thoái thác, hứa hẹn nhưng ông không ngã lòng chút nào. Ông quyết theo đuổi kì cùng để chiếm lấy cái tài sản to tát ấy.

Chưa biết nếu như chuyện này trở về Hà Nội mà cô Tư không ngọ bệnh thì ông sẽ giở ra những mưu mô và thủ đoạn gì để cho đạt mục đích. Rủi ro cho cô Tư về nằm liệt vị, ai buồn, ai lo mặc kệ, chính ông cho đó là một cơ hội rất may cho ông. Bệnh ấy thế nào mà thoát chết. Cô Tư chết tức là sản nghiệp của cô phải về phần ông hưởng tự nhiên.

Ông để hết tâm chí lo vụ sang tên cho dứt khoát và mau xong. Xem chừng cô Tư càng ngày càng đi gần tới nghĩa địa, không còn cách nào xa. Nếu để vợ chưa kịp kí tên mà nhắm mắt thì hỏng bét.

Bởi vậy, trong khi bà vợ nằm rên rỉ trên giường, mặc kệ các thầy lương y tận tâm cứu chữa, mặc kệ gia nhân phục dịch thuốc men, ông lần mò ra sở địa ốc xem tên bà Trần Thị Lan có những nhà cửa đất cát nào ở Hà Nội, lại ra ngân hàng dò la cho biết vợ còn gửi bao nhiêu tiền.

Một hôm, về buổi chiều thấy bà vợ hơi khỏe khoản tươi tỉnh có thể nói chuyện được ông liền đến bên làm bộ sờ trán cầm tay, ân cần thăm hỏi rồi đưa ra một tờ giấy biên sẵn mấy hàng chữ và nói:

- Cô chép y theo mấy hàng chữ này rồi kí tên vào dưới là xong. Giấy bút đây.

Cô Tư nhìn thấy viết mấy hàng chữ như vậy:

“Tôi để lại cho chồng tôi là M. Croibier Huguet, thừa tự tất cả của cải động sản và bất động sản của tôi.

Tôi viết giấy này và kí tên trong lúc tinh thần rất tỉnh táo.

Kí tên...”

Vừa đọc hết chữ sau cùng, cô Tư ngã bật ngửa trên giường, hai tay ôm lấy ngực, một cơn ho khúc khắc nổi lên, cô mệt nhọc quá gần như tắc hơi, bí thở.

Người nhà sợ cuống, tưởng là cô Tư giãy chết.

Cũng may đó chỉ là một cơn uất tức.

Dăm bảy phút sau, cô tỉnh lại mở mắt nhìn đức phu quân trừng trừng rồi khoa tay và nói được có hai tiếng:

Hôm khác.

Trong ý cô muốn bảo chồng để hôm khác sẽ nói chuyện ấy cho mà nghe. Nhưng ông chồng tưởng là bảo hôm khác cô sẽ kí tên nên chỉ cách sau đó một hôm, cũng về buổi chiều, ông lại mon men đến bên giường bệnh tán tỉnh rồi thò cái giấy hôm trước ra.

Lần này, cô Tư tỉnh trí, cầm lấy tờ giấy xé vụn làm nhiều mảnh, vừa nói vừa nhìn thẳng vào mặt chồng:

Ông cố tâm chiếm đoạt tài sản của một người đàn bà đến thế kia ư? Thế mà lúc mới gặp nhau, ông nói ông tu hành đạo đức chẳng thiết gì của cải thế gian...

Cô vượt ngục cho nhẹ hơi thở rồi nói tiếp:

Tôi nhớ không biết lần này là lần thứ mười mấy rồi ông gạ mãi tôi sang tên gia sản cho ông. Chắc ông nghĩ gái già này dại dột lắm, bảo gì nó chẳng phải nghe. Nó không dại đâu, ông ạ. Nói thật cho ông biết rằng nó đã phòng lấy thân rồi. Bao nhiêu gia sản nó cho người ta và mấy hội thiện hết cả rồi, có còn gì đâu nữa mà cho ông...

Cô nghi hơi, thoáng nghe ông chồng nói lảm bảm gì trong miệng có những tiếng... pháp luật... thừa kiện... Chắc ông hăm dọa sẽ đem vụ gia sản này ra tòa.

Cô nghiên răng, quắc mắt:

Phải đấy. Tôi chết rồi, ông muốn sinh sự thế nào cứ việc, tôi khỏi phải giương mắt trông thấy tình đời đen bạc mà đau đớn ruột gan.

Ông vùng vằng đi ra không thềm hỏi han bệnh tình vợ nữa tiếng!

Mặc dầu đốc tờ hết lòng cứu chữa mà bệnh vẫn không chịu đầu hàng hay rút lui ít nào, cô Tư chắc hẳn tự biết đời mình sắp sửa đến lúc tàn cuộc.

Buổi sáng hôm ấy, tự nhiên cô bảo người vực ngồi dậy, uống được trên nửa cốc sữa. Nét mặt trông tươi tỉnh, hai mắt như có hào quang. Người nhà hơi mừng, cho là một điềm báo trước của sự bình phục.

Cô gọi cậu em ra ngồi nói chuyện một cách điềm tĩnh rõ ràng như người vô bệnh:

Em ạ, ngày xưa ông cụ để ra chúng ta bần khổ hàn vi lắm. Có lúc gánh con ngồi trong hai đầu thúng, lưu lạc sinh nhai hết xứ này đến xứ khác. Lúc chị lớn khôn cũng trải bao nhiêu nông nổi gian nan rồi mới dựng nên cơ nghiệp thế này. Bởi chị khéo nhẫn nại, tính toán, bốc vác, tảo tần, từ một đồng xu cho đến một căn nhà đều tự tay mình buôn bán dành dụm mà làm nên chứ không phải cướp được của ai đâu. Lẽ nào để ai cướp được của mình? Nay chị để lại cho em tất cả tức là cho các cháu bé. Hễ chị nhắm mắt rồi, em phải cố giữ gìn cơ nghiệp này mà gây dựng cho các cháu đều được học hành nên thân. Trước khi chị chết, em có dám hứa với chị điều ấy không?

Sao chị nói gở miệng thế! — cậu em đáp — Chị không chết đâu. Khí sắc của chị hôm nay xem có vẻ tốt lắm, ấy là cái triệu chứng bình phục đến nơi. Chị cố mà tĩnh dưỡng cho mau lành mạnh.

Cậu có biết đâu cái chết có lúc là một thang thuốc bổ rất quý cho người ta.

Cô tư hơi nhếch miệng cười, cái cười khô khan mà thành thật.

Đoạn cô nói tiếp:

Giờ chị bảo em một việc nữa.

Việc gì thưa chị?

Em bảo đánh xe đến Nhà Chung mời cố Ân lại đây giùm chị.

Ngay bây giờ?

Tức khắc. Vì có một chuyện rất quan hệ, chị phải nói với cố.

Cố Ân ở nhà thờ Hà Nội lâu năm là một người đạo đức nhân từ, luôn luôn sốt sắng với kẻ nghèo, kẻ bệnh, ai biết cũng phải kính phục.

Sau đó 20 phút, cô đi xe tới ngôi nhà ở ngõ Hội Vũ vào ngồi bên đầu giường bệnh nhân vỗ về, an ủi:

Cô tư đang nằm, mở mắt ra thấy cố, chào hỏi rồi nói trân trọng rõ ràng từng tiếng:

-Thưa cha, câu chuyện tình duyên của con đã làm phiền lòng dư luận đạo đức, hấn cha đã rõ.

-Chuyện đã qua rồi.

-Vâng, chính vì chuyện đã qua ấy mà nay con thành thật ăn năn tội lỗi của con đã đồng phạm với kẻ lỗi đạo tu hành.

Tốt lắm, con biết ăn năn thì đức Chúa Lời sẵn lòng tha thứ, linh hồn con sẽ lên Thiên đàng.

Chứng tỏ lòng con ăn năn tha thiết, con xin cha rửa tội cho con trở lại đạo, cứu rỗi phần hồn của con.

Lòng thành của con đã được Chúa Lời soi thấu.

Thò tay vào phía trong đầu giường, lấy ra một tập giấy cô Tư trao cho cố Ân và nói:

Con có điều ước nguyện cuối cùng, xin cha chiếu cố.

Được, con cứ nói.

Thưa cha, trong tập này là bản đồ một miếng đất đáng giá gần hai vạn bạc và tờ nhượng con đã kí tên để cúng vào Nhà Chung. Với số tiền sẽ bán được miếng đất ấy, xin cha xây một tòa nhà thờ cho kẻ nghèo khó mà dưới nền móng đó năm xương tàn của con sẽ được chôn nường nhờ để các giáo hữu đời đời cầu nguyện cho con.

Đấng Cha chung của chúng ta sẽ ban phước cho con được như ý sở nguyện.

Đoạn cố Ân làm phép rửa tội cho cô. Sau khi đó người ta thấy trên gương mặt cô có hừng sáng, cô cố lấy hơi để nói cho to:

Trọn đời tôi, duy có phút này là thấy sung sướng thành thoi.

Rồi cô nằm nhắm mắt lại, chắp hai tay để trên ngực.

Một lát người ta rờ thấy người cô lạnh ngắt, chi còn trơ cái xác không hồn.

Thì ra bây giờ tỉnh táo nói năng chỉ là một hơi gắng cuối cùng như cây đèn hết dầu, ngọn lửa bùng lên một cái rồi tắt.

Cô tư Hồng hưởng thọ được 53 tuổi.

Nguyện vọng cuối cùng của cô được như ý.

Miếng đất ở ngay cửa trường Đấu Xảo trông sang và đối diện với hãng xe hỏa Vân Nam, cô dâng Nhà Chung, quả nhiên sau bán được hai vạn bạc. số tiền ấy dựng lên tòa nhà thờ cho dân nghèo của bà phước Antoine ở hàng Bột. Di hài của người quyên tiền nằm ở trong đó.

Còn ông chồng?

Cô Tư vừa nhắm mắt thì ông vội đệ đơn lên tòa kiện xin lấy gia tài của cô để lại, viện cứ rằng mình có công gây dựng chung.

Vụ kiện dây dưa đến mấy năm, rốt cuộc lại ông đập nhằm vỏ chuối. Pháp luật xét rõ gia tài ấy do một mình cô Tư làm ra, ông không có quyền gì được chia hay được hưởng.

Hình như ông thu nhặt những đơn hàng và giấy nợ lật vạt của vợ rồi chịu khó đòi hỏi hú họa mà cũng kiếm chác được gần bạc muôn.

Ông mới qua đời hồi năm kia.

Cố tâm chiếm đoạt sản nghiệp của cô Tư mà không được, chắc ông chết ảm ức đến ngàn thu.

Sản nghiệp ấy, theo lệnh của tòa, viên chương khế trông nom cai quản từ 1921 đến 1927 mới chia cho sáu người cháu. Tính ra mỗi người được độ hai vạn, cả tiền mặt lẫn nhà cửa.

Một phần vì mấy năm sau, cô Tư buôn bán thất bại hết bốn năm vạn, một phần vì vụ kiện cáo lôi thôi bởi cố Hồng gây nên làm cho mấy người thừa hưởng phải chịu tổn hao chẳng ít. Nếu không thì phần chia cho các cháu chắc còn nhiều hơn.

Cái sản nghiệp lớn đó nay còn giữ được hay không ta không cần biết đến nhưng ngày nay những ai đi qua ngôi biệt thự ở ngõ Hội Vũ - hiện đã về tay người khác nhưng vẫn gọi là nhà “cô Tư Hồng”- và dãy nhà ở phố Richaud chắc cũng phải ngậm ngùi tưởng nhớ đến người cố chủ đã xây dựng nên nó đã qua đời!

Lúc cô Tư Hồng đang nằm ngoắc ngoải trên giường bệnh, cụ Đốc Trần Tấn Bình có đến thăm nom. Theo ý muốn của bệnh nhân, cụ tức khẩu tặng một bài thơ. Chúng tôi tưởng nên để nó kết thúc cây chuyện này:

*“Giang hồ vùng vẫy buổi ganh đua,
Những bạn quần hoa hẳn chịu thua!
Tay trắng gây nên cơ nghiệp lớn,
Má hồng trang điểm phấn son vua.
Công danh bốn chữ chưa từng có,
Phẩm giá nghìn vàng há dễ mua.
Đáng tiếc ngọc lành còn có vết,
Trời già như thế cũng chơi chua”*